**HỆ THỐNG TIẾNG VIỆT THCS**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên bài** | **Kiến thức cơ bản** | **Ví dụ** |
| **I.**  **TỪ LOẠI** | **1.Danh từ**: từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, khái niệm…  -2 loại: DT chỉ sự vật: (DT chung, DT riêng) DT đơn vị: (đứng trước DT sự vật) | -DT sự vật: bông hoa, học sinh, trí tuệ,…, Hồ Chí Minh, ..  -DT đơn vị: chục, cặp, tá,… mét, lít, ki-lô-gam…, nắm, mớ, đàn… |
| **2.Động từ**: từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật  -2 loại: ĐT tình thái (có ĐT khác đi kèm); ĐT chi hoạt động, trạng thái. | - ĐT tình thái: dám, khiến, định, toan, …  -ĐT hoạt động, trạng thái: đi, chạy, nhức, nứt, … |
| **3.Tính từ**: từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiên tượng… | VD; đẹp, thông minh,.. |
| **4.Số từ**: từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật, sự việc…  -ST chỉ số lượng: đứng trước danh từ  -ST chỉ thứ tự: đứng sau danh từ | VD: **một** canh, **hai** canh..  VD: canh **bốn**, canh **năm** |
| **5.Lượng từ:** từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật… | Tất cả, mọi, những, mấy, vài, dăm, từng, các, mỗi.. |
| **6.Phó từ**: từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho nó | VD: đã-đang-sẽ, rất-lắm-quá, cũng-từng, không-chưa-chẳng, được… |
| **7.Đại từ**: từ dùng để trỏ người, sự vật,… hoặc dùng để hỏi | -ĐT để trỏ: tôi, ta, nó, họ, hắn…; bấy nhiêu,  -ĐT để hỏi: bao nhiêu, gì, ai, sao, thế nào... |
| **8.Chỉ từ**: từ dùng để trỏ vào sự vật nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian. | -này, kia, ấy, nọ |
| **9.Quan hệ từ**: từ dùng để biểu thị ý nghĩa quan hệ như so sánh, sở hữu, nhân quả... giữa các bộ phận của câu hoặc giữa các câu trong một đoạn văn. | -và, nhưng, bởi vì, nếu, như, của...  -tuy...nhưng, không những...mà còn, vì...nên,.. |
| **10.Trợ từ**: từ chuyên đi kèm với một số từ ngữ để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó | -ăn **những** hai bát cơm, ăn **có** hai bát cơm, **chỉ** ba đứa,đi **ngay**, **chính** nó, .. |
| **11.Thán từ**: từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc hoặc để gọi đáp. | -a, ái, ôi, ô hay, than ôi,...  -này, ơi, vâng, dạ… |
| **12.Tình thái từ**: từ dùng để thêm vào câu để tạo nên câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán hoặc biểu thị sắc thái tình cảm của người nói. | -à, ư, hử, nhỉ, chăng, chứ (nghi vấn)  -đi, nào, với (cầu khiến)  -thay, sao... (cảm thán)  -ạ, nhé, cơ mà... (sắc thái tình cảm) |
| **II.**  **PHÂN LOẠI TỪ THEO CẤU TẠO** | 1.Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.  2.Từ có 2 loại: Từ đơn, từ phức  -Từ đơn: có 1 tiếng  -Từ phức: có 2 tiếng trở lên.  +Từ ghép: các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa (từ ghép chính phụ, từ ghép đẳng lập)  +Từ láy: giữa các tiếng có sự láy âm. (từ láy toàn bộ, từ láy bộ phận | -Từ đơn: mẹ, bàn, trường, học, ngã...  -Từ ghép chính phụ: nhà máy, xanh ngắt  -Từ ghép đẳng lập: học hành, thầy trò, chạy nhảy  -Từ láy toàn bộ: xanh xanh, đèm đẹp, xôm xốp... *(có thể đổi thanh điệu hoặc đổi phụ âm cuối ở tiếng đứng trước)*  -Từ láy bộ phận: nhanh nhẹn, rón rén, lăn tăn... |
| **III.**  **PHÂN LOẠI TỪ THEO NGUỒN GỐC** | **1.Từ thuần Việt**: từ do nhân dân ta sáng tạo ra.  **2.Từ mượn**: từ mượn của tiếng nước ngoài...  Có 2 loại:  -Từ mượn gốc Hán (từ gốc Hán, từ Hán Việt)  -Từ mượn các ngôn ngữ khác: | -sứ giả, giang sơn...  -ra-đi-ô; mít tinh... |
| **IV.**  **HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ** | 1.Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa.  2.Trong từ nhiều nghĩa có:  -Nghĩa gốc: nghĩa xuất hiện ban đầu. Làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác  -Nghĩa chuyển: là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.  -Có 2 phương thức chuyển nghĩa thường gặp: Ẩn dụ và hoán dụ  \**Cần phân biệt với hiện tượng chuyển nghĩa tu từ không tạo ra từ nhiều nghĩa* | -Ăn cho ấm **bụng** (1)  -Anh ấy rất tốt **bụng** (2)  -**Bụng** chân săn chắc (3)  Bụng (1) –nghĩa gốc  Bụng (2)-nghĩa chuyển (hoán dụ)  Bụng (3)-nghĩa chuyển (ẩn dụ)  -Chuyển nghĩa tu từ: Thềm hoa một bước lệ **hoa** mấy hàng. (hoa –Thúy Kiều) |
| **V.**  **CỤM TỪ** | **1.Cụm danh từ:** là tổ hợp từ do danh từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  -Mô hình 3 bộ phận: (có thể vắng phần trước hoặc phần sau)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | ***Phần trước*** | | ***Phần trung tâm*** | ***Phần sau*** | | | ***t2*** | ***t1*** | ***Danh từ*** | ***s1*** | ***s2*** | | Lượng từ toàn thể | Lượng từ bộ phận/ Số từ |  | Bổ sung đặc điểm | Chỉ từ | | VD:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | ***Phần trước*** | | ***Phần trung tâm*** | ***Phần sau*** | | | ***t2*** | ***t1*** | ***Danh từ*** | ***s1*** | ***s2*** | | Tất cả | những | học sinh | chăm ngoan | ấy... | |  |  | Viên quan |  | ấy | |  | một | thanh sẳt |  |  | |
|  | **2.Cụm động từ**: là tổ hợp từ do động từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  - Mô hình 3 bộ phận: (có thể vắng phần trước hoặc phần sau)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Phần trước*** | ***Phần trung tâm*** | ***Phần sau*** | | Phó từ | Động từ | Bổ sung ý nghĩa cho ĐT | | VD:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Phần trước*** | ***Phần trung tâm*** | ***Phần sau*** | | đang | đùa nghịch | ở sau nhà | |  | chạy | tới | | đã | rụng |  | |
|  | **3.Cụm tính từ**: là tổ hợp từ do tính từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  - Mô hình 3 bộ phận: (có thể vắng phần trước hoặc phần sau)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Phần trước*** | ***Phần trung tâm*** | ***Phần sau*** | | Phó từ | Tính từ | Bổ sung ý nghĩa cho TT | | VD:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Phần trước*** | ***Phần trung tâm*** | ***Phần sau*** | | vốn đã rất | yên tĩnh | này | |  | nhỏ | lại | | vẫn | trẻ |  | |
| **VI. THÀNH PHẦN CÂU** | **1.Thành phần chính:** Chủ ngữ, Vị ngữ  **2.Thành phần phụ**: Trạng ngữ, Khởi ngữ  -**Khởi ngữ:** đứng trước chủ ngữ, nêu lên đề tài được nói đến trong câu. (Có thể thêm quan hệ từ ***Về, đối với*** vào trước KN và ***thì*** vào sau KN)  **3.Thành phần biệt lập**:  **a.Thành phần tình thái:**  thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. (tin cậy thấp/tin cậy cao)  **b.Thành phần cảm thán**: bộc lộ tâm lí người nói.  **c.Thành phần gọi đáp**: tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp  **d.Thành phần phụ chú**: giải thích, bổ sung (nằm giữa 2 dấu phẩy, 2 dấu ngoặc đơn, 2 dấu gạch ngang, 1 dấu gạch ngang và 1 đáu phẩy)TP tình thái, TP cảm thán, TP gọi đáp, TP phụ chú | -Mùa đông, lá bàng// đỏ như màu đồng.  TN CN VN  -Còn anh, anh// không ghìm nổi xúc động.  KN CN VN  -TP tình thái: (Tin cậy cao-thấp): chắc chắn, chắc,chắc hẳn, chắc là, hình như, dường như, có lẽ, chả nhẽ..  -TP cảm thán: chao ôi, ồ, trời ơi...  -TP gọi đáp: này, thưa ông, Lan ơi, Lan à, ạ, vâng, dạ, bẩm..  -TP phụ chú: Chúng tôi, mọi người –***kể cả anh, ...***  Cô bé nhà bên *(****có ai ngờ)*** |
| **VII.**  **CÂU THEO CẤU TẠO NGỮ PHÁP** | **1. Câu đơn:** câu do một cụm C-V tạo thành. | -Bà đỡ Trần //là người huyện Đông Triều  -Cầu Rồng, cầu Sông Hàn, cầu Thuận Phước// là những cây cầu lớn của Đà Nẵng  -Anh// chạy thật nhanh đến chị và tặng chị một bó hoa. |
| **2.Câu ghép:** là câu do hai hay nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. | - Về chiều, sương mù //tỏa biếc, Ba Vì //nổi bồng bềnh như vị thần bất tử ngự trên sóng.  -Nếu bạn// không tự nhận lỗi thì tôi // sẽ nói việc này cho cả lớp biết. |
| **3. Câu đặc biệt:** Là câu không có cấu tạo theo mô hình CN-VN | Vd1: Đoàn người nhốn nháo lên. **Tiếng reo. Tiếng vỗ tay.**  Vd2: An gào lên:  **-Sơn! Em Sơn! Sơn ơi!** |
| **4.Câu rút gọn:** Lược bỏ thành phần của câu (CN, VN hoặc cả CN và VN)  -Căn cứ vào các câu xung quanh nó để khôi phục thành phần bị rút gọn. | Vd1: Ăn quả nhớ kẻ trồng cây  Vd2: Hai ba người đuổi theo nó. **Rồi ba bốn người.**  Vd3: -Bao giờ cậu đi Hà Nội?  -**Ngày mai.** |
| **VIII.**  **CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI** | **1.Câu trần thuật:** dùng để kể, tả, giới thiệu, nêu ý kiến  **2.Câu nghi vấn:**  dùng để hỏi  **3.Câu cầu khiến**: dùng để yêu cầu, sai khiến, khuyên bảo, ra lệnh.  **4.Câu cảm thán**: Dùng để bộc lộ cảm xúc. | -Câu trần thuật: Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo và sáng sủa.  -Câu nghi vấn: -Sao cụ lo xa quá thế?  -Câu cầu khiến: -Ở nhà trông em nhá!  -Câu cảm thán: -Chao ôi! Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! |
| **IX.**  **CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI** | **1.Phương châm về lượng**: Nói phải có nội dung, nội dung đáp ứng đúng yêu cầu giao tiếp, không thiếu không thừa.  **2.Phương châm về chất**: đừng nói những điều mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.  **3.Phương châm cách thức**: nói ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ.  **4.Phương châm quan hệ**: cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh cách nói lạc đề. | **Các thành ngữ sau liên quan đến phương châm hội thoại nào:**  -Ăn ngay nói thật  -Nói nhăng nói cuội  -Nói có sách, mách có chứng  -Tiếng chì tiếng bấc  -Nói băm nói bổ  -Ông nói gà, bà nói vịt  -Nói bóng nói gió |
| **X.**  **NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý** | **1.Nghĩa tường minh:** phần thông báo được diễn đạt trực tiêp bằng từ ngữ trong câu.  **2.Hàm ý**: phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiêp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. | Vd:  -Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi soa đây này. (Tường minh)  -Cơm chín rồi! (Hàm ý: mời vô văn cơm) |
| **XI.**  **LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN** | **1.Về nội dung:** liên kết chủ đề, liên kết lô gích  **2.Về hình thức:** phép lặp, phép thế, phép nối, phép đồng nghĩa, trái nghĩa. | Vd1: Văn nghệ đã làm cho tâm hồn họ được sống. Lời gửi của văn nghệ là sự sống.  Vd2: Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác phải là kẻ mạnh.  Vd3: Chương đi bộ đội ở Quảng Trị. Lúc đó, anh vừa 18 tuổi. |
| **XII.**  **CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ** | **1.So sánh :** đối chiếu sự vật này với sự vật kia giữa chúng có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm.  -2 loại : SS ngang bằng, SS không ngang bằng | Vd1 : Ngôi nhà **như** trẻ nhỏ  Lớn lên với trời xanh  Vd2 : Những ngôi sao thức ngoài kia  **Không bằng** mẹ đã thức vì chúng con |
| **2.Nhân hóa** : gọi hoặc tả vật bằng từ ngữ vốn gọi hoặc tả người.  -3 kiểu :  +dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật  +dùng từ chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ vật  +trò chuyện, xưng hô với vật như với người | Vd1 : **Tàu mẹ, tàu con** đậu đầy mặt nước.  Vd2 : Tre **xung phong** vào xe tăng, đại bác.  Vd3 : **Trâu ơi**, ta bảo trâu này... |
| **3.Ẩn dụ**: gọi tên sự vật này bằng tên sự vật kia có nét tương đồng với nó.  -4 kiểu :  +Ẩn dụ hình thức  +Ẩn dụ cách thức  +Ẩ dụ phẩm chất  +Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác | Vd1 : Về thăm nhà Bác làng Sen  Có hàng râm bụt **thắp** lên **lửa hồng**  Vd2 : **Thuyền** về có nhớ **bến** chăng  Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền  Vd3 : Cha lại dắt con đi trên cát mịn  Ánh nắng **chảy** đầy vai. |
| **4.Hoán dụ** :gọi tên sự vật này bằng tên sự vật khác giữa chúng có quan hệ gần gũi...  -4 kiểu :  +Lấy bộ phận để gọi toàn thể  +Lấy vật chức đựng để gọi vật bị chứa đựng  +Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật  +Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng | Vd1 : **Bàn tay ta** làm nên tất cả...  Vd2 :Bác nhớ **miền Nam** nỗi nhớ nhà  Vd3 : Ngày Huế **đổ máu**  Vd4 : **Một** cây làm chẳng nên non  **Ba** cây chụm lại nên hòn núi cao |
| **5.Điệp ngữ**: lặp lại từ ngữ để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.  -3 dạng : ĐN cách quãng, ĐN nối tiếp, ĐN chuyển tiếp | -ĐN cách quãng : Trăng **lồng** cổ thụ bóng **lồng** hoa  -ĐN nối tiếp : Anh đã tìm em **rất lâu, rất lâu**..  -ĐN chuyển tiếp : : Cùng trông lại mà cùng chẳng **thấy**  **Thấy** xanh xanh những mấy ngàn dâu |
| **6.Liệt kê**: sắp xếp hàng loạt từ, cụm từ cùng loại để nhấn mạnh ý.  -Các kiểu liệt kê : theo cặp – không theo cặp, tăng tiến – không tăng tiến | Vd1 : **Tre, nứa, trúc, mai, vầu** mấy chục loại khác nhau, nhưng cùng một mầm non măng mọc thẳng. |
| **7.Nói quá :** phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. | Gươm mài đá đá núi cũng mòn  Voi uống nước nước sông phải cạn. |
| **8.Nói giảm nói tránh** : diễn đạt tế nhị, uyển chuyển để tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ ; tránh thô tục, thiếu lịch sự. | Vd1 : Bác đã **đi** rồi sao bác ơi ! |
| **9.Chơi chữ**: lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước. | Con **cá đối** nằm trong **cối đá**  Con **mèo cái** nằm trên **mái kèo** |
| **LƯU Ý : Cacphép tu từ bao giờ cũng có tác dụng gợi hình, gợi cảm :**  **+ Gợi hình : Giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc, con người thêm sinh động, cụ thể**  **+ Gợi cảm : Biểu hiện tư tưởng tình cảm sâu sắc** | |
| **XIII.**  **MỘT SỐ KIẾN THỨC KHÁC** | **1.Thành ngữ**: cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. | Bảy nổi ba chìm, lên thác xuống ghềnh, tắt lửa tối đèn, ... |
| **2.Từ đồng nghĩa** : từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.  -Phân loại : đồng nghĩa hoàn toàn, đồng nghĩa không hoàn toàn | Vd1 : trái – quả, bố-ba, mẹ -má  Vd2 : chết-hi sinh-toi mạng, ăn-đớp-chén |
| 3.Từ đồng âm : từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau | Thu (1) : mùa thu - Thu (2) : thu tiền  Sâu (1): con sâu – Sâu (2): độ sâu |
| **4.Trường từ vựng**: tập hợp những từ ít nhất có một nét chung về nghĩa. | Hãy đặt tên trường từ vựng cho mỗi dãy từ dưới đây:  -lưới, mơm, câu, vó  -tủ, rương, hòm, va li, chai, lọ  -hiền lành, độc ác, cởi mở  Bút máy, bút bi, phấn, bút chì |
| **5.Từ tượng hình, từ tượng thanh** : gợi tả hình ảnh, trạng thái của sự vật / mô phỏng âm thanh của sự vật  -Tăng sức gợi hình gợi cảm. | Vd1 : cái miệng **móm mém, xồng xộc** chạy vào...  Vd2 : cười **hơ hớ,** cười **ha hả**, cười **hô hố** |
| **6.Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp :**  **-**Dẫn trực tiếp**:** nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người nói hoặc nhân vật, đặt trong đấu ngoặc kép.  -Dẫn gián tiếp : thuật lại một lời nói hay ý nghĩ có điều chỉnh cho thích hợp, không đặt trong dấu ngoặt kép. | Vd1 : Cháu nói : « ***Đấy, bác cũng chẳng thèm người là gì ?*** ».  Vd2 : Nhưng chớ hiểu lầm rằng **Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành**... |
| **7.Thuật ngữ :** từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học công nghệ, thường dùng trong văn bản khoa học công nghệ. | Vd : thạch nhũ, ba-dơ, a-xít... |
|  | **8. Các cách phát triển từ vựng :**  **-Phát triển số lượng từ :** tạo từ mới, mượn từ  **-Phát triển nghĩa của từ** : thay đổi nghĩa của từ, tạo từ nhiều nghĩa | -Tạo từ mới : kinh tế tri thức, điện thoại di động...  -Mượn từ : in-tơ-nét...  -Thay đổi nghĩa của từ : kinh tế...  -Tạo từ nhiều nghĩa : chân,mặt... |

**CHUYÊN ĐỀ 1: TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

**BÀI 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

***(Trích “Truyền kỳ mạn lục” - Nguyễn Dữ)***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - **Nguyễn Dữ**  + quê - **Hải Dương.**  + **sống vào** **nửa đầu thế kỷ XVI**  - Ông **nổi tiếng là người học rộng, tài cao**. |
| ***PT biểu đạt*** | **Tự sự** có kết hợp **miêu tả và biểu cảm** |
| ***Xuất xứ*** | “***Chuyện người con gái Nam Xương***” là truyện thứ **16 trong số 20 truyện** của tập **“*Truyền kỳ mạn lục*”.** Viết bằng **chữ Hán.**  Truyện có **nguồn gốc từ một truyện cổ dân gian** Việt Nam mang tên **“Vợ chàng Trương”.** |
| ***Nhan đề*** | **ghi chép tản mạn những truyện kỳ lạ vẫn được lưu truyền**. |
| ***Thể loại*** | ***Truyện truyền kỳ:*** |
| ***Bố cục***  3 đoạn | - *Đoạn 1*: … của mình: **Cuộc** **hôn nhân** giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.  - *Đoạn 2*: … qua rồi: ***Nỗi oan khuất*** và ***cái chết bi thảm*** của Vũ Nương.  - *Đoạn 3*: Còn lại: ***Cuộc gặp gỡ giữa Vũ Nương và Phan Lang*** trong động Linh Phi. **Vũ Nương được giải oan.** |
| ***Tóm tắt*** | Vũ Thị Thiết (Vũ Nương) là người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh. Chồng nàng là Trương Sinh phải đi lính sau khi cưới ít lâu. Nàng ở nhà, một mình vừa nuôi con nhỏ vừa chăm sóc mẹ chồng đau ốm rồi làm ma chu đáo khi bà mất. Trương Sinh trở về, nghe lời con, nghi vợ thất tiết nên đánh đuổi đi. Vũ Nương không thể tự minh oan, gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn, được thần Rùa Linh Phi và các tiên nữ cứu. Sau đó Trương Sinh mới biết vợ bị oan. Ít lâu sau, Vũ Nương gặp Phan Lang, người cùng làng chết đuối được Linh Phi cứu. Khi Lang trở về, Vũ Nương nhờ gửi chiếc hoa vàng nhắn chàng Trương lập đàn giải oan cho nàng. Trương Sinh nghe theo, Vũ Nương ẩn hiện giữa dòng, nói vọng vào bờ lời tạ từ rồi biến mất. |
| ***Chủ đề*** | Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, “***Chuyện người con gái Nam Xương***” thể hiện niềm thương cảm đối với **số phận oan nghiệt**, đồng thời **ca ngợi vẻ đẹp truyền thống** của những phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. |
| ***Giá trị nội dung*** | - “***Chuyện người con gái Nam Xương***” đã thể hiện niềm **cảm thương** sâu sắc đối với **số phận oan nghiệt** của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. Qua đó **ngợi ca những vẻ đẹp phẩm chất** quý báu của họ.  - Tác phẩm còn như một thông điệp vượt thời gian: Tất cả mọi người đều có quyền sống và quyền hạnh phúc. Đặc biệt là những người phụ nữ, họ có quyền bình đẳng để phát huy tài năng và phẩm chất của mình. Đó cũng chính là những biểu hiện của một xã hội hiện đại, văn minh. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Xây dựng **tình huống truyện độc đáo**, đặc biệt là chi tiết **chiếc bóng**. Hình ảnh này hoàn thiện thêm vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương, đồng thời cũng thể hiện rõ nét hơn số phận bi kịch của Vũ Nương nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung.  - *Nghệ thuật dựng truyện*. **Dẫn dắt tình huống truyện hợp lý**. Chi tiết chiếc bóng là đầu mối câu chuyện lại xuất hiện ở cuối truyện, tạo sự bất ngờ, bàng hoàng cho người đọc và tăng tính bi kịch cho câu chuyện.  - **Có nhiều sự sáng tạo so với cốt truyện cổ tích "*Vợ chàng Trương*"** bằng cách sắp xếp thêm bớt chi tiết một cách độc đáo.  - *Nghệ thuật xây dựng nhân vật*: Nhân vật được xây dựng qua lời nói và hành động. Các lời trần thuật và đối thoại của nhân **vật sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ nhưng vẫn khắc hoạ đậm nét và chân thật nội tâm nhân vật**.  - *Sử dụng* ***yếu tố truyền kỳ (kỳ ảo) làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm***. Yếu tố kỳ ảo, hoang đường làm câu chuyện vừa thực vừa mơ, vừa có hậu vừa không có hậu, **làm hoàn chỉnh vẻ đẹp của Vũ Nương.**  - ***Kết hợp các phương thức biểu đạt*: Tự sự + biểu cảm** (trữ tình) làm nên một áng văn xuôi tự sự còn sống mãi với thời gian. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**I. Nhân vật Vũ Nương:**

**\* Giới thiệu chung:**

VN được giới thiệu là người phụ nữ thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Chính vì cảm kích trước vẻ đẹp của nàng mà Trương Sinh đã xin mẹ “đem 100 lạng vàng cưới về”.

**1. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***a. Trong quan hệ với chồng: nàng l*à người vợ thủy chung, luôn giữ gìn khuôn phép, yêu thương chồng hết mực, khát khao có một mái ấm gia đình hạnh phúc:** | **- Khi về làm dâu**, biết chồng có tính đa nghi, nàng luôn *“giữ gìn khuôn phép, không từng lúc nào để vợ chồng phải thất hoà”* - **Rồi khi chồng nàng phải đi lính**, Vũ Nương rót chén rượu đầy với lời tiễn biệt đầy cảm động: *“Chàng đi chuyến này…chỉ xin ngày về mang được hai chữ bình yên”* => niềm khao khát và ý thức trân trọng giữ gìn mái ấm hạnh phúc gia đình mà nàng đang có. Mặt khác nó cũng khẳng định được tấm lòng thuỷ chung yêu thương và lo lắng cho chồng của Vũ Nương.  - **Những tháng ngày Trương Sinh đi lính**, nàng luôn mong nhớ đợi chờ: *“Mỗi khi bướm … không thể nào ngăn được” =>* Phép ẩn dụ tượng trưng đã diễn tả đầy đủ được nỗi mong nhớ tháng ngày như biển trời cũng như đức hi sinh và tinh thần chịu đựng của người chinh phụ.  **- Khi bị chồng nghi oan,** nàng hết sức phân trần để chồng hiểu. => thái độ trân trọng và mong muốn được chồng thấu hiểu của nàng.  **- Khi không còn hi vọng,** nàng mượn bến Hoàng Giang để chứng minh tấm long trong sạch của mình. =>hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ phẩm giá của nàng.  **- Dù sống dưới thuỷ cung**: (ở một thế giới khác) nhưng nàng vẫn luôn hướng về chồng con**.** => Đó là tấm lòng **nhân nghĩa, vị tha, nhân hậu và rất cao thượng** của nàng🡺 P***hẩm chất đáng quý đó đại diện cho biết bao người phụ nữ Việt Nam từ xưa tới nay.*** |
| ***b. Trong quan hệ với mẹ chồng:*** **Nàng là một người con dâu hiếu thảo.** | - Những ngày chồng đi lính, nàng thay Trương Sinh làm tròn bổn phận của một người con: chăm sóc mẹ chồng già yếu, ốm đau *“Lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, thuốc thang, lễ bái thần phật”*.  - Khi mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót *“Phàm việc ma chay tế lễ như đối với cha mẹ đẻ mình”.*  - Lời trăng trối của mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định tấm lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành và công lao to lớn của Vũ Nương: *“Xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ”*. |
| ***c. Trong quan hệ với con:*** Nàng l**à người mẹ hết lòng yêu thương con** | - Ở nhà, Vũ Nương một mình vượt cạn, sinh bé Đản, vừa thực hiện thiên chức của người mẹ **chăm sóc nuôi dưỡng con nhỏ, lại vừa thay chồng thực hiện chức trách của người cha dạy dỗ bé Đản**, lo con thiếu thốn tình cảm của cha nên chỉ vào cái bóng của mình trên vách mà bảo *“cha Đản”*. |
| ***d. Trong quan hệ với Linh Phi:*** | - Chi tiết cuối truyện, Vũ Nương hiện về với câu nói: *“Thiếp cảm ơn đức Linh Phi, Đa tạ tình chàng… không thể về nhân gian được nữa”* => **khắc sâu phẩm chất nhân hậu rộng lượng, trọng tình nghĩa** của người phụ nữ việt Nam: Sống có trước, có sau. |
| *=>* ***Đánh giá:*** *Vũ Nương là người đem lại ngọn lửa ấm áp tình yêu thương thắp lên trong ngôi nhà vắng bóng đàn ông trụ cột. Nàng xứng đáng được hưởng những gì hạnh phúc, tuyệt vời nhất. Nhưng trớ trêu thay, hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.* | |
| **2.** **Vũ Nương là người phụ nữ bất hạnh:**  Khi Trương Sinh trở về tưởng chừng như hạnh phúc sẽ mỉm cười với Vũ Nương nhưng đó lại là lúc những oan khuất đổ ập xuống cuộc đời và số phận nàng. Dù vậy trong nỗi oan khất tày trời thì những phẩm chất tốt đẹp của nàng càng có cơ hội toả sáng, đặc biệt là tấm lòng trinh bạch. | |
| **- Là người phụ nữ hết mực thủy chung với chồng, toàn tâm toàn ý chăm lo cho gia đình nhà chồng**  **- Nhưng lại bị chồng nghi oan, đối xử bất công và tàn nhẫn.** | |
| - Thấy hạnh phúc đang có nguy cơ đứng trước bờ vực thẳm | **nàng cố phân trần, níu giữ,** nàng cố phân trần trước thái độ độc đoán, gia trưởng nhất quyết đuổi đI của Trương Sinh: *“Cách biệt ba năm … xin chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”.* |
| - Khi không thể tự minh oan cho mình | **nàng giã bày:** *“Thiếp nếu đoan trang giữ tiết … và xin khắp mọi người phỉ nhổ”* |
| 🡺 Việc chọn cho mình cái chết ở bến Hoàng Giang là cách duy nhất để nàng bảo vệ danh dự, phẩm giá của mình. Nhưng cũng qua nỗi oan khuất và cái chết của VN, ta có thể thấy *câu chuyện là lời tố cáo đanh thép với chế độ phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người. Hiện thân của chế độ ấy là nhân vật Trương Sinh* | |

***- Liên hệ thực tế: Hiện nay chúng ta đang phấn đấu xây dựng một xã hội bình đẳng giới …***

**II. Nguyên nhân cái chết của Vũ Nương:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Nguyên nhân trực tiếp:** | **Lời nói con thơ vô tình hại mẹ.** Chiếc bóng trên vách khiến bé Đản ngộ nhận đó là cha mình, khi người cha thật trở về thì không chịu nhận và vô tình gây ra hiểu lầm dẫn đến người mẹ bị nghi oan. |
| **2. Nguyên nhân gián tiếp:** | **- Do Cuộc hôn nhân không bình đẳng:** Vũ Nương vốn là “con kẻ khó” được Trương Sinh đem trăm lạng vàng mà cưới về.  **- Tính cách của Trương Sinh: đa nghi, độc đoán, gia trưởng. (là nguyên nhân sâu xa)**  - Hơn nữa **tư tưởng xã hội PK cũ** “trọng nam khinh nữ”, người phụ nữ trong gia đình không có tiếng nói, Vũ Nương không thể minh oan cho mình.  **- Chiến tranh phong kiến:** Trương Sinh phải đi lính, nên không có cơ hội hiểu vợ. |

**III. Ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo**

|  |  |
| --- | --- |
| ***1. Các chi tiết kỳ ảo trong câu chuyện:*** | - **Phan Lang nằm mộng** rồi thả rùa.  - Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, **gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế**.  - **Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan** trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất. |
| ***2. Cách đưa các chi tiết kỳ ảo và tác dụng*** | - Các yếu tố này được đưa vào **xen kẽ với những yếu tố thực** => Cách thức này làm cho **thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy**, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng. |
| ***3. Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo:*** | - Là **đặc trưng của thể loại truyện truyền kỳ.**  - Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.  - Tạo nên một kết thúc **phần nào** có hậu cho câu chuyện.  - Thể hiện về ước mơ, về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.  - Chi tiết kỳ ảo đồng thời **cũng không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện.** Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. (**bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình**.) |

**IV. Ý nghĩa chi tiết cái bóng**

Cái bóng là 1 trong những chi tiết quan trọng nhất, góp phần vào việc tổ chức cốt truyện, làm nổi bật tính cách nhân vật và chủ đề câu chuyện. nó vừa có vai trò là chi tiết “thắt nút”, vừa là chi tiết “mở nút” cho nỗi oan của VN.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. cái bóng có ý nghĩa thắt nút câu chuyện** (cái bóng của VN- xuất hiện lần 1- trên vách tường khi TS đi lính) | **- đối với bé Đản:** cái bóng được coi như **người cha thực sự**, vì khi Trương Sinh đi vắng, VN đã trỏ bóng mình trên vách và bảo đó là cha bé.  **- Đối với Trương Sinh:** cái bóng **là tình địch**, là cái cớ để máu ghen của TS nổi lên, gây nên cái chết oan nghiệt của VN.  **- Đối với VN:** cái bóng thể hiện nỗi **khát khao đoàn tụ gia đình- khát khao hạnh phúc giản đơn** của người phụ nữ: có vợ có chồng, con cái có đủ cha đủ mẹ. |
| **2. cái bóng có ý nghĩa mở nút câu chuyện** (cái bóng của TS- xuất hiện lần 2- trên vách tường khi VN đã tự vẫn) | **- Bóng TS** xuất hiện trên vách tường khi VN đã tự vẫn, bé Đản chỉ vào bóng và nói đó là cha mình 🡺 **khiến TS hiểu ra nỗi oan của vợ** mình. Nhưng sự đã rồi. Nỗi oan của VN đã được cởi bỏ nhưng bi kịch chẳng thể xóa bỏ, bởi nàng chết cũng đã chết rồi. |
| **3. Cái bóng bổ sung, hoàn thiện vẻ đẹp của VN** | Đó là cái bóng VN hiện về giữa dòng sông, lúc TS lập đàn giải oan cho vợ: nàng hiện lên giữa dòng, nói lời từ biệt rồi dần dần biến mất. Chi tiết cuối truyện, Vũ Nương hiện về với câu nói: *“Thiếp cảm ơn đức Linh Phi, Đa tạ tình chàng… không thể về nhân gian được nữa”*  **🡺** Có ý **nghĩa khắc sâu phẩm chất nhân hậu rộng lượng, trọng tình nghĩa** của người phụ nữ việt Nam. |

**🡺** Cái bóng là chi tiết đặc sắc, góp phần bộc lộ tính cách đa nghi, độc đoán của TS, qua đó tác giả bộc lộ niềm thương cảm sâu sắc đối với những người phụ nữ trong XH cũ. Đồng thời, qua chi tiết này, ta còn thấm thía ***1 bài học: Hạnh phúc gia đình vốn mong manh như chiếc bóng, ta cần phải luôn trân trọng, bảo vệ, giữ gìn. Và, hạnh phúc chỉ tồn tại khi mỗi người thực sự thấu hiểu và tin tưởng nhau.***

**BÀI 2: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

***(Trích hồi thứ 14) Ngô gia văn phái***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | ***Ngô gia văn phái*** : một **nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì**, trong đó **hai tác giả chính là Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du**  **- Họ là những nhà Nho mang nặng tư tưởng trung quân, ái quốc**.  - **Họ là những cây bút trung thực và có tư tưởng tiến bộ**. Họ đã phản ánh được một cách chân thực, sống động những sự kiện lịch sử dân tộc trong khoảng ba mươi năm cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Tác phẩm **viết bằng chữ Hán**, vào **30 năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX**. |
| ***Nhan đề*** | “***Hoàng Lê nhất thống chí***”: **ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê**, (**vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê)** |
| ***Thể loại*** | Viết theo **thể *Chí*-** Cũng có thể xem Hoàng Lê nhất thống chí **là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi.** |
| ***Vị trí đoạn trích*** | Đoạn trích **thuộc hồi thứ 14,** viết về sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**I. Hình tượng người anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ : (5 phẩm chất)**

**Hình tượng người anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ được khắc họa với rất nhiều những nét đẹp phẩm chất đáng ngưỡng mộ**

|  |  |
| --- | --- |
| *1. hành động mạnh mẽ quyết đoán:* | - Hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết.  + Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “định thân chinh cầm quân đi ngay”.  + Chỉ trong vòng hơn 1 tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “tế cáo trời đất”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc... |
| ***2. trí tuệ sáng suốt và nhạy bén:*** | a. Sáng suốt trong việc *quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung.*  => Việc lên ngôi đã được tính kỹ với *mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”, được dân ủng hộ.*  *b. Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta:*  - Qua lời phủ dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An  + Quang Trung đã chỉ rõ “đất nào sao ấy”, “người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác” .  + Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân ta, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”.  + Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành...  + Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính vừa chí tình, vừa nghiêm khắc: “các ngươi đều là những kẻ có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”.  *c. Sáng suốt trong việc xét đoán bề tôi:*  - Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ra thì “quân thua tại tướng” nhưng ông hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen.  - Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sư “đa mưu túc trí”. Việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm chủ mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao. |
| ***3.*** *có* ***tầm nhìn xa trông rộng:*** | - Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tấc đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”.  - Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 năm tới ta hoà hoãn. |
| ***4.*** *có* ***tài thao lược hơn người:*** | - Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ 25 tháng chạp đến mùng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tết ở Thăng Long, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày.  - Vừa hành quân, vừa tuyển binh lính, hành quân liên tục mà đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân  - Cách đánh thiên biến vạn hóa khiến giặc không kịp trở tay |
| ***5. Oai phong, lẫm liệt trong chiến trận:*** | - Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa. Ông làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự.  - hình ảnh người anh hùng cũng được khắc hoạ lẫm liệt: trong cảnh “khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì”, nổi bật hình ảnh nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng. |
| 🡺 QT quả là 1 vị lãnh đạo tài ba, có đủ các yếu tố phẩm chất để trở thành 1 thủ lĩnh- linh hồn của nghĩa quân. Ông có 1 trái tim nóng, luôn sục sôi tình yêu nước và 1 cái đầu lạnh, tràn đầy lí trí. Hơn thế, ông biết cách dùng chúng để đạt được ưu thế, làm nổi bật tài thao lược, sự sáng suốt, quyết đoán của mình. | |

**II. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***1. Sự thất bại nhục nhã của quân tướng nhà Thanh:*** | ***a. Mục đích :***  - Quân Thanh mượn cớ giúp Lê Chiêu Thống khôi phục lại vương triều nhà Lê nhưng mục đích chính là xâm lược nước ta, đặt nước ta làm quận huyện của chúng.  ***b. Bản chất:***  -Tướng: Tôn Sĩ Nghị là tên tướng bất tài, kiêu căng, tự mãn chủ quan, kinh thường đối phương nên ngày Tết chỉ lo yến tiệc, không lo bất chắc.  - Quân: là đội quân ô hợp, vô kỉ luật.  ***c. Khi quân Tây Sơn đánh úp đồn Ngọc Hồi.***  - **Tướng** thì “sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp... chuồn trước qua cầu phao”.  **- Quân** thì lúc lâm trận “ai nấy đều rụng rời sợ hãi” xin ra hàng hoặc “bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết” “đến nỗi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa”.  🡺 Tác giả miêu tả sự đại bại của quân xâm lược với vần điệu nhanh, mạnh, gấp gáp, gợi ra sự thất bại liên tiếp và nhanh chóng. Đồng thời, điều này gợi tâm trạng hả hê, sung sướng của người cầm bút. |
| ***2. Số phận thảm bại của bọn vua tôi phản nước hại dân:*** | ***a. Mục đích***: Lê Chiêu Thống củng cố địa vị thống trị đã mục nát.  b.***Bản chất***: là kẻ tham quyền, cố vị, bất tài vô dụng. Lê Chiêu Thống và những bề tôi trung thành đã vì lợi ích riêng của dòng họ mà đem vận mệnh của cả dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược. Hắn là kẻ cõng rắn cắn gà nhà.  ***c. Khi quân Thanh đánh úp đồn Ngọc Hồi:***  - Suốt mấy ngày yến tiệc vui mừng trong điện, không hay việc gì xảy ra.  - Khi nghe tin có biến, Lê Chiêu Thống phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh van xin, không còn đâu tư cách bậc quân vương.  - Kết cục phải chịu chung số phận bi thảm của kẻ vong quốc: Vội vã cùng mấy bề tôi thân tín “đưa thái hậu ra ngoài”, chạy bán sống bán chết, “luôn mấy ngày không ăn”. Đuổi kịp được Tôn Sĩ Nghị chỉ còn biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”.  **🡺** Lối kể chuyện xen kẽ miêu tả sinh động, cụ thể, gây ấn tượng mạnh. Miêu tả sự thảm bại của bọn bán nước hại dân bằng giọng kể chậm rãi có khi chững lại khi miêu tả giọt nước mắt của người thổ hào để thể hiện thái độ ngậm ngùi chua xót của người cầm bút. |
| ***3. Tại sao các tác giả “Hoàng Lê nhất thống chí” vốn có cảm tình với nhà Lê, “phò Lê” nhưng lại viết rất hay, rất đẹp về người anh hùng Nguyễn Huệ?***  - Là những nhà viết sử nên các ông không thể không ***tôn trọng sự thật lịch sử***.  - Mặt khác, các tác giả cũng được chứng kiến tận mắt sự thối nát, kém cỏi, hèn mạt của nhà Lê cùng sự độc ác, hống hách, ngang ngược của giặc Thanh nên các ông không thể không thở dài ngao ngán, cảm thấy nhục nhã, ***ý thức dân tộc*** không thể không được dâng cao.  - Những ***phẩm chất đẹp đẽ của QT đã thực sự khiến họ khâm phục*** | |

**CHUYÊN ĐỀ 2 : THƠ TRUNG ĐẠI**

**BÀI 1. TRUYỆN KIỀU VÀ 2 ĐOẠN TRÍCH**

***Nguyễn Du***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả* Nguyễn Du** | **1. Thời đại: cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX)**  - Xã hội phong kiến Việt Nam khủng hoảng sâu sắc, các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực dẫn đến Lê- Trịnh suy tàn.  - Phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục, đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã “*Một phen thay đổi sơn hà*”. Nhưng triều đại Tây Sơn ngắn ngủi, tồn tại khoảng 24 năm thì sụp đổ, *triều Nguyễn lên thay*.  ***=> Những thay đổi kinh thiên động địa ấy tác động mạnh tới nhận thức tình cảm của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút của mình vào hiện thực, vào “Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”.***  **2. Cuộc đời:**  - Tác giả Nguyễn Du (1765 – 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên  - Quê ở làng Tiên Điền – huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh  - Ông xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống hiếu học.  - Song tuổi thơ của Nguyễn Du không hẳn là bình yên, êm ả mà trải qua khá nhiều thăng trầm, mất mát:  + Năm 10 tuổi ông mồ côi cha.  + Năm 12 tuổi ông mồ côi mẹ.  + Nguyễn Du sống cùng người anh cùng cha khác mẹ là nguyễn Khản.  **- Do những xoay vần, biến động dữ dội của lịch sử, gia đình Nguyễn Du cũng sớm rơi vào sa sút**.  + Cuộc đời nguyễn Du kinh qua đầy những thăng trầm, biến động. Song, tất cả góp phần tạo nên dấu ấn cho những tác phẩm nổi tiếng và có giá trị sâu sắc của ông.  **3. Con người:**  - Nguyễn Du có **năng khiếu văn học bẩm sinh, ham học, có hiểu biết sâu rộng và từng trải, có vốn sống phong phú**  - Nguyễn Du là con người **có trái tim giàu lòng yêu thương**.  **4. Về sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du:**  - Sáng tác nhiều tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm.  + 3 tập thơ chữ Hán gồm 243 bài.  + Tác phẩm chữ Nôm có ***Văn chiêu hồn***, **xuất sắc nhất là *Đoạn trường tân thanh* thường gọi là Truyện Kiều.**  Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du không phải quá đồ sộ về mặt số lượng, song nó đã **kết tinh được những tinh hoa văn hóa thời đại để trở thành đỉnh cao của văn học dân tộc nói riêng và nhân loại nói chung.** |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Sáng tác vào **thế kỷ XIX** (1805-1809) |
| ***Xuất xứ*** | - Truyện **dựa theo cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân** (Trung Quốc). Tuy nhiên phần **sáng tạo của Nguyễn Du** là hết sức lớn, mang ý nghĩa quyết định thành công của tác phẩm |
| ***Thể loại*** | ***Truyện thơ Nôm*** |
| ***Tóm tắt*** | ***a. Phần thứ nhất*:** ***Gặp gỡ và đính ước.***  Vương Thuý Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, con gái đầu lòng một gia đình trung lưu lương thiện, sống trong cảnh "êm đềm trướng rủ màn che" bên cạnh cha mẹ và hai em là Thuý Vân, Vương Quan. Trong buổi du xuân nhân tiết Thanh minh, Kiều gặp chàng Kim Trọng "phong tư tài mạo tót vời". Giữa hai người chớm nở một mối tình đẹp. Kim Trọng dọn đến ở trọ cạnh nhà Thuý Kiều. Nhân trả chiếc thoa rơi, Kim Trọng gặp Kiều bày tỏ tâm tình. Hai người chủ động, tự do đính ước với nhau.  ***b. Phần thứ hai*:** ***Gia biến và lưu lạc***  Trong khi Kim Trọng về Liêu Dương chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan. Kiều nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng còn nàng thì bán mình chuộc cha. Nàng bị bọn buôn người là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh lừa gạt, đẩy vào lầu xanh. Sau đó, nàng được Thúc Sinh – một khách làng chơi hào phóng – cứu vớt khỏi cuộc đời kỹ nữ. Nhưng rồi nàng lại bị vợ cả của Thúc Sinh là Hoạn Thư ghen tuông, đầy đoạ. Kiều phải trốn đến nương nhờ nơi cửa Phật. Sư Giác Duyên vô tình gửi nàng cho Bạc Bà - một kẻ buôn người như Tú Bà, nên Kiều lần thứ hai rơi vào lầu xanh. Tại đây, nàng gặp Từ Hải, một anh hùng đội trời đạp đất. Từ Hải lấy Kiều, giúp nàng báo ân báo oán. Do mắc lừa quan tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến. Từ Hải bị giết. Kiều phải hầu đàn hầu rượu Hồ Tôn Hiến rồi ép gả cho viên thổ quan. Đau đớn, tủi nhục, nàng trẫm mình ở sông Tiền Đường và được sư Giác Duyên cứu, lần thứ hai Kiều nương nhờ cửa Phật.  ***c. Phần thứ ba*:** ***Đoàn tụ****:*  Sau nửa năm về chịu tang chú, Kim Trọng trở lại tìm Kiều. Hay tin gia đình Kiều gặp tai biến và nàng phải bán mình chuộc cha, chàng vô cùng đau đớn. Tuy kết duyên với Thuý Vân nhưng chàng vẫn không thể quên mối tình đầu say đắm. Chàng quyết cất công lặn lội đi tìm Kiều. Nhờ gặp được sư Giác Duyên mà Kim, Kiều tìm được nhau, gia đình đoàn tụ. Chiều theo ý mọi người, Thuý Kiều nối lại duyên cũ với Kim Trong nhưng cả hai cùng nguyện ước “Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | Truyện Kiều có 1 tên chữ Hán và 1 tên chữ Nôm.  ***- Đoạn trường tân thanh***: tiếng kêu mới về nỗi đau thương đứt ruột: bộc lộ chủ đề tác phẩm- tên do tác giả đặt (tiếng kêu cứu cho số phận người phụ nữ).  - ***Tên chữ nôm***: ***Truyện Kiều***: Tên nhân vật chính - Thuý Kiều (do nhân dân đặt cho dễ nhớ, dễ hiểu). |
| ***Giá trị nội dung*** | Từ câu truyện tình ở Trung Quốc đời Minh biến thành một khúc ca đau lòng thương người bạc mệnh (**vượt xa Thanh Tâm Tài Nhân ở tinh thần nhân đạo**). |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | + Thể loại: Chuyển thể văn xuôi thành **thơ lục bát – thể thơ lục bát truyền thống** của dân tộc gồm 3254 câu. **Nó là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại thơ Nôm được viết bằng thơ lục bát, gồm 3254 câu.**  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên, đặc biệt là **bút pháp tả cảnh ngụ tình.**  + Ngôn ngữ: **Truyện Kiều đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật.** |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM 2 ĐOẠN TRÍCH**

**ĐOẠN TRÍCH** “**CHỊ EM THÚY KIỀU**”

**I. KIẾN THỨC CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Vị trí đoạn trích :** | Vị trí đoạn trích “***Chị em Thuý Kiều***”: nằm **ở phần mở đầu của phần thứ nhất**: **gặp gỡ và đính ước**. Khi giới thiệu gia đình Thuý Kiều, tác giả tập trung miêu tả tài sắc hai chị em thuý vân, Thuý Kiều. |
| **2. Bố cục đoạn trích**: 4 phần | + Bốn câu đầu: giới thiệu khái quát hai chị em Thuý Kiều.  + Bốn câu tiếp: gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân.  + Mười hai câu còn lại: gợi tả vẻ đẹp thuý Kiều.  + Bốn câu cuối: nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em. |
| **3. Giá trị nội dung và nghệ thuật**: | Giá trị nội dung “Chị em Thuý Kiều” là khắc hoạ rõ nét chân dung tuyệt mĩ của chị em Thuý Kiều, ca ngợi vẻ đẹp, tài năng và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Thuý Kiều là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du.  Giá trị nghệ thuật: Thuý Kiều, Thuý Vân và nhân vật chính diện, thuộc kiểu nhân vật lý tưởng trong Truyện Kiều. Để khắc hoạ vẻ đẹp của nhân vật lý tưởng, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ - lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người. Nhà văn không miêu tả chi tiết cụ thể mà chủ yếu là tả để gợi. Sử dụng biện pháp đòn bẩy làm nổi bật hình ảnh Thuý Kiều. |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Bốn câu đầu**: **giới thiệu khái quát về 2 chị em.**

***4 câu thơ mở đầu đoạn trích đã khái quát vẻ đẹp chung 2 cô con gái đầu lòng của Vương ông :***

|  |  |
| --- | --- |
| **- 2 câu thơ đầu :** *“Đầu lòng hai ả ……*  *Thúy Vân”* | **-** 2 câu thơ đầu đã ***giới thiệu vị trí của chị em*** Thúy Kiều trong gia đinh họ Vương: Kiều là chị, Vân là em.  - Tác giả sử dụng **phép đảo trật tự cú pháp** (***Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân)***, để hai từ “chị-em” đứng gần nhau.  => tô đậm tình cảm gắn bó, thân thiết của hai nàng  - ***“Tố nga” - chỉ người con gái đẹp***. Đó là 1 vẻ đẹp thanh tao, trang trọng, quý phái. |
| **NT ẩn dụ, tiểu đối, kết hợp bút pháp ước lệ : “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*”** | + đã tạo nên sự ***cân xứng nhịp nhàng***, gợi tính trang nhã cổ điển cho lời thơ, đồng thời ***nhấn mạnh vẻ đẹp hoàn mĩ của chị em Thúy Kiều.***  + ***Hai nàng thiếu nữ cốt cách thanh tao như mai, tâm hồn trong trắng như tuyết.*** |
| ***+* Thành ngữ**  ***“mười phân vẹn mười”*** | một lần nữa ***nhấn mạnh vẻ đẹp tuyệt đối*** của hai nàng |
| **🡺 *Có thể nói 2 chị em TK- TV mang vẻ đẹp chung : hoàn hảo cả về hình thức và tâm hồn song mỗi người lại một vẻ “mười phân vẹn mười”.***  **2. Bốn câu tiếp theo: gợi tả vẻ đẹp của Thuý Vân.** | |
| **- Câu thơ mở đầu** | Ngay sau khi giới thiệu vẻ đẹp chung của chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã đi vào miêu tả vẻ đẹp Thúy Vân: “Vân xem trang trọng khác vời” |
| - *“trang trọng”* | gợi phong thái cao sang, quý phái. |
| - **bút pháp nghệ thuật ước lệ, liệt kê :** *trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc* | **- Vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời**, trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc.  => **chân dung Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt, nét mày, làn da, mái tóc đến nụ cười, giọng nói, phong thái ứng xử nghiêm trang, đứng đắn**. |
| **biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa :** *hoa cười, ngọc thốt, mây thua, tuyết nhường* | **Gợi tả Khuôn mặt** tròn, đầy đặn, tươi sáng tựa như trăng rằm; **miệng cười** tươi như hoa; **giọng nói** trong như ngọc; **tóc** óng ả, mượt mà như mây; **làn da** trắng, mịn màng hơn tuyết.  => ***Vẻ đẹp của nàng khiến thiên nhiên phải “thua” “nhường”. Vẻ đẹp của Vân tạo sự hòa hợp, êm đềm với với xung quanh. => như ngầm dự báo số phận bình yên của nàng sau này.*** |

🡺 **Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận**. Vân đẹp hơn những gì mĩ lệ nhất của thiên nhiên nhưng tạo sự **hoà hợp êm đềm với xung quanh**: **mây thua, tuyết nhường**. Thuý Vân hẳn có một **tính cách ung dung, điềm đạm, một cuộc đời bình yên không sóng gió.**

**3. 12 câu tiếp theo: gợi tả vẻ đẹp và tài hoa của Kiều.**

**Nguyễn Du đã gợi tả chân dung Thúy Vân trước, làm nền cho vẻ đẹp của Thúy Kiều. Đó là thủ pháp đòn bẩy trong văn chương cổ, gợi tả chân dung Thúy Vân để khẳng định chân dung Thúy Kiều là tuyệt thế giai nhân.**

**a. Nhan sắc:**

Nếu như miêu tả bức chân dung của Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ dùng có bốn câu thì đến Thúy Kiều ông **dùng đến mười hai câu.** Chứng tỏ, tác giả đã ưu ái, dùng nhiều bút lực và sự yêu mến đặc biệt cho nhân vật này.

- Chân dung Thúy Vân chỉ được khắc họa ở nhan sắc thì chân dung của Thúy Kiều được tả cả **sắc, tài, tình.**

|  |  |
| --- | --- |
| **- Câu thơ đầu** | Để miêu tả vẻ đẹp của Kiều tác giả ***đã miêu tả Thúy Vân trươc Kiều sau. Đây là nghệ thuật đòn bẩy***.Vân đã đẹp rồi mà Kiều còn đẹp hơn nữa.  “ Kiều càng sắc sảo mặn mà  So bề tài sắc lại là phần hơn”  Không tả một cách cụ thể nhưng Nguyễn Du đã khắc sâu trong tâm trí người đọc một ấn tượng sâu sắc về **vẻ đẹp vượt trội** của Thúy Kiều. |
| - **hình tượng ước lệ- ẩn dụ:** thu thuỷ, xuân sơn, hoa, liễu. | - khi hoạ bức chân dung Kiều, **tác giả tập trung gợi tả vẻ đẹp đôi mắt :**  - Hình ảnh “***Làn thu thuỷ, nét xuân sơn***” là hình ảnh mang tính ước lệ, đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ, gợi **lên một đôi mắt đẹp trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu (làn thu thủy), đôi lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân (nét xuân sơn)**. **Đôi mắt đó là cửa sổ tâm hồn, thể hiện phần tinh anh của tâm hồn, trí tuệ.**  **=>** Tả Kiều, tác giả không cụ thể như khi tả Vân mà chỉ **đặc tả đôi mắt theo lối điểm nhãn - vẽ hồn cho nhân vật,** **gợi lên vẻ đẹp chung của một trang giai nhân tuyệt sắc**. |
| - **hình tượng ước lệ- ẩn dụ** **kết hợp Phép nhân hóa** : *hoa ghen- liễu hờn* | - Vẻ đẹp của Kiều làm cho **hoa ghen, liễu hờn, nước nghiêng thành đổ**:  “Một hai nghiêng nước nghiêng thành  Sắc đành đòi một tài đành họa hai”  - “Nghiêng nước nghiêng thành'" **còn là cách nói sáng tạo từ điển cố** “nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc" (ngoảnh lại nhìn một lần thì làm nghiêng thành người, ngoảnh lại nhìn lần nữa thì làm nghiêng nước người) để cực tả vẻ đẹp của bậc tuyệt sắc giai nhân  => Nguyễn Du không miêu tả trực tiếp nhân vật mà **miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê trước vẻ đẹp đó, cho thấy đây là vẻ đẹp có chiều sâu, có sức quyến rũ, cuốn hút lạ lùng**. Sắc đẹp như vậy trên thế gian duy nhất chỉ có một mình Kiều, tài năng họa may ra có người thứ hai.  - Với vẻ đẹp vượt trên cả chuẩn mực, **cái đẹp của Kiều khiến thiên nhiên phải ghen ghét, đố kị«  Hoa ghen- liễu hờn ».**  =>***Chính điều đó đã ngầm dự báo số phận chuân chuyên, trắc trở của nàng sau này.*** |
| ***🡺 Vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều mang một ấn tượng mạnh và sức gợi lớn cho người đọc. Đó là vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp của chiều sâu, hơn cả những gì đẹp nhất, chuẩn mực nhất.***  **2, Tài năng và tâm hồn:**  Nàng không chỉ là trang tuyệt thế giai nhân mà nàng còn là một người thông minh có tài cầm, kì, thi , họa và tài nào cũng đạt tới mức lí tưởng. | |
| "*Thông minh vốn sẵn tính trời*" | Kiều **vượt khỏi những khuôn mẫu chuẩn mực của xã hội phong kiến** "*Thông minh vốn sẵn tính trời*". |
| “*Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm*”. | **Tài năng của Kiều đạt đến mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến, hội đủ *cầm, kỳ, thi, hoạ*** “*Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm*”. |
| “*Cung thương …….một trương*” | Tác giả **đặc tả tài đàn – là sở trường, năng khiếu, nghề riêng của nàng.** Nàng đã thuộc làu các cung bậc, giai điệu của các bản nhạc cổ. Và có lẽ đó là món nghề riêng |
| “*Khúc nhà …… não nhân*”. | - Không chỉ vậy, nàng còn **giỏi sáng tác nhạc**. **Cung đàn Bạc mệnh của Kiều là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm** - - Đặc biệt cung “Bạc mệnh” như dự báo trước **cuộc đời hồng nhan bạc mệnh, tài mệnh tương đố** khó tránh khỏi của nàng. |

🡪 Chân dung Thuý Kiều là bức chân dung mang tính cách và số phận. Vẻ đẹp khiến cho tạo hoá phải ghen ghét, các vẻ đẹp khác phải đố kị, 🡺 Cuộc đời Kiều hẳn là cuộc đời hồng nhan bạc mệnh.

***🡺 Qua mười hai câu thơ, chúng ta thấy được vẻ đẹp hội tụ sắc - tài - tình, tất cả đều đến mức lí tưởng, xuất chúng của Thúy Kiều. Đồng thời, cho thấy sự tài hoa của Nguyễn Du trong nghệ thuật miêu tả nhân vật.***

**4. 4 câu cuối: nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thuý Kiều.**

Mở đầu khổ thơ cuối là lời giới thiệu chung về cuộc sống của chị em Thúy Kiều:

*“Phong lưu rất mực hồng quần*

*Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê”*

|  |  |
| --- | --- |
| Với phép tu từ **hoán dụ** “hồng quần” , | - ý chỉ Thúy Vân,Thúy Kiều , người con gái **đẹp**.  - Họ có **cuộc sống phong lưu**. Từ “ phong lưu” **vừa gợi về cuộc sống đủ đầy, vừa gợi về tác phong lịch sự trang nhã của hai chị em**. |
| **Lối nói ẩn dụ** “xuân xanh”, «  tới tuần cập kê » | là hình ảnh ẩn dụ cho người đọc thấy Thúy Vân,Thúy Kiều đang đến độ tuổi thanh xuân- tuổi “ cập kê”- tuổi búi tóc cài trâm- tuổi yêu đương . Nhưng dù vậy họ vẫn sống khuôn phép. |
| Hình ảnh ẩn dụ *“Êm đềm …. mặc ai”* | - Hình ảnh ẩn dụ trong câu thơ đã gợi về cuộc sống khuôn phép, đức hạnh của hai chị em Thúy Kiều, họ như những bông hoa vẫn còn phong nhụy. |

***🡺*** - Họ **sống phong lưu, khuôn phép, đức hạnh, theo đúng khuôn khổ của lễ giáo phong kiến**. Tuy cả hai đều đã đến tuổi búi tóc cài trâm nhưng vẫn "*trướng rũ màn che, tường đông ong bướm đi về mặc ai*".

***=> Tóm lại, đoạn trích đã thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du khắc hoạ nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển- ước lệ tượng trưng.***

**ĐOẠN TRÍCH: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**I. KIẾN THỨC CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Vị trí đoạn trích:** | Đoạn trích **nằm ở phần thứ hai** **Gia biến và lưu lạc**. |
| **2. Bố cục đoạn trích** : 3 phần | + Sáu câu đầu : hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều.  + Tám câu tiếp : nỗi thương nhớ Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của nàng.  + Tám câu cuối : tâm trạng đau buồn, âu lo của Kiều thể hiện qua cách nhìn cảnh vật. |
| **3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích :** | **Giá trị nội dung** "Kiều ở lầu Ngưng Bích": **miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo vị tha của Thuý Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.**  **Giá trị nghệ thuật**: nghệ thuật **miêu tả nội tâm** đặc sắc, **bút pháp tả cảnh ngụ tình** hay nhất trong "Truyện Kiều". |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Hoàn cảnh và tâm trạng của Kiều thể hiện qua 6 câu thơ đầu:**

Sau bao sóng gió dập vùi, lầu Ngưng Bích là chốn yên thân tạm thời của Thúy Kiều.

|  |  |
| --- | --- |
| **khoá xuân** | - Kiều ở lầu Ngưng Bích thực chất là **bị giam lỏng** (**khoá xuân**).  - Tên lầu “ Ngưng Bích” có nghĩa là “ đọng lại màu xanh”- ngưng đọng lại sự sống, thanh xuân, tuổi trẻ, càng thể hiện rõ cảnh ngộ bị giam lỏng tuổi trẻ thanh xuân của Kiều  - “Khóa xuân”- khóa kín tuổi thanh xuân  => Nguyễn Du đã sử dụng từ “khóa xuân” với hàm ý mỉa mai để nói về **cảnh ngộ xót xa, trớ trêu** của Kiều. |
| “***non xa***”, “***trăng gần***” | Cảnh “***non xa***”, “***trăng gần***” gợi hình ảnh **lầu Ngưng Bích đơn độc, chơi vơi** giữa mênh mông trời nước. |
| “*bốn bề bát ngát xa trông*”. | Nàng **trơ trọi giữa một không gian mênh mông, hoang vắng**. Từ trên lầu cao nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Cái lầu trơ trọi ấy giam một thân phận trơ trọi, không một bóng hình thân thuộc bầu bạn, không cả bóng người. |
| Hình ảnh “***non xa” “trăng gần”, “cát vàng”, “bụi hồng***” | Hình ảnh “***non xa” “trăng gần”, “cát vàng”, “bụi hồng*” có thể là cảnh thực mà cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ để gợi sự mênh mông, rợn ngợp của không gian, qua đó diễn tả tâm trạng cô đơn của Kiều.** |
| **“bẽ bàng”** | Bị đày đọa trong không gian vô cùng và thời gian vô tận lại càng khắc sâu nỗi cô đơn cùng cực khiến nàng **cảm thấy “bẽ bàng”.** |
| - ”*mây sớm đèn khuya*”  - “*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*” | - Cụm từ “*mây sớm đèn khuya*” **gợi thời gian tuần hoàn, khép kín**. Tất cả như giam **hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bẽ bàng, chán ngán, buồn tủi** “***bẽ bàng mây sớm đèn khuya”***  - sớm và khuya, ngày và đêm, Kiều “*thui thủi quê người một thân*” và dồn tới lớp lớp những nỗi niềm chua xót đau thương khiến **tấm lòng Kiều như tan nát**: “*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*”. Vì vậy, **dù cảnh có đẹp đến mấy, tâm trạng Kiều cũng không thể vui được.** |

🡪 **Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình**, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương

**2. Tâm trạng nhớ người yêu và nhớ thương cha mẹ của Kiều**

**a. thứ tự**

**Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau**. Theo nhiều nhà hủ nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, nhưng thật ra lại là **rất hợp lý**.

**- về logic hoàn cảnh:** Nhìn đêm trăng ở lầu NB khiến nàng nhớ đến đêm trăng uống rượu thề nguyền với KT. Kí ức ngày hôm đó vẫn như đang hiển hiện rõ ràng trước mắt

**- về logic tâm trạng:** Kiều bán mình cứu cha và em là đã **đền đáp được một phần công lao cha mẹ.** Còn với KT**, chàng vẫn băn khoan, lo lắng và không hay biết tin tức của nàng, chưa thực hiện được lời hẹn ước của 2 người,** nên nàng cắn rứt khôn nguôi.

|  |  |
| --- | --- |
| **b. biểu hiện:**  **\* Nhớ Kim Trọng**  Trong cảnh ngộ cô đơn nơi chân trời góc bể, Kiều đau đớn nhớ tới chàng Kim, mối tình đầu mãnh liệt mà trong sáng của nàng | |
| **“*Tưởng*** *người dưới nguyệt chén đồng*” | - Từ “tưởng” vừa là nhớ, vừa là hình dung, tưởng tượng ra  => Kiều **“tưởng”- tưởng tượng hình ảnh như đang hiển hiện tước mắt.. như thấy lại kỷ niệm thiêng liêng đêm trăng thề nguyện, đính ước**. Cái đêm ấy hình như mới ngày hôm qua. |
| *“Tin sương …..mai chờ”* | - Kiều như tưởng tượng thấy, ở nơi xa kia, người yêu cũng đang hướng về mình, đang ngày đêm đau đáu chờ tin nàng: “Tin sương luống những rày trông mai chờ”.  => Kiều xót xa hình dung người yêu vẫn chưa biết tin nàng, vẫn ngày đêm mòn mỏi chờ trông chốn Liêu Dương xa xôi. |
| *“ Bên trời…..*  *………….cho phai”* | - Càng nhớ chàng Kim, càng nuối tiếc mối tình đầu, Kiều càng thấm thía tình cảnh của mình đang lưu lạc, bơ vơ nơi góc bể chân trời. Nàng nhớ người yêu với tâm trạng đau đớn: “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*”.  ***Câu thơ: “Tấm son gột rửa bao giờ cho phai” có 2 cách hiểu:***  + Cách hiểu thứ nhất có thể coi như lời khẳng định: **tấm son” ấy là tấm lòng Kiều son sắt, thuỷ chung, không nguôi nhớ thương Kim Trọng sẽ không bao giờ phai**.  + Cách hiểu thứ 2: cũng có thể hiểu là Kiều xót xa, **tủi nhục khi tấm lòng son sắt của mình đã bị dập vùi, hoen ố**, không biết bao giờ mới gột rửa cho được. Trong nỗi nhớ chàng Kim có cả nỗi đau đớn vò xé tâm can.  🡺Dù hiểu theo cách nào thì tấm lòng vị tha, thủy chung son sắt trước sau như một của Thúy Kiều cũng thật đáng trân trọng. |
| **\* Nhớ cha mẹ:**  Tâm trạng đau đớn, thương nhớ người yêu hẳn chưa nguôi, Kiều lại chồng chất thêm nỗi nhớ thương cha mẹ:“Xót người tựa cửa hôm mai … người ôm.” | |
| “***xót***” | **Xót- xót xa, áy náy…** nàng thấy “***xót***” khi tưởng tượng, ở chốn quê nhà, cha mẹ nàng vẫn tựa cửa ngóng chờ tin tức người con gái yêu. |
| **Thành ngữ:** “*quạt nồng ấp lạnh*”, | - giải thích: về mùa hè, trời nóng, con cái quạt xua cái oi nồng cho cha mẹ đỡ bức;  Về mùa đông, trời lạnh, con cái vào ấp chiếu chăn cho ấm để cha mẹ già đỡ lạnh  => chỉ sự hiếu thuận của con cái.  => ***Nàng xót thương da diết và day dứt khôn nguôi vì không thể “quạt nồng ấp lạnh”, phụng dưỡng song thân, băn khoăn không biết hai em có chăm sóc cha mẹ chu đáo hay không*** |
| **Cụm từ “*cách mấy nắng mưa*”** | **vừa cho thấy sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi được sự tàn phá của thời gian, của thiên nhiên lên con người và cảnh vật.** |
| Điển cố- điển tích.***Sân Lai, gốc tử*** | Nàng tưởng tượng **nơi quê nhà tất cả đã đổi thay**, gốc tử qua năm tháng cũng đã vừa người ôm, cha mẹ ngày thêm già yếu.  => chỉ tấm lòng hiếu thuận của con cái. |

**=>** Hoàn cảnh của nàng lúc này thật xót xa, đau đớn. Nhưng **quên đi cảnh ngộ bản thân**, nàng đã hướng yêu thương vào những người thân yêu nhất. Trái tim nàng thật giàu yêu thương giàu đức hi sinh. **Nàng thật sự là một người tình thuỷ chung, một người con hiếu thảo, một người có tấm lòng vị tha cao cả đáng quý.**

**3. Tâm trạng của Kiều qua cách nhìn cảnh vật (tám câu thơ cuối)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình:** | Lấy việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống xung quanh để từ đó khắc họa tâm trạng, suy nghĩ, cảm xúc của chủ thể trữ tình  **=> Ngụ tình là mục đích, tả cảnh là phương tiện, nhằm làm nổi bật cái tình.** |
| trình tự | Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo trình tự **từ xa tới gần.** |
| khung cảnh | Từ “cửa bể chiều hôm” tới “ghế ngồi”, bốn khung cảnh khác nhau:      + Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển.      + Những cánh hoa lụi tàn trôi man mác trên ngọn nước mới.      + Nơi cỏ héo úa, rầu rầu.      + Cảnh tưởng tượng sóng quanh ghế ngồi.  → **Diễn đạt nỗi buồn dâng lên đầy ắp, càng ngày như muốn nhấn chìm Kiều trước cuộc bể dâu.** |
| Cảnh 1: “Buồn trông cửa bể chiều hôm/ Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa” là bức tranh gợi tâm trạng chiều hôm nhớ nhà | |
| Thời gian “chiều hôm” | Đây là khoảng thời gian gọi sự đoàn tụ, sum họp gia đình  => khiến nỗi buồn thân phận lữ thứ xa nhà càng trở nên thấm thía. |
| **Hình ảnh ẩn dụ “cánh buồm”** | ***cũng như Kiều còn lênh đênh giữa dòng đời, biết bao giờ mới được trở về sum họp, đoàn tụ với những người thân yêu.*** |
| **Đại từ phiếm chỉ “ai” và từ láy “thấp thoáng”/ xa xa** | - gợi nỗi bơ vơ trong lòng người con gái tha hương.  => Cảnh ấy gợi trong lòng người lưu lạc nỗi buồn nhớ da diết về quê nhà giờ đã xa cách quá. |
| Cảnh 2: “Buồn trông ngọn nước mới sa/ Hoa trôi man mác biết là về đâu?” là bức tranh gợi tâm trạng bơ vơ trước dòng đời không biết rồi sẽ đi đâu về đâu | |
| ”, **hình ảnh ẩn dụ “hoa trôi"** | cũng thế hiện cho nỗi buồn, cho thân phận lênh đênh, nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều. |
| **Câu hỏi tu từ** | cho thấy sự **mất phương hướng, gợi một nỗi băn khoăn, thấp thỏm,** thân phận nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều rồi sẽ trôi dạt, bị vùi dập nơi nao.  => ***tô đậm sự nhỏ bé, lênh đênh, trôi dạt của con thuyền, của những cánh hoa đã tàn, đã rụng.*** |
| Cảnh 3: “Buồn trông nội cỏ rầu rầu/ Chân mây mặt đất một màu xanh xanh” là bức tranh với sắc xanh héo úa, nhàn nhạt trải dài từ mặt đất đến chân mây. | |
| **Nét vẽ không gian:** “nội cỏ”, “chân mây”, “mặt đất” | gợi một không gian vô cùng rộng lớn đang đầy ải nàng Kiều. |
| **Từ láy “rầu rầu”** | vẽ nên cả một vùng cỏ cây tàn héo, và gợi nỗi sầu thương cô lẻ. |
| **Từ láy “xanh xanh”** | gợi một sắc xanh nhạt nhòa, xa cách, nhạt phai. |
| 🡪 Cảnh mờ mịt như tương lai mờ mịt, Thúy Kiều càng cảm nhận rõ sự cô đơn, nhỏ nhoi của thân phận.  Cảnh 4: “Buồn trông gió cuốn mặt duềnh/ Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi” là bức tranh khắc họa tâm trạng đầy lo âu, kinh sợ trước những bão táp cuộc đời đang bủa vây | |
| **Ẩn dụ: gió cuốn, sóng kêu** | Thiên nhiên là một **ẩn dụ cho những biến cố kinh hoàng** sắp sửa ập xuống cuộc đời nàng; ẩn dụ cho những con sóng của số phận sắp sửa chôn vùi nàng; ẩn dụ cho một tương lai đầy sóng gió. |
| **Động từ mạnh “cuốn”, kết hợp từ láy tượng thanh ‘ầm ầm”** | Bức tranh **thiên nhiên dữ dội và đầy biến động:** Gió cuốn mặt duềnh đầy giận dữ; sóng thì ầm ầm kêu réo khi thúy triều lên; thậm chí Kiều còn có cảm giác những con sóng dữ dội kia đang bủa vây ngay sát bên mình |
| 🡺 **Cảnh được nhìn từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động** **để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung để lo âu kinh sợ, dồn đến bão táp của nội tâm**.  => Mọi cảnh vật qua con mắt Kiều đều gợi lên những nét buồn da diết:  **\* Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại và điệp từ: Mỗi cặp lục bát làm thành một cảnh và đều được tác giả khắc họa, liên kết qua điệp từ “buồn trông”.** | |
| ***Điệp từ “buồn trông”*** | Điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu, khắc họa **nỗi buồn trông ra bốn phía**, ngóng đợi những thứ xa xôi, mơ hồ làm thay đổi hiện tại bế tắc.      - Buồn trông cái **thảng thốt, lo âu, nỗi sợ hãi** của người con gái non nớt khi lạc vào cuộc đời ngang trái.      - Cụm từ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả **nỗi buồn với những sắc thái cao độ khác nhau**.      - **Điệp ngữ lại kết hợp với các từ láy** chủ yếu là từ láy tượng hình, dồn dập, tạo nhịp điệu, **diễn tả nỗi buồn ngày càng dâng kín bủa vây lấy Kiều.**      - Điệp ngữ tạo nỗi buồn trầm hùng, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng. |

***🡺 Tám câu cuối là đoạn thơ tiêu biểu cho bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du. Đó là cách biểu hiện “*tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này*”, là thực cảnh mà cũng là tâm cảnh.***

**BÀI 2. LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

1. **TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | **- Nguyễn Đình Chiểu** |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | + khoảng **đầu thập kỷ 50** của thế kỷ 19 (1850)  + **Đất nước có nhiều biến động.** |
| ***Thể loại*** | - **Truyện thơ Nôm** |
| ***Tóm tắt*** | Tóm tắt “ ***Truyện Lục Vân Tiên***”:  *Lục Vân Tiên là con một gia đình thường dân ở quận Đông Thành. Chàng lên núi tầm sư học đạo, trở thành một con người xuất chúng: văn võ song toàn.*  *Trên đường xuống núi về kinh ứng thí, Vân Tiên đã đánh tan bọn cướp Phong Lai, cứu được Kiều Nguyệt Nga, một thiếu nữ vóc ngọc mình vàng. Cảm công đức chàng hiệp sĩ, nàng vẽ bức hình Lục Vân Tiên luôn luôn mang theo mình.Vân Tiên ghé thăm gia đình Võ Công - người đã hứa gả con gái cho chàng. Vân Tiên gặp Hớn Minh, Vương Tử Trực (hai người bạn tốt) và Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, 2 kẻ xấu xa. Ông Quán đã nói với 4 sĩ tử về lẽ ghét thương ở đời.*  *Sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin nhà. Chàng vội trở về quê chịu tang mẹ . Quá đau khổ mà lâm bệnh, hai mắt bị mù, Vân Tiên bị bọn lang băm, phù thủy, thầy bói lừa gạt lấy hết tiền; Trịnh Hâm đẩy xuống sông hãm hại. Vân Tiên được con giao long và ngư ông cứu thoát. Vân Tiên trở lại nhà Võ Công, bị hắt hủi và bị bỏ vào hang sâu cho chết. Vân Tiên được thần núi và ông Tiều cứu ra, gặp lại Hớn Minh, người bạn nghĩa hiệp. Vương Tử Trực đỗ thủ khoa, tìm đến nhà Võ Công hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công ngỏ ý gả con gái cho Vương Tử Trực, nhưng đã bị chàng mắng nhiếc, y quá nhục mà chết.*  *Kiều Nguyệt Nga nghe tin Vân Tiên gặp nạn đã qua đời, nàng vô cùng thương tiếc, nguyền sẽ thủ tiết. Tên thái sư trong triều hiến kế cho nhà vua bắt đem Kiều Nguyệt Nga cống cho giặc Ô Qua. Nàng đã ôm theo bức hình Lục Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đã cứu sống Kiều Nguyệt Nga; sau đó nàng lại dạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Công muốn nhận Kiều Nguyệt Nga làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại nằng nặc đòi lấy nàng làm vợ. Kiều Nguyệt Nga bỏ trốn, nương nhờ lão bà ở giữa rừng sâu.*  *Lục Vân Tiên nhờ thuốc tiên mà đôi mắt sáng lại. Chàng vội trở lại quê nhà: thăm cha, viếng mộ mẹ, thăm Kiều Công. Chàng lại đi thi, đậu Trạng nguyên; vua sai đi dẹp giặc Ô Qua. Trên đường chiến thắng trở về, Lục Vân Tiên bất ngờ gặp lại Kiều Nguyệt Nga, hai người mừng mừng tủi tủi.*  *Lục Vân Tiên trở lại triều đình, tậu hết sự tình đầu đuôi. Tên thái sư và bọn gian ác bị trừng phạt, những người nhân nghĩa được đền đáp. Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga nên vợ nên chồng, sống cuộc đời hạnh phúc, vinh hiển.* |
| ***Kết cấu*** | * **Kết cấu chương hồi**: theo từng chương hồi, xoay quanh cuộc đời các nhân vật chính.   ***-* Kiểu kết cấu ước lệ**: Người tốt thường gặp nhiều gian truân, trắc trở trên đường đời, bị kẻ xấu hãm hại nhưng vẫn được phù trợ, cưu mang để rồi cuối cùng tai qua nạn khỏi, được đền trả xứng đáng. Kẻ xấu bị trừng trị.  => **Tác dụng** : **phản ánh chân thực cuộc đời đầy rẫy bất công**, vừa nói lên **khát vọng ngàn đời của nhân dân ta**: ở hiền gặp lành, cái thiện bao giờ cũng chiến thắng cái ác, chính nghĩa thắng gian tà. |
| ***Đoạn trích” Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*** | **- Vị trí: nằm ở phần đầu truyện Lục Vân Tiên**.  - Bố cục:  Đoạn 1: 14 câu thơ đầu: Lục Vân Tiên đánh cướp Phong Lai.  Đoạn 2: còn lại: Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga. |

##### B. PHÂN TÍCH

**I. Nhân vật Lục Vân Tiên:**

**\* Khái quát:**

|  |  |
| --- | --- |
| *- Là mô tip quen thuộc của truyện Nôm truyền thống* | một chàng trai giỏi cứu một cô gái thoát khỏi tình huống hiểm nghèo, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu. |
| *- Chàng trai lý tưởng của tác phẩm* | chàng trai vừa rời trường học bước vào trường đời, lòng đầy hăm hở muốn lập công danh, mong thi thố tài năng để cứu người, giúp đời. Tình huống đánh cướp là thử thách đầu tiên, cũng là cơ hội hành động cho chàng. |

**1. Hành động đánh cướp Phong Lai của Lục Vân Tiên.**

|  |  |
| --- | --- |
| *a. Tinh thần nghĩa hiệp:* | **- “Ghé lại bên đàng”:** không hề băn khoăn do dự khi đánh cướp Phong Lai.  **- “bẻ cây làm gậy”:** hành động mau lẹ, không nghĩ tới an nguy của bản thân.  **=>** Hành động nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên được *xuất phát từ tinh thần chính trực, thái độ bất bình trước những điều xấu xa, tàn ác, từ tấm lòng nhân nghĩa giàu tình yêu thương luôn sẵn sàng bênh vực kẻ yếu và bảo vệ lẽ phải.* |
| *b. Anh hùng quả cảm, võ nghệ cao cường.* | **- Trận đánh không cân sức:** Lục Vân Tiên chỉ có 1 mình, tay không tấc sắt, phải bẻ cây làm gậy. Trong khi đó, một bên là tướng cướp Phong Lai, hùng hổ, lẫy lừng, đông quân, gươm giáo đầy đủ. Nhà thơ đã sủ dụng nghệ thuật tương phản để làm nổi bật tình thần quả cảm của chàng.  **- Xung trận như một dũng tướng:** Cụm từ “tả xung hữu đột” cho thấy thế chủ động, làm chủ tình thế, chàng tung hoành giữa bọn cướp Phong Lai. Lục Vân Tiên được so sánh với Triệu Tử Long là một dũng tướng bậc nhất Tam Quốc Diễn Nghĩa mà người Việt Nam không mấy ai không thán phục.  **- Nhịp thơ: nhanh, mạnh, tạo nên một khí thế hào hùng.**  **- Kết quả: +** Lục Vân Tiên giành chiến thắng vẻ vang.  + Bọn cướp: trước tinh thần quả cảm và võ nghệ của Lục Vân Tiên, bọn cướp tan tác *“Lâu la bốn phía vỡ tan/ Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay”.*  + Tướng cướp: không kịp trở tay, bị ngay một gậy “*thác rày thân vong*”.  = > Hành động của Lục Vân Tiên chứng tỏ chàng là **con người “vị nghĩa vong thân”, cái tài của bậc anh hùng luôn bênh vực kẻ yếu, chiến thắng bạo tàn.** |

**2. Trong cuộc trò chuyện với Kiều Nguyệt Nga**

|  |  |
| --- | --- |
| *a.Giàu tình yêu thương, nhân hậu* | - Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên “**động lòng” tìm cách an ủi họ**: “*Ta đã trừ dòng lâu la*” .  **- Ân cần hỏi han**, cho thấy chàng rất đàng hoàng, chững chạc. |
| *b.Trọng lễ nghĩa* | * **Qua cách ứng xử và xưng hô** « Khoan khoan ngồi đó chớ ra/ Nàng là phận gái, ta là phận trai ».   + Kiều Nguyệt Nga muốn xuống xe lạy tạ, **chàng từ chối** điều đó chứng tỏ chàng một mực giữ gìn lễ nghĩa khuôn phép của xã hội phong kiến.  + **Lối xưng hô « nàng- ta »** cho thấy tấm lòng trân trọng mà Lục Vân Tiên dành cho Kiều Nguyệt Nga, cũng như thái độ lịch sự của một con người có học, có đọc sách thánh hiền. |
| *c. Là con người hào hiệp, chính trực* | * Khi Kiều Nguyệt Nga mời chàng sang Hà Khê, để cha nàng là tri phủ trả ơn, thì **Lục Vân Tiên liền cười**. Tiếng cười vô tư trong sáng thể hiện chàng là con người vô tư, chính trực. * Chàng coi làm việc nghĩa là biểu hiện của người anh hùng vì vậy chàng đã khẳng khái từ chối « *Làm ơn há dễ trông người trả ơn*”. |

**3. Quan niệm sống của Lục Vân Tiên**

*“Vân Tiên nghe nói liền cười:*

*“Làm ơn há dễ trông người trả ơn*

*Nay đà rõ đặng nguồn cơn*

*Nào ai tính thiệt so hơn làm gì*

*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi*

*Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”*

|  |  |
| --- | --- |
| *Làm ơn há dễ trông người trả ơn* | Làm việc tốt thì không chờ người khác đến đáp |
| *Kiến nghĩa bất vi* | Thấy việc nghĩa không thể không hành động |
| * Hai câu thơ tác giả thể hiện một quan niệm đạo lý người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán . | |

- Lục Vân Tiên là con người **văn võ song toàn, hào hiệp, nhân hậu**. Bằng bút pháp lí tưởng hóa, với ngôn ngữ mộc mạc, đậm chất Nam bộ, Lục Vân Tiên hiện lên với vẻ đẹp lí tưởng để **tác giả gửi gắm niềm tin và quan niệm đạo lí.**

**II. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga**

|  |  |
| --- | --- |
| *1. Là cô gái khuê các, thuỳ mị, nết na, có học thức:* | **- Lời giới thiệu bản thân của nàng :**  + Con quan tri phủ Hà Khê.  + Lời giới thiệu rất đầy đủ, chân thành, không khoa trương, kênh kiệu, đài các; đã đáp ứng đầy đủ những lời thăm hỏi ăn cần của Lục Vân Tiên, vừa bộc lộ chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình.  **- Lối xưng hô của nàng với Lục Vân Tiên:**  + Cách xưng hô “quân tử”, “tiện thiếp” kết hợp với hành động “lạy” và “thưa”, cách nói năng văn vẻ, mực thước, khuôn phép.  + Thể hiện sự thông minh, mực thước của nàng trong lời ăn tiếng nói.  - **Thể hiện qua lời chia sẻ về hành động hiếu nghĩa nàng làm:**  + Nàng không quản đường xa, thân gái dặm trường với bao nguy hiểm bất trắc từ Tây Xuyên đến Hà Khê vì vâng theo lời cha để định bề nghi thất.  + Nàng là người con hiếu thảo, sống đúng với khuôn phép gia đình và với lễ giáo phong kiến. Đó cũng chính là điểm gặp gỡ giữa nàng và Lục Vân Tiên.   * Kiều Nguyệt Nga để lại một ấn tượng tốt đẹp: thùy mị, nết na, gia giáo, thông minh sắc sảo, có học thức. |
| *2.Là người con gái có tấm lòng chung thủy, ân nghĩa* | - **Qua cử chỉ, lời nói với ân nhân cứu mạng :**  + Mặc dù ý thức rất rõ về lễ giáo và hoàn cảnh của mình, song nàng vẫn định xuống xe để tạ ơn Lục vân Tiên.  + Nàng cất lên những lời thật thiết tha «  cúi đầu trăm lạy »  - Với nàng, Vân Tiên không chỉ cứu mạng, mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng: “*Lâm nguy chẳng gặp giải nguy – Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi*”. Nàng **coi đó là ơn trọng và áy náy, băn khoăn tìm cách trả ơn** dù biết rằng có đền đáp bao nhiêu cũng chưa đủ: “*Lấy chi cho phải tấm lòng cùng ngươi*”. Bởi thế, cuối cùng nàng đã **tự nguyện gắn bó cuộc đời** với chàng trai hào hiệp ấy, dám liều mình để giữ trọn ân tình thuỷ chung với chàng. |

* Kiều Nguyệt kết tinh cho vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ truyền thống. Nàng không chỉ gia giáo, nết na, có học thức mà còn rất đằm thắm, nghĩa tình.

**CHUYÊN ĐỀ 3: THƠ HIỆN ĐẠI**

**BÀI 1: ĐỒNG CHÍ**

***Chính Hữu***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - **Chính Hữu.**  - Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Chính Hữu bắt đầu cầm bút từ năm 1947 và tập trung khai thác ở **hai mảng đề tài chính là người lính và chiến tranh**.  - ***Phong cách sáng tác***: Thơ Chính Hữu vừa bình dị vừa trí tuệ; ngôn ngữ giàu hình ảnh; giọng điệu phong phú, cảm xúc dồn nén, khi thiết tha, trầm hùng khi lại sâu lắng, hàm súc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ sáng tác **mùa xuân 1948.**  - **Thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp**, sau khi **tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông 1947).**  \* *Xuất xứ:* Bài thơ được in trong tập **“Đầu súng trăng treo” (1966).** |
| ***Thể thơ*** | Thơ tự do |
| ***Mạch cảm xúc*** | Bài thơ theo thể tự do, **20 dòng chia làm 3 đoạn.** **Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội**, nhưng ở mỗi đoạn sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7, 17 và 20).  **-Bắt nguồn: Sáu dòng đầu có thể xem là sự lý giải về cơ sở của tình đồng chí**. Dòng 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.  **- Phát triển**: Mười dòng tiếp theo, mạch cảm xúc sau khi dồn tụ ở dòng 7 lại tiếp tục khơi mở trong **những hình ảnh, chi tiết biểu hiện cụ thể, thấm thía tình đồng chí và sức mạnh của nó.**  **- Lắng động**: Ba dòng thơ cuối được tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc “Đầu súng trăng treo” như **là một biểu tượng giàu chất thơ về người lính.** |
| ***Bố cục*** | **\* Bố cục:** 3 đoạn  + Đoạn 1: 7 câu thơ đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính.  + Đoạn 2: 10 /câu thơ tiếp theo: những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.  + Đoạn 3: 3 câu kết: Biểu tượng cao đẹp về tình đồng chí. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - **Nhận xét chung**: “Đồng chí” là một nhan đề ngắn gọn nhưng rất giàu ý nghĩa. Nó giống như một tiếng gọi thân tình, thiết tha.  - **Nghĩa đen:** (Đồng: cùng, chí: hướng) Đồng chí là những người cùng chung chí hướng, lí tưởng.  + Đây là tên gọi của một thứ tình cảm mới, xuất hiện và phổ biến trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp. Sau cách mạng, những người cùng trong một tố chức, đoàn thể vẫn thường gọi nhau bằng cách gọi này.  -**Tác dụng:** nhan đề “Đồng chí” đã làm nổi bật chủ đề của tác phẩm**: Ca ngợi tình đồng chí đồng đội** thiêng liêng cao cả**.** Qua đó khẳng định tình đồng chí là cốt lõi, là bản chất sâu xa của sự gắn bó giữa những người lính cách mạng. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm kết hợp với tự sự và miêu tả |
| ***Chủ đề*** | **Ca ngợi tình đồng chí đồng đội** thiêng liêng cao cả, vào sinh ra tử có nhau của các anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp. |
| ***Giá trị nội dung*** | - Bài thơ nói về **tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng** của những người lính cách mạng. **Hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ** thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Bài thơ sử dụng những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng và giàu sức biểu cảm  - Giọng điệu tự nhiên, trầm bổng thể hiện cảm xúc dồn nén, chân thành |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Cơ sở hình thành nên tình đồng chí, đồng đội (7 câu đầu):**

**+** 2 câu: Đồng cảnh: Hoàn cảnh xuất thân nghèo khó

+ 2 câu: Đồng ngũ: Cùng đứng trong hàng ngũ cách mạng

+ 1 câu: Đồng nhiệm: Cùng chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu

+ 1 câu: Đồng cảm: Cùng chia ngọt sẻ bùi

**CCĐ:** Cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó đã được nhà thơ Chính Hữu tái hiện thật chân thực ở khổ thơ thứ nhất của bài thơ “Đồng chí”.

***a) Trước hết, tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân:***

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - **Cấu trúc ngữ pháp giống nhau, sóng đôi theo từng cặp**: “quê hương anh” sóng đôi “làng tôi” | gợi lên sự **tương đồng trong cảnh ngộ** của người lính. |
| - Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành | đã cho thấy những người lính, họ đều **xuất thân từ những người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả và nghèo khó**. Chính vì thế mà mối quan tâm hàng đầu của họ chính là về đất đai khi họ giới thiệu về mình. |
| +Hơn nữa, **thành ngữ "nước mặn đồng chua"** | gợi lên một **miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt**. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong làn nước. |
| + Còn **thành ngữ và phép nói quá ở cụm từ “đất cày lên sỏi đá”** | lại gợi lên trong lòng người đọc về **một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác**. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất. |
| 🡪 Các anh tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược thì cũng giống nhau ở cái nghèo, cái khổ. **Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm giai cấp là sợi dây tình cảm nối họ lại với nhau, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn**. | |

***b) Cùng chung chí hướng, lí tưởng cách mạng cao đẹp.***

Từ hai con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí:

|  |  |
| --- | --- |
| *Anh với tôi đôi người xa lạ*  *Tự phương trời chẳng hẹn mà quen nhau,*  *Súng bên sung, đầu sát bên đầu* | |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** | |
| - Hình ảnh **thơ có sự sóng đôi**: “anh với tôi”, và **nghệ thuật điệ**p từ “súng”, “đầu”, “bên” tới 2 lần | - Nhấn mạnh **sự tương đồng giữa anh và tôi.**  - Họ vốn là những **người xa lạ, chưa từng quen biết nhưng đã gặp nhau ở điểm chung: lý tưởng cách mạng và lòng yêu nước**. Những cái đó đã thôi thúc họ lên đường nhập ngũ. | |
| + “Súng bên súng”: là cách nói **hoán dụ** | để diễn tả sự cùng nhau **kề vai sát cánh** đi bên nhau trong chiến đấu; **cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ.** | |
| + “Đầu sát bên đầu”: là cách nói **hoán dụ** | tượng trưng cho **ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính** trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. | |
| + Đặc biệt, 2 **từ đồng nghĩa “sát”, “bên”** đứng cạnh nhau | Càng như **nhân đôi sự gắn bó, đoàn kết nhất trí đồng lòng ấy.** | |
| Tác giả sắp xếp trật tự từ “anh” và “tôi” trong một dòng thơ | Nếu ở cơ sở 1, anh với tôi đứng cùng 1 dòng thơ thì cơ sở 2 anh và tôi trong một dòng thơ thật gần gũi. **Từ xa lạ trở thành thân quen, gắn kết.** | |
| + Tác giả đã rất khéo léo khi sử dụng từ **“đôi”** | “Đôi” có nghĩa là “hai”, nhưng từ “hai” chỉ 2 cá thể hoàn toàn tách biệt, **từ “đôi” thể hiện sự gắn kết không thể tách rời.** | |

🡺Từ “đôi người xa lạ”, họ đã trở “đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình.

***c) Họ cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn.***

Trong cuộc sống nơi chiến trường, họ cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn:

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

*Đồng chí!*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| + “**đêm rét chung chăn**” là một hình ảnh đẹp | thể hiện **sự gắn bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi những lúc thiếu thốn về vật chất**. Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với  nhau mà vượt lên gian khó.  - Mở rộng: Câu thơ đầy ắp kỉ niệm về một thời gian khó “**bát cơm sẻ nửa- chăn sui đắp cùng**”. |
| Tác giả sử dụng khéo léo từ “**sát”, bên”, “chung**” cho thấy | * Đó là **hành trình của tình cảm** cứ đượm dần lên thành tình đồng đội. * Có bài thơ có duy nhất một chữ “chung” nhưng đã bao hàm ý nghĩa toàn bài: **chung hoàn cảnh xuất thân, chung gia cấp, chung lý tưởng, chung khát vọng giải phóng dân tộc.** |
| 🡪 Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “tri kỉ” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng. | |
| - Khép lại đoạn thơ là một **câu thơ đặc biệt, được cấu tạo bởi hai từ “đồng chí!” và dấu chấm than.** | + **Thể hiện cảm xúc dồn nén, được thốt ra như một cao trào của cảm xúc**, trở thành **tiếng gọi** thiết tha của tình đồng chí, đồng đội.  **+ Điểm hội tụ, kết tinh** những tình cảm đẹp.  + Vang lên như **một phát hiện, một lời khẳng định, một định nghĩa về đồng chí**.  + Dòng thơ **đặc biệt ấy như một bản lề gắn kết**. Nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. |
| *=> Đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau.* | |

**Câu kết:** Như vậy, với nghệ thuật đối, ẩn dụ, cách sắp xếp trật tự từ đặc biệt, Chính Hữu đã nêu cơ sở của tình đồng chí và khẳng định đó là tình cảm cao quí, thiêng liêng, sức mạnh tinh thần để người lính vượt qua mọi gian khổ để quyết tâm chiến đấu và chiến thắng.

**2. Những biểu hiện cao đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội (10 câu tiếp).**

**CCĐ:** Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí được nhà thơ Chính Hữu tái hiện thật xúc động ở khổ thơ thứ hai trong bài thơ “Đồng chí”.

***a) Thấu hiểu tâm tư tình cảm sâu kín.***

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **- Trước hết, họ thấu hiểu cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà:** | |
| * “Gửi” | - Vì nghĩa lớn, các anh sẵn sàng **từ giã những gì thân thuộc** nhất “ruộng nương”, “gian nhà”, “gốc đa”, “giếng nước”.  - Từ “gửi” thể hiện sự **kí thác và tin cậy**. |
| + Hình ảnh “**gian nhà không”** | - đã diễn tả **cái nghèo về vật chất và thiếu thốn cả người trụ cột trong gia đình các anh**.  - Ruộng nương, căn nhà là những tài sản quý giá, gần gũi, gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương. |
| **- Không những thế, họ còn thấu hiểu lí tưởng, ý chí lên đường giải phóng quê hương của bạn mình.** | |
| + Từ “**mặc kệ**” vang lên | - đã cho thấy **sự quyết tâm ra đi** của những người **lính**; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui của thời thơ ấu cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước.  - Đồng thời cũng diễn tả người lính **đang kìm nén tình cảm,** dứt khoát ra đi vì nghĩa lớn. Ta bắt gặp điểm tương đồng trong tâm hồn người lính *“người ra đi đầu không ngoảnh lại/ sau lưng thềm nắng lá rơi đầy*”. |
| **- Những người lính còn thấu hiểu cả nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn của nhau.** | |
| + Hình ảnh “**giếng nước gốc đa**” **được hoán dụ.** | **biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương** luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết. |
| * “Giếng nước gốc đa” được **nhân hóa “nhớ”** | khẳng định khi người thân ra đi, **giếng nước gốc đa như có tâm hồn**, được nhân hóa có tình cảm như con người “khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”. |
| + *Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. Nỗi nhớ hai chiều nên càng da diết, khôn nguôi. Nhưng chính nỗi nhớ quê hương ấy lại là động lực mạnh mẽ giúp người lính quyết tâm chiến đấu.* | |

*-* Nếu như trong 6 câu thơ đầu, tác giả liên tục sử dụng cấu trúc sóng đôi thì trong 3 câu thơ này, tác giả chỉ nói về “mình” mà không nói về “tôi”. Tôi và anh đã là đồng chí, đồng đội, đã hòa đồng về mặt tình cảm. Nỗi nhớ của anh là nỗi nhớ của tôi.

🡺 Như vậy, người lính đã **san sẻ với nhau mọi tâm tư, nỗi niềm, cùng sống với nhau trong kỉ niệm, nỗi nhớ và cũng vượt lên những nhớ nhung** để chiến đấu và chiến thắng.

***b. Đồng cam, cộng khổ trong cuộc đời quân ngũ:***

Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch việt Bắc Thu- Đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và gian khổ của cuộc đời người lính.

|  |
| --- |
| Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh  Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi  Áo anh rách vai  Quần tôi có vài mảnh vá  Miệng cười buốt giá  Chân không giày  Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. |

- **Bằng bút pháp miêu tả hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc,** nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| + Đầu tiên, người lính **chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật**. | |
| Hình ảnh: “*ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi”* | là những **biểu hiện cụ thể** để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Đây là **một hình ảnh xuất phát từ cái nhìn chân thực** của người lính trong chiến tranh. |
| Từ “với” trong cụm từ “anh với tôi” | đã **diễn tả sự sẻ chia của người lính** đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét. |
| 🡪 Chính sự quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những gian khổ, khó khăn. | |
| + Người lính không chỉ chia sẻ với nhau về bệnh tật mà còn **đồng cam, cộng khổ khi phải đối diện với sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất.** | |
| - Hình ảnh **chân thực** “rách”, “vá”, hình ảnh **sóng đôi** và **phép liệt kê:** “anh-tôi”, “áo anh- quần tôi” | đã miêu tả chính xác**, cụ thể những thiếu thốn của người lính:** thiếu lương thực, thiếu vũ khí quân trang, thuốc men.   * Đây là hình ảnh chân thực về những bộ đội cụ Hồ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp đầy gian nan thiếu thốn nhưng các anh vẫn xé rừng mà đi, đạp núi mà tiến. |
| + Họ cùng nhau **vượt lên khó khăn bằng niềm lạc quan và tình đồng đội** | |
| * Niềm lạc quan được gửi gắm qua chi tiết “**miệng cười buốt giá”** | * Tiếng cười của họ xua tan đi những cái gió lạnh của “rừng hoang sương muối”, đẩy lùi của những trận sốt rét, cảnh “áo rách quần vá”. * Thái độ **lạc quan, coi thường thử thách, vượt lên** khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. |
| * Cử chỉ cảm động nhất là “Tay nắm lấy bàn tay”. Đây là **phép hoán dụ vừa là biểu tượng,** vừa mang tính tả thực | * Đó là cử chỉ cảm động, chứa chan tình cảm chân thành, **gợi tả sự gắn bó bền chặt, không ồn ào mà thấm thía.** * Hình ảnh này đã thể hiện **tình thân ái**, bàn tay truyền hơi ấm, sức mạnh của tình đồng đội. * Đó là cái nắm tay thể hiện **tình đoàn kết, lòng quyết tâm** cùng nhau vượt qua những khó khăn, gian khổ để hướng tới lí tưởng cao đẹp. * Có sự gặp gỡ với ý thơ của Phạm Tiến Duật trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” *“bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”*. Cái bắt tay của những người lính lái xe hồn nhiên, trẻ trung còn cái nắm tay của những người đồng chí đồng đội trong đêm chờ giặc thật mộc mạc, chân thành và cảm động. |
| * Họ làm được như vậy là vì “**thương”** | * “Thương” là vị muối của tình người, là chất keo của mối gắn bó, là cội rễ của đức hi sinh. Thương nhau người ta có thể chung thủy với nhau, hi sinh cho nhau. |
| * Câu thơ không chỉ **nói lên tình cảm sâu nặng của những người lính** mà con nói lên **sức mạnh của tình cảm ấy.** | |

=> *Như vậy, bằng chính cách sử dụng các hình ảnh thơ sóng đôi, biện pháp nhân hóa, ẩn dụ, mười câu thơ trên là những biểu hiện cụ thể, cảm động của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy.*

**3. Biểu tượng cao đẹp về tình đồng chí. (3 câu cuối).**

**CCĐ:** Biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí được nhà thơ Chính Hữu thể hiện sâu sắc trong khổ cuối của bài thơ “Đồng chí”.

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

- Đó là khoảng **thời gian “đêm nay**” rất cụ thể với **khung cảnh “rừng hoang – sương muối”** hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt.

- Tuy nhiên, người lính vẫn *“đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| + Nổi lên trên cảnh rừng là hình ảnh *“đứng cạnh bên nhau”* | - “Cạnh bên” đứng chung trong một câu thơ làm giãn đi nhịp điệu câu thơ  - cho thấy **tinh thần đoàn kết, luôn sát cánh bên nhau** trong mọi hoàn cảnh. |
| + Động từ “**chờ”** | **Khẳng định được tư thế chủ động, hiên ngang và sẵn sàng chiến đấ**u của người lính. Họ đứng cạnh bên nhau đã tạo nên tư thế hiên ngang trước kẻ thù, làm mờ đi những ác liệt nơi chiến trường. |
| * Bức tranh **rất cân đối** giữa một bên là không gian núi rừng **lạnh lẽo, hoang vu**, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ, **tình đồng chí đồng đội ấm áp** như lấn át cả không gian toàn cảnh. | |
| + Kết thúc bài thơ là **một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của bức tranh về tình đồng chí, rất thực nhưng cũng rất lãng mạn “ Đầu súng trăng treo”** | |
| - Đây là hình ảnh **có thực trong cảm giác** | Đêm khuya, trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, trong tầm ngắm, người lính phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: **vầng trăng lơ lửng như treo ở đầu mũi súng.** |
| - Đây cũng là **hình ảnh lãng mạn** | Vầng trăng xuất hiện trong không gian căng thẳng, khắc nghiệt của cuộc chiến mà lại như đang “ treo” trên đầu ngọn súng, **chữ “treo” rất thơ mộng, như nối liền mặt đất với bầu trời.** |
| Súng và trăng sóng đôi thật đẹp | - Súng gợi hình ảnh của thiên nhiên khốc liệt, trăng lại là hình ảnh của thiên nhiên trong mát, cuộc sống thanh bình. Sự hòa hợp giữa súng và trăng vùa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính và tình đồng chí đồng đội vừa nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc kháng chiến. Người lính cầm súng là để bảo vệ thanh bình cho quê hương, đất nước.  - Súng và trăng **là gần và xa, thực tại và thơ mộng, chiến sĩ và thi sĩ, chất chiến đấu và chất trữ tình**. Đó là các mặt bổ sung cho nhau, hài hòa với nhau của cuộc đời người lính cách mạng. |
| =>Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả. | |

=> *Như vậy, bằng chính cách sử dụng những hình ảnh thơ đẹp kết hợp với cách sử dụng từ độc đáo, biểu hiện đẹp nhất của tình đồng chí, đồng đội, của cuộc đời người chiến sĩ đã được kết lại*

**BÀI 2: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

***Phạm Tiến Duật***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - **Phạm Tiến Duật** (1941-2007), quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.  - Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 1964, Phạm Tiến Duật gia nhập quân đội, **hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn** và trở thành **một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ** cứu nước.  - ***Phong cách sáng tác:***  + Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ qua các hình tượng **người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.**  + Thơ ông có **giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc đậm chất lính.** |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ viết **năm 1969,** **thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác** **liệt** trên con đường chiến lược Trường Sơn, khi **nhà thơ đang là lính lái xe trên con đường Trường Sơn.**  *- Xuất xứ*: Bài thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969 và được đưa vào **tập thơ** “**Vầng trăng quầng lửa”** của tác giả. |
| ***Thể loại*** | Thơ tự do |
| ***Bố cục : 4 phần*** | - Phần một: Khổ 1,2: Hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế hiên ngang của người lính.  - Phần hai: Khổ 3,4: Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.  - Phần 3: Khổ 5,6: Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe.  - Phần 4: Khổ 7: Ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cách mạng của người lính. |
| ***Mạch cảm xúc:*** | - **Bắt nguồn**: Cảm xúc trong bài thơ được **bắt đầu từ hình ảnh độc đáo – những chiếc xe không kính nhưng vẫn băng băng ra chiến trường.**  **- Phát triển**: **Rồi từ đó tác giả làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn** trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - **Nhận xét chung**: Bài thơcó nhan đề **khá dài, khá đặc biệt**: *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”*. Nhan đề bài thơ thoạt nghe sẽ thấy **như có chỗ thừa**: **Nhưng chính chỗ thừa ấy sẽ tạo sức hút cho người đọc ở vẻ khác lạ và độc đáo, ở sức gợi: gợi chất thơ của cuộc sống nơi chiến trường.**  - **Phân tích**:  **Hình ảnh *“tiểu đội xe không kính”*** được đưa vào nhan đề bài thơ:  + Gợi **hiện thực phổ biến, quen thuộc** trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  + Gợi **hiện thực của cuộc chiến** vô cùng gay go, khốc liệt.  + Gợi **vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn**, vẻ đẹp của lòng dũng cảm, của ý chí nghị lực, của sự kiên cường,tình đồng đội gắn bó.  + Hai chữ “**bài thơ**” được thêm vào giúp người đọc thấy rõ **một cách nhìn, một cách khai thác hiện thực trên tinh thần lãng mạn giàu chất thơ**: tìm kiếm vẻ đẹp ngay trong những khó khăn, khốc liệt của đời sống.  🡺 **Kết luận:** Nhan đề góp phần làm **nổi bật chủ đề**: **đó là ca ngợi những người lính lái xe Trường Sơn thời chống Mĩ cứu nước hiên ngang, dũng cảm, lạc quan.** |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm xen lẫn miêu tả và tự sự |
| ***Chủ đề*** | **Ca ngợi những người lính lái xe Trường Sơn thời chống Mĩ cứu nước hiên ngang, dũng cảm, lạc quan.** |
| ***Giá trị nội dung*** | * Khắc họa **hình ảnh độc đáo những chiếc xe không kính**. * Làm nổi bật **hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn.** |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | * Bài thơ có **chất liệu hiện thực** sinh động của cuộc sống. * **Ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khỏe khoắn**. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1.** **Hình ảnh những chiếc xe không kính:**

**CCĐ:** Hình ảnh những chiếc xe không kính đã được tác giả Phạm Tiến Duật khắc hoạ một cách vô cùng độc đáo trong bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*”.

- Xưa nay, xe cộ rất ít khi đi vào thơ ca, nếu có thì thường được “thi vị hóa”, “lãng mạn hóa”. Người đọc đã bắt gặp chiếc xe tam mã trong thơ Puskin, con tàu trong “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên. Nhưng những chiếc xe được Phạm Tiến Duật đưa vào thơ lại thực đến trần trụi.

**\* Hai câu thơ đầu:**

- Hai câu thơ đầu có thể coi là lời giải thích cho “sự cố” không bình thường ấy:

*Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| * **Câu thơ mở đầu** giống như một **câu văn xuôi**, sử dụng tới **ba từ phủ định “*không”*** | khiến cho chiếc xe xuất hiện thật **nổi bật: không có kính.** |
| * Câu thơ thứ hai **ngắn** nhưng t**ừ “*bom*” lặp lại hai lần** kết hợp với các **động từ mạnh “*giật, rung, vỡ”*** | đã diễn tả **sự khốc liệt của chiến tranh theo cấp số nhân**. Như vậy, những chiếc xe không kính chính là do “bom giật, bom rung” khiến kính vỡ. |
| => Hai câu thơ đầu lí giải nguyên nhân những chiếc xe không có kính, đồng thời thể hiện tâm trạng xót xa cho những chiếc xe- người bạn đồng hành thủy chung của những người lính.  - Qua đó, tác giả tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua. | |

**\* Khổ thơ thứ 7**

-Hình ảnh những chiếc xe không kính một lần nữa lại được tác giả miêu tả một cách chân thực, sinh động ở khổ thơ cuối:

*Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe thùng xe có xước*

* Bom đạn chiến trường đã làm những chiếc xe ngày càng bị biến dạng trần trụi hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| * **Điêp ngữ “không có**” kết hơp với các hình ảnh **liệt kê “kính, đèn, mui, thùng”** | Miêu tả những chiếc xe ngày càng **biến dạng, méo mó, trần trụi hơn.** Những thứ cần thì xe lại không có (*không kính, không đèn, không mui*), những thứ không cần có lại thừa (vết xước) |
| => Từ trong hiện thực khốc liệt đến trần trụi, những chiếc xe không kính bỗng trở nên thành một hình ảnh độc đáo, “nên thơ”- chất thơ của lòng yêu nước, tinh thần quả cảm mà những người lính đã đem lại cho chiếc xe từ chính trái tim nhiệt huyết của mình- trái tim cầm lái. | |

**Câu kết:** Như vậy, đằng sau những chiếc xe biến dạng vì bom đạn chiến tranh ấy, người đọc còn thấy được vẻ đẹp của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

**2. Hình ảnh những người lính lái xe.**

- Thiếu những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp:

**a. Tư thế ung dung, hiên ngang, sẵn sàng ra trận.**

**CCĐ:** Tư thế ung dung, hiên ngang của người lính lái xe đã được tác giả Phạm Tiến Duật thể hiện rõ nét trong bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*”.

*\* Hai câu cuối khổ thơ 1:*

- Trên nền của cuộc chiến tranh vô cùng gian khổ và khốc liệt, Phạm Tiến Duật đã xây dựng thành công hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn với tư thế ung dung, hiên ngang, sẵn sàng lên đường:

***Ung dung*** *buồng lái* ***ta*** *ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời,* ***nhìn thẳng***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ láy “ung dung**” lên đầu câu kết hợp với đại từ “ta” | Đã nhấn mạnh **tư thế** bình thản, hiên ngang, tự tin tiến về phía trước của người lính lái xe. |
| **Điệp từ *“nhìn”* lặp lại ba lần** kết hợp với **biện pháp liệt kê** | - đã gợi ra **cái nhìn vô cùng rộng mở, khoáng đạt và bản lĩnh cứng cỏi của người lính**. Cho dù hiện thực chiến tranh gian khổ ác liệt, những con người quả cảm ấy vẫn vững vàng tay lái.  - **Cái nhìn thẳng** là cái nhìn trang nghiêm, bất khuất, nhìn thẳng vào khó khăn, chủ động đối mặt với bom đạn của kẻ thù mà không hề run sợ, né tránh |
| - Với nhịp thơ: 2/2/2 (*Nhìn đất, nhìn trời nhìn thẳng*)  - Giọng điệu: đùa vui hóm hỉnh | đã làm nổi bật được sự tự tin, chủ động ở người lính. |

=> Như vậy, vượt lên trên cái gian khổ của chiến tranh, tư thế của người lính mới thật hiên ngang làm sao! Vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn cũng chính là vẻ đẹp của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**Khổ 2: Ấn tượng cảm giác của người lính lái xe trên những chiếc xe không kính**

**CCĐ:** Ấn tượng, cảm giác của người lính khi ngồi trên chiếc xe không kính đã được tác giả Phạm Tiến Duật thể hiện rõ nét trong khổ hai bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:*

*Nhìn thấy* ***gió vào xoa mắt đắng***

*Thấy* ***con đường chạy thẳng vào tim***

*Thấy* ***sao trời*** *và* ***đột ngột cánh chim***

***Như*** *sa* ***như*** *ùa vào buồng lái.*

|  |  |
| --- | --- |
| - **Nhịp thơ** chắc đều, trôi chảy như bánh xe lăn | Câu thơ diễn tả được cảm giác về tốc độ trên chiếc xe đang lao nhanh. |
| “**Gió xoa vào mắt đắng**” là cách viết tài hoa với nghệ thuật **nhân hóa và ấn dụ chuyển đổi cảm giác.** | - **Trong thực tế** xe không kính mọi thứ có thể va vào buồng lái nhưng người lính đã cảm nhận bằng tâm hồn trẻ trung, lãng mạn.   * Với người lính Trường sơn: gió táp không phải là khó khăn trở ngại mà đã trở thành người bạn đồng hành. Cách viết thể hiện **tinh thần vững vàng, sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn, gian khổ của người lính.** |
| + Hình ảnh “**con đường chạy thẳng vào tim”** | - **Gợi** đến tốc độ lao nhanh của chiếc xe, khiến cho người cầm lái và con đường như không còn khoảng cách. Điều đó cho thấy sự khẩn trương của người lính đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.  - **Nghĩa thực:** Đây là hình ảnh thực, **là con đường Trường Sơn** lắm dốc, lắm đèo, con đường trong khói lửa đạn bom.  - **Nghĩa ẩn dụ**: Đây còn là hình ảnh ẩn dụ về **con đường chiến đấu vì miền Nam độc lập.** |
| Không có kính chắn gió, người lính đối mặt với bao khó khăn, sao trên trời, chim dưới đất bất ngờ “như sa vào buồng lái”. Thực tế là đang va đập vào buồng lái, nhưng với tinh thần lạc quan, người lính đã cảm nhận được thật đặc biệt. | |
| + Hình ảnh ***“gió, sao trời, cánh chim****”* là những hình ảnh liệt kê của thiên nhiên đẹp, gợi cảm | thể hiện **nét lãng mạn trong tâm hồn người lính**. Như vậy, giữa tâm hồn người lính và bầu trời đêm đã không còn khoảng cách. |
| + **Điệp ngữ *“nhìn thấy***”, **phép đảo ngữ** **từ láy** *“đột ngột” và* ***nghệ thuật so sánh “như sa, như ùa”****,* ***nhịp thơ*** *nhanh, sôi nổi* | Thể hiện trải nghiệm bất ngờ, thú vị. Người lính có sự tập trung cao độ, tinh thần trách nhiệm nhưng **vẫn mở rộng tâm hồn chiêm ngưỡng tận hưởng từng vẻ đẹp của thiên nhiên qua ô cửa kính vỡ.** |

*=> Những câu thơ cho ta thấy vẻ đẹp tâm hồn hào hoa, kiêu bạc, lãng mạn, yêu đời và bản lĩnh cách mạng của những người lính trẻ nơi tuyến lửa Trường Sơn năm xưa.*

**b. Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.**

**Khổ thơ thứ ba: Tiểu đội xe không kính hành quân trong chiến trường gió bụi**

**CCĐ:** Thái độ bất chấp khó khăn và tinh thần lạc quan, sôi nổi của người người lính lái xe đã được tác giả Phạm Tiến Duật thể hiện rõ nét trong khổ ba bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:*

*Không có kính* ***ừ thì*** *có bụi*

*Bụi* ***phu****n tóc trắng* ***như người già***

***Chưa cần*** *rửa* ***phì phèo*** *châm điếu thuốc*

*Nhìn nhau mặt lấm cười* ***ha ha***

Hai câu thơ đầu đã làm nổi bật những khó khăn, gian khổ mà người lính phải trải qua. Trên những chiếc xe không kính, người lính phải đối mặt với bom đạn, với gió và giờ đây là với bụi đường mù mịt

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Cách nói “*không có kính, ừ thì có bụi*”** giống như một **lời nói nôm na** bình thường | thể hiện **thái độ thản nhiên, chủ động chấp nhận khó khăn, gian khổ** |
| **Phép nói quá kết hợp với biện pháp tu từ so sánh “***Bụi phun**tóc trắng như người già”* | càng nhấn mạnh được **cái gian khổ** của cuộc chiến |
| **Kết cấu phủ định**: “*không có... chưa cần”* | giống như một lời **khẳng định** về thái độ bất chấp mọi khó khăn |
| Mặc dù “Bụi… già” nhưng người lính vẫn thản nhiên phì phèo điếu thuốc. **Từ láy “phì phèo**”, | - là từ láy **tượng hình** gợi **vẻ đẹp ngang tàng và đầy chất lính.** |
| **Từ láy “ha ha”** | Là từ láy **tượng thanh** miêu tả tiếng cười tếu táo mà đầy ý nghĩa. Đó là tiếng cười **sảng khoái** xua đi mọi gian khổ, hiểm nguy ở chiến trường. Đó là tiếng cười át đi tiếng “bom giật, bom rung”, làm nổi bật **tinh thần lạc quan, dũng cảm, bản lĩnh chiến đấu vững vàng** của người lính lái xe. |

**Câu kết:** Như vậy, có thể nói vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe Trường Sơn cũng chính là vẻ đẹp của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**Khổ thơ thứ 4: Tiểu đội xe không kính hành quân trong mưa**

**CCĐ:** Thái độ bất chấp khó khăn và tinh thần lạc quan, sôi nổi của người người lính lái xe đã được tác giả Phạm Tiến Duật thể hiện rõ nét trong khổ bốn bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:*

*Không có kính* ***ừ thì*** *ướt áo*

*Mưa* ***tuôn*** *mưa* ***xối******như ngoài trời***

*Chưa* ***cần*** *rửa,* ***lái trăm***[***cây***](http://sotayvanhoc.com/tag/cay-coi)***số nữa***

***Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi***

Hai câu thơ đầu đã làm nổi bật những khó khăn, gian khổ mà người lính phải trải qua. Trên những chiếc xe không kính, người lính phải đối mặt với bom đạn, gió, bụi và giờ đây là với những cơn mưa rừng xối xả

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Cách nói “**không có kính, ừ thì ướt áo”** | giống như một lời nói nôm na bình thường thể hiện **thái độ thản nhiên, chủ động** chấp nhận khó khăn, gian khổ. |
| Những **động từ "tuôn, xối**" kết hợp với **biện pháp so sánh** | đã **nhấn mạnh khó khăn gian khổ** mà người lính phải trải qua |
| **Kết cấu phủ định**: “không có... chưa cần” | giống như một **lời khẳng định** về thái độ bất chấp mọi khó khăn |
| **Hành động** cụ thể “lái trăm cây số nữa” | **Khẳng định nhiệt tìn**h của người lính cách mạng. Để vượt qua chặng đường dài trong mưa bom bão đạn, người chiến sĩ lái xe phải đánh đổi bằng mồ hôi xương máu, mất mát, hi sinh. Gian khổ hiểm nguy là vậy nhưng các anh vẫn phơi phới, tràn đầy niềm tin, nghị lực. |
| ‘**Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi**” là câu thơ đặc biệt | -Cả dòng thơ có 7 chữ mà có đến **6 thanh bằng** diễn tả sự **lâng lâng, bay bổng, cảm giác nhẹ nhàng, thanh thản trong tâm hồn.**  - Hiện thực “mưa xối” không làm các anh chùn bước mà mà trái lại các anh **càng dày dạn, vững vàng**.  - Câu thơ không chỉ miêu tả, không chỉ là lời động viên mà ẩn chứa **tâm hồn yêu đời, lạc quan.**  => Ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, người lính vẫn tìm được giây phút thư thái. Đó là bản lĩnh của những chiến sĩ lái xe. |
| - Ngôn ngữ: mang tính **khẩu ngữ**  - Giọng điệu thơ **hóm hỉnh**, khẩu khí ngang tàng, lời thơ **gần với ngôn ngữ đời thường.** | Đã làm **nổi bật lên niềm vui, tiếng cười của người lính**. Tiếng cười bật lên sảng khoái, lạc quan khác với tiếng cười “buốt giá” ngậm ngùi động viên nhau của người lính thời kí kháng chiến chống Pháp g thơ Chính Hữu. |
| => Chính sự lạc quan, tinh thần dũng cảm của người lính lái xe ấy đã giúp những chiếc xe không kính vượt qua bao mưa bom bão đạn, giúp cuộc chiến đi gần hơn đến thắng lợi. | |
| **Cái tài của Phạm Tiến Duật:**  Hai câu thơ đầu nói về hiện thực nghiệt ngã phải chấp nhận, hai câu sau nói về tinh thần vượt lên để chiến thắng hoàn cảnh của người lính lái xe trong chiến tranh ác liệt.   * Người chiến sĩ đã lấy **cái bất biến của lòng dũng cảm**, của thái độ hiên ngang để **chiến thắng cái vạn biến** của chiến trường sinh tử ác liệt, gian khổ. | |

**Câu kết:** Như vậy, có thể nói vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe Trường Sơn cũng chính là vẻ đẹp của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**c. Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe (khổ 5, 6)**

**CCĐ:** Tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó của người người lính lái xe đã được tác giả Phạm Tiến Duật thể hiện rõ nét trong khổ năm bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:*

- Và trong cuộc chiến tranh đầy gian lao, thử thách ấy, tình cảm đồng chí, đồng đội lại càng trở nên gắn bó và gần gũi với nhau hơn.

**Sau những cung đường vượt qua hàng nghìn cây số trong mưa bom bão đạn, họ đã gặp nhau thành tiểu đội trong những cái bắt tay ấm cúng của tình đồng chí, đồng đội.**

*Những* ***chiếc xe từ trong bom rơi***

*Đã về đây họp thành* ***tiểu đội***

*Gặp****bè bạn*** *suốt dọc đường đi tới*

***Bắt tay*** *nhau qua cửa kính vỡ rồi*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh “**những chiếc xe từ trong bom rơi”** | là một **hình ảnh tả thực** về những chiếc xe vượt qua bao thử thách khốc liệt của chiến trường trở về |
| Cách gọi “**tiểu đội**” | là cách nói dí dỏm, giàu hình ảnh, vừa gợi lên những đoàn xe mang trên mình biết bao thương tích của chiến tranh, vừa **gợi lên được cái thân thương thắm tình đồng đội.** |
| Trên con đường ra trận, họ không cô đơn một mình mà có rất nhiều bạn: “*Gặp* ***bè bạn*** *suốt dọc đường đi tớ*i”. | Con đường giải phóng miền Nam là con đường đi tới chính nghĩa nên họ càng đi càng có nhiều bạn. Họ **không chỉ coi nhau là đồng đội mà còn coi nhau là bạn bè.** |
| Cảm động nhất là hình ảnh **“bắt tay …”** | * Đây là **chi tiết thực** vì chiếc xe không có kính nên bắt tay qua cửa kính là đương nhiên. Những chiếc xe không kính lại đem lại sự tiện lợi để người lính trao cho nhau những cái bắt tay. * Cái bắt tay:   + Thay cho **lời chào hỏi, làm quen.**  + Đã cho thấy **tinh thần đoàn kết, gắn bó** với nhau của các chiến sĩ lái xe.  + Là **lời động viên** ngắn ngủi, thầm lặng mà họ dành cho nhau, là lời hứa quyết tâm…  + Là **sự chia sẻ vội vàng** tất cả những vui buồn kiêu hãnh trên những cung đường đã qua.  - Thể hiện được **sự đồng cảm sâu sắc** trong tâm hồn của những người lính. |
| * Có sự gặp gỡ với ý thơ của Chính Hữu trong bài thơ Đồng chí “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Nhưng có lẽ cái bắt tay của những người lính lái xe hồn nhiên hơn, trẻ trung hơn. Đó là quá trình trưởng thành của thơ ca quân đội trong hai cuộc kháng chiến. | |

**Câu kết:** Như vậy, có thể nói vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe Trường Sơn cũng chính là vẻ đẹp của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**Tình đồng chí, đồng đội qua giờ phút sinh hoạt.**

**CCĐ:** Tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó của người người lính lái xe đã được tác giả Phạm Tiến Duật thể hiện rõ nét trong khổ sáu bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”:*

***Bếp Hoàng Cầm*** *ta dựng giữa trời* ***Chung*** *bát đũa nghĩa là gia đình đấy  
 Võng mắc* ***chông chênh*** *đường xe chạy*

***Lại đi, lại đi******trời xanh thêm***.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Qua bữa cơm thời chiến** | |
| **Bếp Hoàng Cầm** | Là loại bếp dã chiến, được đặt dưới lòng đất, khi đun khói tản ra, địch không phát hiện được. |
| Câu thơ **“chung…”** | là cách định nghĩa “ rất lính”, tếu táo nhưng chân tình, sâu nặng về gia đình. Gắn bó với nhau trong chiến đấu, họ còn gắn bó với nhau trong cuộc sống đời thường. **Chỉ cần chung bát đũa, chung bếp Hoàng Cầm, chung võng Trường Sơn thì đã được coi là một gia đình**. Đó là gia đình của những người lính cùng chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu.   * Từ đó, gợi tình cảm thân thương giữa những người lính. Với người lính Trường Sơn, tình đồng chí đồng đội cũng là tình thân, giống như tình cảm ruột thịt chân thành. |
| **Qua những giây phút nghỉ ngơi trên chiếc võng “chông chênh”** | |
| Câu thơ “*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*” | gợi hình ảnh những chiếc võng mắc vội trên con đường ra trận |
| Từ láy “**chông chênh**” | đem đến cảm nhận về **sự bấp bênh, không bằng phẳng, gợi một giấc ngủ không được trọn vẹn** trong nhịp lắc, nhịp rung của bánh xe lăn trên con đường gập ghềnh.   * Đây là **một nét vẽ thực** qua đó Phạm Tiến Duật tái hiện cuộc đời đầy gian khổ của những người lính lái xe Trường Sơn. * Từ láy này còn **gợi tả sự trẻ trung, tinh nghịch và bản lĩnh của người lính lái xe**. Dù gặp khó khăn nhưng người lính vẫn kiên định, vững vàng, những chiếc xe vận tải vẫn lăn bánh. |
| **Điệp ngữ “lại đi**” kết hợp với **nhịp thơ 2/2/3** | tạo **âm điệu nhịp nhàng** cho câu thơ, **khẳng định đoàn xe không ngừng tiến về phá trước**. Đó là nhịp sống, chiến đấu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh tàn bạo nào ngăn cản được. |
| **Nghệ thuật ẩn dụ** “trời xanh thêm” | - là nét **nghĩa thực**: qua khoảng trời âm u, bầu trời sẽ hiện ra.  - Bên cạnh, “trời xanh” còn là biểu tượng cho **hòa bình và cuộc sống tươi đẹp** gợi sự lạc quan, niềm tin của người lính. |
| Chính tình đồng chí, đồng đội đã biến thành động lực giúp các anh vượt qua khó khăn, nguy hiểm, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, hình tượng đẹp nhất của thế kỷ “*Như Thạch Sanh của thế kỉ XX*” (Tố Hữu). | |

**Câu kết:** Như vậy, có thể nói vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe Trường Sơn cũng chính là vẻ đẹp của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**d. Tình yêu tổ quốc thiết tha và ý chí giải phóng miền Nam**

**CCĐ:** Bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã được khép lại bằng 4 câu thơ thể hiện ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước:

*Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

**Hai câu thơ đầu: hiện thực chiến trường**

Một lần nữa, sự tàn khốc của chiến tranh lại được Phạm Tiến Duật nhắc đến thông qua hình ảnh những chiếc xe chân thực, sinh động:

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Thủ pháp **liệt kê “không kính, không đèn…”** | Gợi lên hình ảnh những **chiếc xe bị tàn phá, méo mó, biến dạng,** qua đó phản ánh hiện thực chiến tranh khốc liệt. |
| Hai dòng thơ như ngắt làm bốn khúc | Như những chặng gập ghềnh, khúc khuỷu của con đường đầy chông gai bom đạn. |

**Hai câu thơ cuối: Lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.**

- Giọng thơ trang nghiêm, đĩnh đạc, âm hưởng mạnh mẽ, hào hùng khắc họa những chiếc xe vận tải quân sự mang đầy thương tích tưởng như không thể hoạt động được nhưng kì diệu thay chiếc xe vẫn băng ra tiền tuyến lớn.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Nghệ thuật **điệp ngữ “không có”** kết hợp với **thủ pháp đối lập** | - Ở đây có sự đối lập giữa cái không và cái có, giữa điều kiện vật chất và sức mạnh tinh thần của người lính lái xe. Điều đó đã **nhấn mạnh** dù chiếc xe không nguyên vẹn, nhưng chỉ **cần có “một trái tim”, những chiếc xe ấy vẫn băng ra** chiến trường giải phóng miền Nam.  + Để **cân bằng ba cái không có** ở trên chỉ cần **một cái có: trái tim người lính**. Đến đây, ta càng thấy được sự ngang tàng, hóm hỉnh nhưng cũng thật sâu sắc trong thơ Phạm Tiến Duật, những chiếc xe dường như không chỉ chạy bằng nhiên liệu mà thật độc đáo khi chạy bằng sức mạnh tinh thần, khi có một trái tim cầm lái. |
| “**Trái tim**” là hình ảnh hoán dụ cho những người lính lái xe đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ | hội tụ **vẻ đẹp tâm hồn** của người chiến sĩ lái xe giàu nhiệt huyết, sắt son tình yêu tổ quốc, sục sôi căm thù giặc và ý chí quyết tâm chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. |
| -> Trái tim yêu thương, trái tim cầm lái đã giúp người lính chiến thắng bom đạn của kẻ thù. Trái tim ấy đã trở thành nhãn tự của bài thơ và để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng bạn đọc ở thời kì “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai*.” | |

**=> Như vậy, khổ thơ cuối cùng của bài thơ vừa nói lên được cái khốc liệt, dữ dội của chiến tranh vừa làm nổi bật vẻ đẹp phẩm chất của người lính trẻ nơi tuyến lửa Trường Sơn thời kì chống Mỹ.**

**BÀI 3: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

***Huy Cận***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tên đầy đủ: **Cù Huy Cận** (1919-2005), quê ở làng Ân Phú, huyện Vụ Quang (trước đây thuộc huyện Hương Sơn, sau là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh.  - Là nhà thơ **nổi tiếng trong phong trào thơ mới với tập thơ** “***Lửa thiêng***” (1940). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam.  **- Phong cách sáng tác:** Thơ Huy Cận luôn vận động ở nhiều đối cực: vũ trụ- cuộc đời, sự sống- cái chết, hiện thực- lãng mạn, nềm vui- nỗi buồn…; giọng điệu mộc mạc, chân tình, lắng đọng; hình ảnh thâm trầm, khơi gợi. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | **- Bài thơ ra đời năm 1958**. **Đây là thời kì miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội** để chi viện cho chiến trường miền Nam và bài thơ **là kết quả sau chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh.**  \* Xuất xứ: Bài thơ được in trong tập thơ “***Trời mỗi ngày lại sáng***” (1986). |
| ***Thể loại*** | Thể thơ 7 chữ |
| ***Bố cục*** | Bài thơ được bố cục theo trình tự thời gian, không gian chuyến ra khơi của đoàn thuyền, gồm 3 phần:  - Phần 1 (2 khổ đầu): cảnh đoàn thuyền ra khơi  - Phần 2 (4 khổ tiếp theo): cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển.  - Phần 3 (khổ cuối): hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về. |
| ***Mạch cảm xúc*** | **\* Mạc cảm xúc của bài thơ** được triển khai theo **trình tự thời gian và không gian chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá:**  **- Mở đầu** là cảnh đoàn thuyền ra khơi khi mặt trời xuống biển  **- Tiếp theo** là đánh cá trong đêm  **- Cuối cùng** là cảnh đầy ắp cá trở về khi bình minh lên.  Cách triển khai cảm xúc như vậy khiến cho bài thơ trở thành một **khúc tráng ca** nói về cuộc chạy đua giữa con người và thiên nhiên. Trong cuộc đua này, con người – chủ nhân cuộc sống mới đã chiến thắng.  **\* Lưu ý: Nêu thời gian và không gian được miêu tả trong bài thơ:**  Bài thơ đã tạo ra một khung cảnh không gian và thời gian rất đáng chú ý:  - **Không gian rộng lớn bao la** với mặt trời, biển, trăng, sao, mây, gió;  - **Thời gian là nhịp tuần hoàn** của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là **thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về** của đoàn thuyền đánh cá: mặt trời xuống biển, cả trời đất vào đêm, trăng lên cao, đêm thở, sao lùa… rồi sao mờ, mặt trời đội biển nhô lên trong một ngày mới. Điểm nhịp thời gian cho công việc của đoàn thuyền đánh cá là nhịp tuần hoàn của thiên nhiên vũ trụ. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - **Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, đầy ý nghĩa, được cấu tạo bằng một cụm danh từ**  - Phân tích:  + Nhan đề gợi ra **hình ảnh trung tâm là** những ngươi dân chài với công việc lao động thường ngày (đánh bắt cá – công việc đầy khó khăn nguy hiểm)  + **Đoàn thuyển** (nhiều con thuyền cùng ra khơi): làm nổi bật sự đoàn kết, khí thế hăng say, sự đồng lòng chung sức của những con người lao động thời kì mới  - Nhan đề góp phần thể hiện **chủ đề** tác phẩm: Ca ngợi vẻ đẹp của những con người lao động thời kì mới |
| ***PT biểu đạt*** | Tự sự, miêu tả, biểu cảm |
| ***Chủ đề*** | - Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, sự giàu có của biển khơi  - Ca ngợi ca khí thế lao động hăng say, yêu đời của người lao động mới đã được giải phóng, đang làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Khắc hoạ nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ  - Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo.  - Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Cảnh ra khơi huy hoàng và tâm trạng náo nức của con người (2 khổ đầu).**

Cảnh ra khơi huy hoàng và tâm trạng náo nức của con người đãđược nhà thơ Huy Cận khắc họa ấn tượng trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.

**a. Cảnh hoàng hôn trên biển.**

Mở đầu bài thơ là cảnh mặt hoàng hôn trên biển được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Cảnh được miêu tả ở một **điểm nhìn, một vị trí đặc biệt**. | Đó là **điểm nhìn di động** trên con thuyền trên biển  Vì thế, khi người quan sát nhìn về phía mặt trời lặn qua một khoảng biển sẽ thấy mặt trời như đang lặn xuống biển. |
| Nghệ thuật **so sánh** “Mặt trời…lửa” | Vừa gợi được **cái kì vĩ, tráng lệ** của hoàng hôn trên biển, mặt trời như một hòn than cháy hồng đang từ từ lặn xuống biển, vừa gợi được **bước đi của thời gian**. |
| Hình ảnh **nhân hóa** “Sóng…” | Gợi cảm giác **gần gũi, thân thương**, vũ trụ như ngôi nhà lớn với màn đêm là tấm cửa khổng lồ, những con sóng lăn tăn trên đại dương là những chiếc then cửa. |
| => Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật **đẹp, kỳ vĩ, tráng lệ** như thần thoại đồng thời gợi **sự gần gũi** như ngôi nhà thân quen, gợi **sự bình yên** đối với người dân chài.  => Hai câu thơ đã cho thấy được **cảm hứng vũ trụ** trong thơ Huy Cận cũng như thể hiện rõ **tình yêu thiên nhiên và lỏng yêu mến cuộc đời** của tác giả. | |

**b. Cảnh đoàn thuyền ra khơi:**

- Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc.  
*“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  
 Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh “**Đoàn thuyền”** | gợi ra sự **tấp nập**, không khí lao động **sôi nổi** trên biển. |
| Chữ “**lại”** | vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào **ổn định**, vừa thể hiện sự **đối lập** giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người. |
| Ba hình ảnh: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. | - Trước hết, thể hiện **trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn:**  + Thực tế: người đánh cá căng buồm và cất câu hát, + Nhưng nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.  - **Câu hát là** **hình ảnh ẩn dụ** thể hiện niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì họ tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc. |

**c. Tâm trạng phấn chấn, náo nức của người dân chài:**

- Người dân chài ra khơi mang tâm trạng phấn chấn, náo nức:

*“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,  
Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
 Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng*

*Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Câu thơ mở đầu sử dụng cách ngắt **nhịp 2/5** | tạo âm hưởng **vừa** **trang trọng, vừa khỏe khoắn** |
| Từ “**hát rằng”** | - Đó là **tiếng hát của những con người lao động**- những con người yêu thiên nhiên, yêu lao động làm chủ đất nước.  - Đó cũng là **tiếng hát thể hiện khí thế ra khơi sôi nổi, lạc quan**, thể hiện niềm tin, mong ước chuyến ra khơi được bội thu.  - Không chỉ vậy **tiếng hát ấy còn ca ngợi sự giàu có, đẹp đẽ của biển cả** quê hương.  => Tiếng hát gợi lên **niềm vui và hi vọng, sự phấn chấn, náo nức** của người dân chài |
| Phép **liệt kê** “cá bạc, cá thu” kết hợp với **so sánh** “cá thu biển đông như đoàn thoi” | mang âm hưởng **ngợi ca, tự hào** về sự giàu có của biển.  - Cách **so sánh** “Cá thu biển Đông như đoàn thoi” gợi hình ảnh **cá bơi thành từng đàn**, **vẩy cá phản chiếu ánh trăng** tạo nên muôn luồng sáng lấp lánh. Bằng trí tưởng tượng bay bổng, tác giả thấy đàn cá bơi lội giống như đoàn thoi đang dệt lên tấm thảm biển đêm tráng lệ bằng muôn ngàn sợi ánh sáng lấp lánh. |
| Phép **nhân hóa** “Đêm ngày…” | - Gợi **hình ảnh đàn cá chao qua chao lại** trên mặt biển, biển như một tấm lụa khổng lồ mà cá là “đoàn thoi” đang mải miết dệt. Liên tưởng này kéo theo một liên tưởng khác: **“đoàn thoi” cá dệt nên tấm lưới** của người dân chài  - Cho thấy **không khí lao động hăng say**, không kể ngày đêm của người lao động. |
| **Lời mời gọi** kết hợp với **dấu chấm cảm** | - **Tiếng “ta”** cất lên một cách đầy kiêu hãnh, tự hào trong niềm say mê thể hiện tư thế của những **con người làm chủ cuộc sống, làm chủ công việc** của mình.  - Đại từ “ta” cùng với tiếng gọi tha thiết: “Đoàn cá ơi!” còn thể hiện tình cảm **yêu mến, ước mơ chinh phục biển khơi** của những người dân chài miền biển. |
| => Hai khổ thơ đầu đã phác họa rất thành công một bức tranh thiên **nhiên kì vĩ, thơ mộng** và qua đó gợi được **tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng** của người dân chài. | |

**2. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển (4 khổ tiếp)**

Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển đãđược nhà thơ Huy Cận khắc họa ấn tượng trong bốn khổ thơ tiếp bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.

**a. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển được miêu tả cụ thể và rất sinh động:**

“*Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng*

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn dan thế trận lưới vây giăng”*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hai tiếng “**Thuyền ta”** | vang lên đầy **kiêu hãnh.** Thuyền ta là thuyền của ta, do ta làm chủ, thuyền của những người dân chài – những con người lao động thời kì mới. |
| Hình ảnh đoàn thuyền được tái hiện trên **nền thiên nhiên bao la, rộng lớn:** | **chiều cao** của gió trăng, chiều rộng của mặt biển và **chiều sâu** của lòng biển. |
| Cách nói **khoa trương, phóng đại** và thủ pháp **nhân hóa** qua hình ảnh “lái…” | cho thấy con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây qua cái nhìn của nhà thơ trở nên **lớn lao, kỳ vĩ và ngang tầm vũ trụ.** **Con thuyền ấy có gió là người cầm lái, còn trăng là cánh buồm.** Nó đang lướt đi thật nhẹ giữa bao la sóng nước, nó giống như con thuyền “lướt bể chơi trăng” của kẻ tao nhân mặc khách.  => cho thấy trí **tưởng tượng bay bổng, lãng mạn** đồng thời gợi sự **nhịp nhàng, hoà quyện** của đoàn thuyền với biển trời. |
| Hàng loạt những **động từ: lái, lướt, dò, dàn đan, vây giăng** | cho thấy **hoạt động của đoàn thuyền và con người**. Động từ “**lướt”** thể hiện con thuyền lao đi với tốc độ rất nhanh, con thuyền thơ mộng ấy như lướt ra từ trong thần thoại  - Công việc đánh cá được dàn đan như một **thế trận hào hùng,** cuộc lao động là cuộc chiến đấu chinh phục thiên nhiên. Và người dân chài là những con người dũng cảm, quyết liệt, táo bạo nhưng cũng đầy kinh nghiệm dày dặn, họ ra tận những vùng biển xa nhất, sâu nhất để đánh cá.  => Các câu thơ vừa gợi sự **khéo léo** như nghệ sĩ của người dân chài vừa cho thấy **tâm hồn phóng khoáng**, **tầm vóc lớn lao,** chinh phục biển cả, làm chủ thiên nhiên của họ. |
| => Như vậy, **tầm vóc của con người và đoàn thuyền đã được nâng lên, hoà nhập vào kích thước của thiên nhiên vũ trụ.** Không còn cái cảm giác nhỏ bé lẻ loi khi con người đối diện với trời rộng, sông dài như trong thơ Huy Cận trước cách mạng. Hình ảnh thơ thật lãng mạn, bay bổng và con người có tâm hồn cũng thật vui vẻ, phơi phới. Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên. | |

**b. Theo đoàn thuyền đánh cá, tác giả mở ra sự giàu có, hào phóng của biển cả:**

“*Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,  
 Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,  
 Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,  
 Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Bằng cách **liệt kê** tên của các loài cá khác nhau: “Cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song”. | Tác giả đã miêu tả sự **phong phú và giàu có** của biển cả quê hương qua những loài cá ngon, quý hiếm. |
| Nghệ thuật **nhân hóa, ẩn dụ kết hợp với các tính từ chỉ màu sắc:** lấp lánh, đen hồng, vàng choé. | đã cho thấy biển không chỉ giàu mà còn **rất đẹp**. Tất cả tạo nên một bức tranh sơn mài nên thơ và đầy chất lãng mạn. |
| **Hình ảnh ẩn dụ độc đáo:** cá song lấp lánh đuốc đen hồng | gợi liên tưởng **những con cá song giống như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước** dưới ánh trăng lấp lánh. |
| **Hình ảnh nhân hóa** “Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé” | là **hình ảnh đẹp nhất**. Ánh trăng in xuống mặt nước, những con cá quẫy đuôi vào nước mà như quẫy ánh trăng tan ra, lóe sáng. |
| **Từ “em”** | thể hiện **tình cảm yêu mến, thiết tha** của tác giả. Biển cả với con người bỗng trở nên gần gũi, thân thiết hơn bao giờ hết |
| Tác giả sử dụng nghệ thuật **nhân hóa:** “Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long” | để gợi ra sự **gần gũi** của biển cả về đêm**.** Biển cả bao la không hề xa lạ mà vô cùng thân quen.  + Câu thơ vừa miêu tả **nhịp điệu của những cánh sóng**, vừa gợi **nhịp thở của biển, vũ trụ** lúc đêm về. Biển như mang linh hồn của con người.  + Câu thơ còn độc đáo ở chỗ: tác giả đã tạo **ra hình ảnh đảo ngược**: ánh sao in bóng xuống biển đêm, nhưng không phải sao bị sóng đẩy vào mạn thuyền mà dường như chính ánh sao như lùa nước Hạ Long làm nên tiếng thở của đêm. |
| => Tất cả làm nên một bức tranh **hoà nhịp kỳ diệu** giữa thiên nhiên và con người lao động. | |

**c. Trước sự giàu có của biển cả, lòng người háo hức, vui tươi:** *“Ta hát bài ca gọi cá vào,  
 Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.  
 Biển cho ta cá như lòng mẹ,  
 Nuôi lớn đời ta tự buổi nào*".

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Cụm từ “**Ta hát”** | biểu hiện **niềm vui** trong lao động tập thể và cũng là niềm **mong ước** đánh bắt được thật nhiều cá. Biết bao âu yếm thân thiết với biển khơi, với vũ trụ huyền diệu hiện lên qua phép nhân hóa “gọi cá vào”. Tiếng hát cho thấy cuộc sống của con người thật phóng khoáng bay bổng, chan chứa niềm yêu đời yêu biển. |
| Hình ảnh **nhân hóa**: “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao” | **gợi nhiều liên tưởng:** trong đêm trăng sáng, vầng trăng in xuống mặt nước, sóng xô bóng trăng dưới nước gõ vào mạn thuyền tạo nên nhịp điệu cho bài ca lao động.  => Có thể nói đây là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc đánh cá trên biển. Thiên nhiên đã cùng con người hoà đồng trong lao động. |
| *“Biển cho ta cá như lòng mẹ*  *Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”*  là hình ảnh so sánh, nhân hóa thật đẹp. | - Người dân chài sống dựa vào biển khơi, biết ơn biển đã tri ân biển bằng những **lời thơ căng đầy cảm xúc.**  - **Biển không chỉ giàu đẹp mà còn rất ân tình**. Với tác giả, biển cả bao la và thẳm sâu không còn là điều kì bí, đáng sợ. Bởi lẽ, lòng biển mênh mông, rộng rãi đầy cá như tấm lòng mẹ bao dung, độ lượng. Biển cưu mang con người, lòng biển bao la như lòng mẹ. Câu thơ là **khúc tâm tình thiết tha với biển thân yêu, là lời cảm ơn biển,** biển vừa bao la mà lại trĩu nặng yêu thương.  - Câu thơ gợi nhắc đến **lời cảm tạ của những người dân chài trong bài thơ “Quê hương” của tác giả Tế Hanh**: Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe” |
| **=> B**ằng nghệ thuật nhân hóa, so sánh, hình ảnh thơ lãng mạn, giàu cảm xúc, đoạn thơ đã thể hiện tình yêu biển cả của con người. | |

**d. Khung cảnh lao động hăng say trên biển lúc bình minh:** “Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng  
 Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.  
 Vẫy bạc đuôi vàng loé rạng đông,  
 Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”.  
Khổ thơ miêu tả hình ảnh người lao động trên nền trời đang sáng dần, ửng hồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Từ “kịp” kết hợp nhịp 2/2/3** | nhấn mạnh **không khí lao động rất khẩn trương** bởi ngày mới đang tới, trời sắp sáng, con người đang chạy đua với thời gian. |
| **Đại từ “ta”** | vang lên đầy **kiêu hãnh, tự hào, thể hiện tư thế** của người làm chủ quê hương, đất nước. |
| Hình ảnh “**kéo xoăn tay”** | gợi ra trước mắt ta **những người lao động khoẻ khoắn** với những cánh tay rắn chắc đang lao động chinh phục biển khơi. Câu thơ còn khiến người đọc liên tưởng tới **những người dân chài trong bài thơ “Quê hương” của tác giả Tế Hanh** “dân trai tráng”, “dân chài lưới làn da ngăm rám nắng”. |
| Cách dùng từ “**chùm cá nặng**” | thật **độc đáo và sáng tạo**, thể hiện được **thành quả** của những người dân chài |
| Hình ảnh “ **vẩy bạc”, “ đuôi vàng”** đầy ắp khoang thuyền | gợi ra trước mắt người đọc một **bức tranh thật đẹp**  + Bức tranh đó có **vẻ đẹp của muôn vàn loài cá** lung linh với “vẩy bạc”, “đuôi vàng”.  + “Bạc” và “vàng” là hình ảnh **ẩn dụ** gợi sự giàu có của biển cả quê hương.  + Bức tranh đẹp đó còn có **nắng hồng, bình minh lóe rạng.**  + Tác giả phải là người **dồi dào cảm hứng về thiên nhiên, con người lao động** thì mới có thể viết nên những vần thơ hay đến như vậy. |
| **Nhịp thơ 2/2/3** ở câu cuối khổ thơ | tạo một **sự nhịp nhàng** giữa lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ. |
| => Đoạn thơ đã diến tả được một bức tranh **thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên**, đồng thời khắc họa thành công **hình tượng người lao động lớn lao, phi thường.** | |

**3.Cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh rực rỡ, tráng lệ.**

**(Khổ cuối).**  
 “*Câu hát căng buồm với gió khơi*

*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*

*Mặt trời đội biển nhô màu mới*

*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”.*

Cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh rực rỡ, tráng lệ đã được tác giả Huy Cận khắc họa ấn tượng trong khổ thơ cuối bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Ở câu thơ đầu, tác giả sử dụng **cấu trúc lặp** lại câu thơ cuối của khổ thơ đầu tiên. => **cấu trúc đầu cuối tương ứng**  (Chỉ ra sự khác nhau giữa từ “cùng” và từ “với”) | - “Cùng” và “với” **đều thể hiện sự gắn kết giữa câu hát và gió khơi**, nhưng **“cùng**” **sử dụng thanh bằng, gợi lên sự hài hòa** giữa ngọn gió và câu hát, từ đó tái hiện một chuyến đi biển **thuận lợi và bình yên**. Còn từ **“với” sử dụng thanh trắc** tạo nên sự **khỏe khoắn và niềm vui phơi phới** khi người dân chài trở về với mẻ lưới bội thu.  - “Câu hát” mở đầu lúc họ bắt đầu lên đường ra khơi, và khi trở về lại những câu hát ấy. **Cấu trúc lặp như một điệp khúc ngân nga, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương.**  -> Có lẽ câu hát lúc ra đi là câu hát lạc quan tin tưởng khi trở về con thuyền sẽ đầy ắp cá tươi, còn câu hát lúc trở về là câu hát vui sướng trước thành quả lao động sau một đêm vất vả  => **Cả bài thơ là một khúc tráng ca,** ngợi ca biển cả quê hương và những con người lao động thời kì mới |
| Hình ảnh **nhân hóa, phóng đại** “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”. | Cho thấy **đoàn thuyền như một sinh thể sống chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ vũ trụ.** Qua đó cho thấy khí thế khẩn trương, sức lực sức dồi dào, vẫn hăng say mạnh mẽ sau một đêm lao động vất vả của người dân chài.  -> Bằng hình ảnh thơ bay bổng, tác giả đã làm nổi bật tư thế của những con người lao động- tư thế sánh ngang với vũ trụ, chiến thắng thiên nhiên và làm chủ thiên nhiên. |
| - Hình ảnh **nhân hóa “mặt trời đội biển” kết hợp với động từ “nhô”, ần dụ “màu mới”** | - Vừa gợi cái **kì vĩ, tráng lệ** của thiên nhiên, vừa gợi **bước đi của thời gian.**  - “**Màu mới”** không chỉ là màu của bình minh mà nó còn là màu của cuộc sống mới, cuộc sống của những con người với tư thế làm chủ.  => Bình minh báo hiệu một ngày mới, báo hiệu một sự sống sinh sôi nảy nở, là sự khởi đầu của những niềm vui, niềm hạnh phúc mà người dân chài có được sau một chuyến hành trình rất vất vả và cực nhọc. |
| Hình ảnh ẩn dụ/ hoán dụ “mắt cá… phơi” | Ta lại bắt gặp một hình ảnh mặt trời khác, không phải của thiên nhiên mà của muôn ngàn mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh - đó là **ánh sáng của thành quả lao động lấp lánh niềm vui, hi vọng**. |
| => Ý thơ phảng phất không khí thần thoại, khổ thơ mang âm hưởng của bản anh hùng ca lao động thể hiện **niềm vui phơi phới** của con người lao động khi làm chủ đất trời, làm chủ cuộc đời. | |

**Đánh giá:** Với ngòi bút tràn đầy cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ; hình ảnh thơ phong phú, giàu sức gợi; kết cấu đầu cuối tương ứng đặc sắc... Bài thơ đã phác họa thành công vẻ dẹp thiên nhiên và con người lao động mới. Đồng thời thấy được sự hồi sinh của thiên nhiên, đất nước sau chiến tranh.

**BÀI 4: BẾP LỬA**

***Bằng Việt***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tên khai sinh là **Nguyễn Việt Bằng** – sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.  - Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ **trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.**  **- Phong cách sáng tác:** Thơ Bằng Việt mang giọng điệu thủ thỉ, tâm tình; ngôn ngữ điềm đạm; cấu tứ mạch lạc và hệ thống thi ảnh đặc sắc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ được sáng tác **năm 1963, thời kì miền Bắc xây dựng XHCN, miền Nam chống Mỹ, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài.**  - Bài thơ được đưa vào **tập Hương cây – Bếp lửa (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.** |
| ***Thể loại*** | Tự do (Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ, 8 chữ) |
| ***Bố cục*** | \* **Bố cục**: 4 phần.  - Khổ đầu: hình ảnh **bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc** hồi tưởng về bà.  - 3 khổ tiếp: những **kỷ niệm ấu thơ**, hình ảnh **bà và bếp lửa**.  - 2 khổ tiếp: những **suy ngẫm** của tác giả về bà và bếp lửa  - Khổ cuối: **nỗi nhớ** của cháu về bà và bếp lửa. |
| ***Mạch cảm xúc*** | \* **Mạch cảm xúc**: Bài thơ là lời tâm sự của người cháu hiếu thảo ở phương xa gửi về người bà.  - Bài thơ được **mở ra** với hình ảnh bếp lửa,  - **Từ đó** gợi về những kỷ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh bà với sự chăm sóc, lo toan, vât vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu. Từ những kỷ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà.  - **Cuối cùng**, người cháu muốn gửi niềm mong nhớ về với bà.  ->Mạch cảm xúc bài thơ đi từ **hồi tưởng đến hiện tại, từ kỷ niệm đến suy ngẫm.** |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan **đề ngắn gọn, gợi hình ảnh quen thuộc nhưng gửi gắm ý nghĩa sâu xa.**  - “Bếp lửa” là một hình ảnh **độc đáo, sáng tạo**, xuất hiện nhiều lần trong bài thơ, nó vừa mang **ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng**  + **Nghĩa thực**: Đây là một **bếp lửa thực, quen thuộc,** gần gũi trong mỗi gia đình của người Việt. Đồng thời, nó là hình ảnh gắn với kỉ niệm ấu thơ về một người bà cụ thể, có thật của tác giả.  **+ Nghĩa** **biểu tượng:**  +) Bếp lửa gợi lên sự **tần tảo, chăm sóc, yêu thương** của người bà dành cho người cháu trong những năm tháng đói nghèo, chiến tranh để trưởng thành và khôn lớn.  +) Bếp lửa gợi lên bao **vất vả, cực nhọc** của đời bà. Song bà nhóm bếp lửa cũng chính là nhóm lên sự sống, niềm vui, niềm tin và hi vọng cho cháu vào một tương lai phía trước.  +) Bếp lửa còn là **biểu tượng của gia đình, quê hương, đất nước, cội nguồn**… đã nâng bước người cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.  => Nhan đề góp phần **thể hiện chủ đề tác phẩm:** thể hiện lòng thương nhớ và biết ơn bà của đứa cháu đi xa, đồng thời nói lên tình yêu thiết tha đối với gia đình, quê hương, đất nước. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm, tự sự, miêu tả, nghị luận |
| ***Chủ đề*** | Qua hình ảnh bếp lửa - ngọn lửa, tác giả thể hiện **lòng thương nhớ và biết ơn bà** của đứa cháu đi xa, đồng thời nói lên tình yêu thiết tha đối với gia đình, quê hương, đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ “Bếp lửa” gợi lại những kỷ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình quê hương đất nước. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả tự sự và bình luận.  - Sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi một kỷ niệm, cảm xúc, suy nghĩ về bà và tình bà cháu. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nhớ thương (3 câu đầu):**

Khổ 1 bài thơ “Bếp lửa” của tác giả Bằng Việt đã làm nổi bật hình ảnh bếp lửa, khơi nguồn dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà.

**a. Dòng hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương về bếp lửa.**

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Mở đầu bài thơ, **điệp ngữ “một bếp lửa”** được nhắc lại hai lần ngân lên như một điệp khúc thiết tha, sâu lắng | gợi lên một **hình ảnh quen thuộc,** không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt. |
| **Bếp lửa còn là hình ảnh ẩn dụ** | gợi bóng dáng của người bà tảo tần thức khuya dậy sớm |
| Từ láy “**chờn vờn”** | là từ láy tượng hình vừa miêu tả ngọn lửa chập chờn, bập bùng tỏa sáng, ẩn hiện giữa làn sương sớm vừa gợi cái mờ nhòa của hình ảnh ký ức theo thời gian. |
| ***“*Ấp iu”** là một sáng tạo mới mẻ của nhà thơ. Đó không phải là từ láy, từ ghép đơn thuần mà là sự kết hợp và biến thể của hai từ “**ấp ủ” và “nâng niu”.** | “Ấp iu” vừa gợi cụ thể **việc nhóm bếp** vừa gợi đến bàn **tay kiên nhẫn, khéo léo** và tấm lòng **chi chút, tần tảo** của bà |

**b. Hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy những cảm xúc yêu thương trong lòng cháu.**

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Trong câu thơ, **tiếng “thương”** vang lên thật tha thiết, | đó là **tiếng lòng của người cháu xa quê nhớ về bà**. Hai thanh bằng đặt liền nhau: chữ “thương” đi với chữ “bà” cho thấy **nỗi nhớ ngân vang, trải dài.** |
| Hình ảnh **ẩn dụ “**nắng mưa**”** | chỉ những **khó khăn vất vả** của cuộc đời bà - một cuộc đời đầy lo toan, vất vả.  => Nhớ về bà, lòng cháu lại trào dâng bao cảm xúc. |
| => Bằng việc sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, tác giả đã thể hiện được tình cảm yêu thương bà, biết ơn và kính trọng bà. | |

**2. Những kỷ niệm tuổi thơ bên bà và bếp lửa (năm khổ tiếp theo):**

Những kỷ niệm tuổi thơ bên bà và bếp lửa đã được tác giả Bằng Việt gợi ra qua...

**a. Đó là tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:**

*Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến bây giờ sống mũi còn cay!*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Mùi khói** cay nhèm của bếp rơm, bếp rạ | đã đi vào kí ức của Bằng Việt từ những ngày thơ bé, gợi ra những **gian khó thiếu thốn** |
| **Thành ngữ “*đói mòn, đói mỏi*”** cùng hình ảnh chân thực **“khô rạc ngựa gầy”** | đã thể hiện rõ những **khó khăn, thiếu thốn** của hai bà cháu.  - Cách dùng từ sáng tạo: không phải là *đói mòn mỏi* mà là *đói mòn đói mỏi* đã gợi **cái đói kéo dài đến mỏi mệt, tưởng chừng như không bao giờ hết**. Đó chính là bóng đen của nạn đói năm 1945, là hoàn cảnh chung của đất nước lúc bấy giờ.  => Những câu thơ trĩu xuống khiến lòng người nao nao nghẹn ngào khi nghĩ về kí ức đau thương ấy. |
| Nhưng **ấn tượng sâu đậm nhất vẫn là mùi khói bếp**. | **Từ “khói”** được nhắc lại ở câu thơ thứ tư gợi **ám ảnh** về một quãng thời gian khó khăn đã đi qua. |
| Cảm giác **“sống mũi còn cay**” | là cái **cay cay vì khói bếp** và cũng là cái **cay cay bởi nỗi xúc động** của người cháu như hòa quyện. |
| => Bằng việc gợi lại kỉ niệm tuổi thơ nhọc nhằn, tác giả thể hiện nỗi nhớ, tình yêu thương, kính trọng, lòng biết ơn của cháu đối với bà. | |

**b. Đó là kì niệm tám năm ròng kháng chiến cháu được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, cưu mang trọn vẹn của bà:**

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

*Mẹ cùng cha công tác bận không về,*

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.*

*Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,*

*Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Cụm từ **“tám năm ròng”** | **gợi quãng thời gian** kéo dài đằng đẵng cháu sống với bà khi không có cha mẹ ở bên. Cháu được ở bên bà, cùng bà nhóm lên bếp lửa ấm áp, thiêng liêng. |
| Trong hoàn cảnh đất nước kháng chiến, **“Mẹ cùng cha công tác bận không về**” nên chỉ có hai bà cháu cặm cụi bên nhau, cháu sống trong sự yêu thương, che chở của bà. | Trong dòng hồi tưởng, cháu nhớ biết bao **những kỉ niệm về bà:** Những buổi sớm mai hai bà cháu dậy sớm **nhóm lửa**; bên bếp lửa hồng, bà **kể chuyện**, bà **dạy cháu, chăm cháu học, bà thay cả công việc của cha và mẹ** không chỉ nuôi dưỡng cháu lớn khôn về mặt thể chất mà còn dạy dỗ cháu nên người |
| - BP **liệt kê** cùng 1 loạt những từ ngữ cùng **trường từ vựng**: “*bảo”, “dạy”, “chăm”* | diễn tả **tấm lòng đôn hậu, tình thương bao** **la và sự chăm chút chu đáo** của bà dành cho cháu. |
| - Cặp từ sóng đôi “**bà-cháu**” được nhắc đi nhắc lại 5 lần | như nhấn mạnh vào **tình cảm bà cháu quấn quít yêu thương,** gây ấn tượng đậm nét về hình ảnh bà, vai trò to lớn của bà trong cuộc sống, trong tâm hồn của cháu thuở thơ ấu. Bà là mạch nguồn nuôi dưỡng cháu cả về thể chất và tâm hồn. |
| - Cùng với bếp lửa, **hình ảnh bà** hiện lên rõ dần, toả sáng như ngọn lửa. | Đó là người bà **tần tảo, chắt chiu, giàu lòng yêu thương** cháu, là chỗ dựa tinh thần cho cháu. |
| Đón nhận tình yêu thương bao la của bà, **cháu rất trân trọng, yêu thương và biết ơn bà**.  *“Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”* | -Trong câu thơ, tiếng ***thương*** vang lên thật tha thiết, đó là tiếng lòng của người cháu xa quê nhớ về bà. |
| Trong kí ức tuổi thơ của cháu không chỉ có hình ảnh của bà, hình ảnh bếp lửa mà còn có âm thanh quen thuộc **của tiếng chim tu hú:** | - Âm thanh “tiếng chim tu hú” được nhắc đến 4 lần trong khổ thơ gợi ra biết bao điều:  +**Tiếng tu hú trên những cánh đồng xa** gợi không gian mênh mông, buồn vắng; gợi cuộc sống đơn côi của hai bà cháu.  **+Tiếng tu hú gọi những buổi sớm mai** khi bà cháu cùng nhóm lửa trong không gian vắng lặng mênh mông của làng quê  +**Tiếng tu hú gợi cháu nhớ những câu chuyện** của bà, những kí ức tuổi thơ  + **Tiếng tu hú tha thiết như giục giã, khắc khoải**  => Tiếng kêu tha thiết, khắc khoải lặp lại khiến lòng người trỗi dậy hoài niệm, nhớ mong.  - Âm thanh đó tạo nhịp điệu da diết, là điệp khúc tâm trạng của cháu khi nhớ về bà. |
| => Bằng việc gợi lại kỉ niệm tám năm ròng kháng chiến, tác giả thể hiện nỗi nhớ, tình yêu thương, kính trọng, lòng biết ơn của cháu đối với bà. | |

**c. Đó là kỉ niệm năm giặc đốt làng**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

*Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:*

*“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,*

*Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Trong những năm tháng chiến tranh khó khăn và ác liệt, **hình ảnh người bà** | càng hiện lên rõ nét, cụ thể với những phẩm chất cao quý |
| Cách nói “**cháy tàn cháy rụi**” | Gợi sự **hoang tàn của làng quê** trong khói lửa chiến tranh  => càng nhấn mạnh hơn sự **khó khăn và ác liệt** của chiến tranh |
| Câu thơ: “**Hàng xóm** **bốn bên trở về lầm lụi/ Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh”** | đã cho thấy tình làng nghĩa xóm bền chặt. Hoàn cảnh gian khó khiến những con người xích lại gần nhau và yêu thương nhau nhiều hơn. Họ đỡ đần nhau, đùm bọc nhau, cùng nhau vượt qua những ngày tháng gian lao, vất vả. |
| Dù túp lều tranh của hai bà cháu đã không còn bởi sự tàn phá của quân thù nhưng để cháu an lòng, để con yên tâm chiến đấu, **bà dặn cháu đinh ninh một điều**: “Cứ bảo nhà vẫn được bình yên” | - Lời dặn của bà nôm na, giản dị nhưng **chất chứa biết bao tình cảm, tấm lòng**. **Lời dặn ấy vẫn luôn thường trực trong tim người cháu**  - Gian khổ thiếu thốn, nhọc nhằn, bà nén lại trong lòng, một mình chịu đựng để vững dạ người nơi tiền tuyến. Qua đó ta thấy hiện lên **một người bà** **cần cù, nhẫn nại, có nghị lực vững vàng và giàu đức hi sinh**. |
| 🡪 Hình ảnh bà lúc này không còn là của riêng cháu nữa mà bà là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam với 6 chữ vàng: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang**”** | |

=> Những kỉ niệm trong dòng hồi tưởng ùa về luôn gắn với hình ảnh bà và bếp lửa. Qua đó, tác giả thể hiện nỗi nhớ, tình yêu thương, kính trọng, lòng biết ơn của cháu đối với bà.

**3. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa:**

Từ những kỉ niệm tuổi thơ được sống bên bà, nhận được sự yêu thương, chăm sóc của bà bên bếp lửa quê hương, người cháu suy ngẫm về cuộc đời bà và bếp lửa:

***a. Những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa:***

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Giữa tro tàn, giữa đau thương **bà lại nhóm lửa, bà vẫn nhóm lửa.** | Bếp lửa ân cần, ấm cúng, nhẫn nại của bà **tương phản với ngọn lửa hung tàn của quân thù** |
| Hình ảnh “**bếp lửa”** ở dòng thơ đầu | là **hình ảnh tả thực** về sự vật hữu hình, cụ thể, gần gũi và gắn liền với những gian khổ của đời bà. |
| Từ hình ảnh “***bếp lửa*” hữu hình**, tác giả liên tưởng đến **hình ảnh ẩn dụ** **“*ngọn lửa*” vô hình** “lòng bà luôn ủ sẵn” | + Bếp lửa bà nhen sớm sớm, chiều chiều không chỉ còn là bếp lửa thông thường được nhóm lên bằng nhiên liệu mà bếp lửa ấy đã được nhen lên bởi một **ngọn lửa bất diệt**: ngọn lửa của tình yêu thương luôn ủ sẵn trong lòng bà, ngọn lửa của niềm tin dai dẳng, ngọn lửa thắp sáng lên ý chí, nghị lực và một tình yêu cuộc sống, một niềm tin tương sáng về ngày mai bà truyền cho cháu.  + Khái quát hơn, đó là **ý chí, là nghị lực, là niềm tin của cả một dân tộc** trong thời kỳ lịch sử vô cùng khó khăn đó**, niềm tin về một ngày mai hoà bình, tươi sáng** và một tương lai tốt đẹp hơn đang chờ phía trước. |
| **Hình ảnh của bà** trong tâm hồn nhà thơ | không chỉ là người **thắp lửa** **giữ lửa mà còn là người truyền lửa.** Lửa ấy là lửa niềm tin, lửa sức sống truyền đến các thế hệ mai sau. |
| Các động từ **“nhen”, “ủ”, “chứa”** kết hợp với tính từ **“dai dẳng”** | đã khẳng định **ý chí, bản lĩnh** sống của bà |
| Điệp ngữ **“*một ngọn lửa*”** và kết cấu song hành | đã làm cho giọng thơ vang lên **mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào.** |
| => Thông qua những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa, tác gải đã khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương của bà hiện lên lấp lánh như một thứ ánh sáng diệu kì. | |

***b. Những suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ, của đứa cháu về người bà yêu kính, về bếp lửa trong mỗi gia đình Việt nam chúng ta.***

- Bà cần mẫn lo toan, chịu thương chịu khó, thức khuya dậy sớm vì bát cơm, manh áo của con cháu trong gia đình. Để rồi mỗi khi nhớ lại, cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật **đảo ngữ**: đưa từ láy “lận đận” lên đầu câu, kết hợp với cụm từ “đời bà”, “mấy chục năm rồi”, hình ảnh **ẩn dụ** “nắng mưa” | đã diễn tả một cách sâu sắc và trọn vẹn về cuộc đời đầy những **lận đận, gian nan, vất vả** của bà. Đồng thời thể hiện sự **thấu hiểu** một cách sâu sắc trong tình cảm của cháu. Cụm từ “mấy chục năm rồi” diễn tả dòng thời gian dài vô tận. Trong suốt quãng thời gian ấy, bà thức khuya dậy sớm, tần tảo, chắt chiu để nhóm lên bếp lửa gần gũi, yêu thương. |
| Phó từ “**vẫn”** | **khẳng định** thói quen không bao giờ thay đổi của bà “thói quen dậy sớm” để làm công việc nhóm lửa, nhóm lên niềm tin, tình yêu thương cho cháu. |
| => Tình thương yêu tác giả dành cho bà được thể hiện trong từng câu chữ. Tình cảm ấy giản dị, chân thành mà sâu nặng, thiết tha. | |

- Bà không chỉ nhóm lửa bằng đôi tay khẳng khiu, gầy guộc mà còn bằng tất cả tấm lòng đôn hậu đối với con cháu.

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Điệp từ “*nhóm****”*được nhắc lại 4 lần mang đến nhiều liên tưởng | - Bà đã làm công việc khởi đầu của một ngày: nhóm bếp lửa mỗi sớm mai và làm công việc khởi đầu của một đời, đó là bồi đắp tâm hồn, thắp lên những tình cảm cao quý.  - *“Nhóm bếp lửa”* là hình ảnh **tả thực** công việc nhóm bếp, nhóm lửa của bà: thắp lên ngọn lửa trong gian bếp để sưởi ấm, để nấu chín thức ăn....  - *“Nhóm nồi xôi gạo”,* “*nhóm niềm yêu thương”, “nhóm dậy cả những tâm tình”* là hình ảnh **ẩn dụ** về công việc thiêng liêng và cao quý của bà**:** bà truyền cho cháu **tình yêu thương ruột thịt, tình đoàn kết chia sẻ xóm làng** và đặc biệt hơn bà đã khơi dậy những tâm tình tuổi nhỏ, thức tỉnh trong tâm hồn cháu biết bao ước mơ và tình cảm tốt đẹp.  **=> bà là người giữ lửa, nhóm lửa, truyền lửa, người tạo nên tuổi thơ của cháu** |
| Chính từ đó mà, theo mạch suy ngẫm, nhà thơ đi lên khái quát rất tự nhiên và hợp lý: **“*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!*”**. | - Câu thơ chứa đựng **nhiều cảm xúc và suy ngẫm**  - Bếp lửa thân thuộc trong mỗi gia đình đã trở thành **kì lạ và thiêng liêng.**  **+ Kì lạ** vì bếp lửa được bà nhen lên không phải chỉ bằng nhiên liệu ở bên ngoài mà còn chính là được nhen nhóm lên từ ngọn lửa của lòng bà – ngọn lửa của sức sống, tình yêu thương, niềm tin  **+ Thiêng liêng** vì bếp lửa luôn hiện diện cùng hình ảnh người bà- người phụ nữ Việt Nam với vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại và đầy yêu thương  - Phép **đảo ngữ, câu cảm thán với từ “ôi” đặt ở đầu câu** bộc lộ sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng và vui sướng của cháu. |
| => Có thể nói, cảm xúc của nhà thơ như dâng trào khi suy ngẫm về bà và bếp lửa. Bếp lửa thật giản dị, bình thường và phổ biến trong mọi gia đình Việt Nam, nhưng bếp lửa cũng thật cao quý và thiêng liêng vì nó luôn gắn liền với bà - người giữ lửa, nhóm lửa, truyền lửa, người tạo nên tuổi thơ của cháu. Bếp lửa trở thành một mảnh tâm hồn, một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cháu.  **Khổ thơ như một sự tổng kết để ngợi ca, khẳng định về bà: bà là người phụ nữ tần tảo, giàu đức hi sinh, luôn chăm lo cho mọi người.** | |

**4. Nỗi nhớ thương bà và bếp lửa da diết, khôn nguôi:**

Khổ thơ thứ bảy bài thơ “Bếp lửa” của tác giả Bằng Việt đã thể hiện nỗi nhớ thương da diết, thường trực, khôn nguôi của cháu.

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu*

*Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở*

*- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Trước hết, **hai câu thơ đầu** | - cho thấy hoàn cảnh của cháu đã đổi thay, đứa cháu năm xưa nay đã khôn lớn trưởng thành  - Đặc biệt, dòng thơ đầu được ngắt thành hai câu để gợi sự chảy trôi của thời gian (từ 4 tuổi, 8 tuổi đến tuổi trưởng thành), gợi sự biến đổi của không gian (từ căn bếp của bà đến những khoảng trời rộng lớn với bao điều mới mẻ). |
| Tác giả sử dụng **điệp từ “**có”, “trăm” cùng với hình ảnh ẩn dụ, **liệt kê** **“ngọn khói”, “lửa trăm nhà**” với ý nghĩa khái quát | gợi sự **thay đổi về thời gian và không gian**. Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã khôn lớn, trưởng thành. Cháu được chắp cánh bay cao bay xa tới những khung trời rộng lớn, với những niềm vui rộng mở. |
| Cụm từ **“chẳng lúc nào quên”** | đã nhấn mạnh **nỗi nhớ thương da diết, khôn nguôi, thường trực** về bà, về bếp lửa.  - Nhớ về bà là cháu lại nhớ ngay đến hình ảnh bếp lửa, vì hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa. Từ đó, người đọc ngẫm ra một ý nghĩa triết lý: **những gì là thân thiết của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà cha mẹ từ những gì gần gũi bình dị nhất.** |
| **Câu hỏi tu từ** khép lại bài thơ | đã tạo ra một **kết thúc mở với nỗi nhớ khôn nguôi, với niềm hoài vọng thiết tha, đau đáu.** |
| => Khổ thơ chứa đựng **đạo lí thủy chung, cao đẹp bao đời của người Việt: “uống nước nhớ nguồn”.** Đạo lí ấy được nuôi dưỡng ở mỗi tâm hồn con người từ ấu thơ, để rồi như chắp cánh cho mỗi người bay cao, bay xa trên hành trình cuộc đời. | |

**Đánh giá:** Với sự kết hợp hài hòa của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, miêu tả, bình luận, hình ảnh thơ đẹp, chất thơ trong trẻo, trẻ trung… qua dòng hồi tưởng của người cháu đã trưởng thành, nhớ lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và bếp lửa, nhà thơ đã bộc lộ những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đối với gia đình, quê hương, đất nước.

**BÀI 5: SANG THU**

***Hữu Thỉnh***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - **Hữu Thỉnh**  - Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu thuộc lớp **nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.**  + Trong giai đoạn chống Mĩ cứu nước, bao trùm trong toàn bộ sáng tác của Hữu Thỉnh là cảm hứng về quê hương, đất nước, nhân dân.  + Sau chiến tranh, ngòi bút của ông hướng về những cảm xúc đời thường hay những thân phận cá nhân.  - ***Phong cách sáng tác***: cảm xúc tinh tế, lãng mạn; hình ảnh giản dị mà giàu sức gợi cảm. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | **Năm 1977**, đất nước đang sống trong những mùa thu đầu tiên trong hòa bình, nhà thơ cũng là người lính vừa trở về từ chiến trường, **đang tham gia trại viết văn quân đội ở ngoại thành Hà Nội**.  \* In trong tập “**Từ chiến hào đến thành phố”, 1991** |
| ***Xuất xứ*** | Trong tập thơ “*Từ chiến hào đến thành phố*”, xuất bản năm 1991. |
| ***Thể loại*** | Thơ 5 chữ |
| ***Mạch cảm xúc*** | “***Sang thu***” là 1 bức thông điệp lúc giao mùa.  - *Bắt đầu*: mạch cảm xúc bắt đầu từ **sự phát hiện những tín hiệu báo thu về trong không gian gần và hẹp.**  - *Phát triển:* Tiếp đến là **những cảm nhận tinh tế về biến chuyển trong không gian cao và rộng của thiên nhiên đất trời** lúc sang thu.  - *Lắng đọng:* Cuối bài là **những suy tư, chiêm nghiệm về đời người lúc sang thu của nhà thơ**. |
| ***Bố cục*** | \* **Bố cục**: 3 phần:  - Khổ 1: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về trong không gian gần và hẹp.  - Khổ 2: Cảm nhận về quang cảnh đất trời dần sang thu ở không gian rộng mở.  - Khổ 3: Cảm nhận những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về đời người lúc chớm thu. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - **Nhận xét chung**: “Sang thu” là một nhan đề có ý nghĩa sâu sắc thể hiện được tư tưởng và chủ đề của tác phẩm. **Nhan đề có cấu trúc là phép đảo ngữ,** tác giả đảo động từ “sang” lên trước danh từ chỉ mùa “thu”.  - **Phân tích:**  + nhan đề cho thấy rõ **mạch vận động, bước chuyển mình nhẹ nhàng của thời gian, thiên nhiên, đất trời,** lúc giao mùa từ cuối hạ sang đầu thu.  + **Gợi khoảnh khắc chuyển giao giữa tuổi trẻ sang độ tuổi trưởng thành vững vàng, từng trải.**  **- Đánh giá:** Nhan đề góp phần bộc lộ chủ đề của tác phẩm **thể hiện những cảm xúc, những rung động tâm hồn trước cảnh vật thiên nhiên trong những ngày cuối hạ đầu thu.** |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ thể hiện **những cảm xúc, những rung động tâm hồn trước cảnh vật thiên nhiên trong những ngày cuối hạ đầu thu.** |
| ***Giá trị nội dung*** | - Là sự **cảm nhận tinh tế về vẻ đẹp thiên nhiên của bước chuyển mùa từ hạ sang thu.** Đồng thời nói lên **sự xúc động của lòng người** trong khoảnh khắc giao mùa. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | * Bài thơ **giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, cảm xúc tinh tế, sâu lắng**, kết hợp tấm lòng chân thành của nhà thơ tạo nên sức cuốn hút cho tác phẩm. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Những tín hiệu giao mùa**

**CCĐ:** *Những tín hiệu đầu tiên của mùa thu đã được thể hiện tinh tế ở khổ 1 bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh*.

- "Sang thu" là một khoảnh khắc rất đặc biệt của thiên nhiên. Đó là lúc hạ vẫn chưa kịp đi mà hương thu đã lặng lẽ đến rồi.

- Trước sự thay đổi ấy, hẳn phải là một hồn tinh tế và giàu cảm xúc lắm thì nhà thơ mới cảm nhận được:

"*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về"*

Nếu trong “Đây mùa thu tới”, Xuân Diệu cảm nhận thu sang là rặng liễu buồn ven hồ “*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang*” thì nhà thơ Hữu Thỉnh đã lựa chọn một hình ảnh quen thuộc, gần gũi để làm nên một tứ thơ mới mẻ khi ông sử dụng một làn "**hương ổi" để làm tín hiệu giao mùa**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Hương ổi** | -Là **mùi hương đặc trưng lúc chớm thu** được lan tỏa ra từ những vườn cây trái xum xuê.  - Đồng thời gợi cho ta liên tưởng đến **không gian thân thuộc của những làng quê**. Đó có thể là một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ với những khu vườn, những lối ngõ xum xuê cây trái.   * Làn " hương ổi" trở thành phong vị riêng trong thơ thu Hữu Thỉnh. |
| "Hương ổi" đi liền với từ "**bỗng" được đặt ở đầu câu thơ** | đã diễn tả **cảm giác bất ngờ, đột ngột, ngỡ ngàng** của nhân vật trữ tình. |
| động từ mạnh "**phả" chứ không phải  lan, tỏa, bay** | * diễn tả **hương thơm ngào ngạt, sánh lại và như xộc vào trong gió,** được gió đưa đi đánh thức cả một không gian làng quê yên bình. |
| "Gió se" | * là ngọn gió **heo may đặc trưng của mùa thu đất Bắc**. Đó là một thứ gió khô và thoáng chút se lạnh. * Làn "gió se" ấy đã làm dịu đi cái nắng oi ả, gay gắt của mùa hạ và **khiến cho làn "hương ổi" như sánh lại** và trở nên ngọt ngào hơn. |
| =>Hương ổi ấy, cơn gió đầu mùa se lạnh ấy là **sứ giả của mùa thu.** Nó đến khẽ khàng, “khẽ” đến mức chỉ một chút vô tình thôi không ai hay biết được.  Nếu 2 câu thơ đầu diễn tả cái cảm giác chưa đủ tin thì đến hình ảnh “*sương chùng chình qua ngõ*” càng lung linh huyền ảo. | |
| **Sương** | Giăng mắc khắp làng xóm là **những làn sương mỏng, mờ ảo chuyển động chậm chậm, nhẹ nhàng**. Nó làm cho hơi thu mát mẻ và cảnh thu mơ mộng, huyền ảo. |
| Nghệ thuật **nhân hóa** qua từ láy "chùng chình" | đã gợi lên dáng vẻ **lãng đãng như đợi chờ, cố ý chậm lại** đầy lưu luyến của màn sương trước khoảnh khắc giao mùa. |
| Hình ảnh “**ngõ**” vừa mang nghĩa thực vừa mang nghĩa ẩn dụ | * Gợi đến **những đường làng, ngõ xóm**. * Hay cũng là **cửa ngõ của thời gian thông giữa hai mùa (cuối hạ, đầu thu).** |
| Còn thanh phần biệt lập tình thái "**hình như**" | là một lối nói **giả định, phán đoán không chắc chắn, với một chút nghi hoặc**. Nhưng lại rất phù hợp để diễn tả về cảm nhận mơ hồ lúc giao mùa. |
| Sự kết hợp một loạt các từ **"bỗng" , "phả" , "hình như"** | đã thể hiện tâm trạng **những cung bậc cảm xúc của tác giả khi thu sang.**  + **ngạc nhiên, ngỡ ngàng, xao động** khi bất chợt nhận ra hương ổi chín.  + **Dễ chịu, lâng lâng** khi cảm nhận được làn gió heo may se lạnh.  + **Giật mình bối rồi** khi thu về.  + **Bâng khuâng, xao xuyến, lưu luyến trong tâm hồn** khi nhận ra bước chuyển mình của thời gian. |
| => Khi nhận ra những tín hiệu của thu sang, nhà thơ chưa tin là thu đã về. Đó là cảm xúc mong manh, mơ hồ của thi sĩ và cũng là những cảm nhận tinh tế của tác giả lúc thu sang. | |

**Câu kết: *N****hư vậy, khổ 1 bài thơ “sang thu” của Hữu Thỉnh đã diễn tả cảm xúc ngỡ ngàng, bâng khuâng của tác giả khi đón nhận sứ giả đầu tiên của mùa thu.*

**2. Cảm nhận về quang cảnh đất trời dần sang thu ở không gian rộng mở.**

**CCĐ: *Sự chuyển biến nhẹ nhàng của đất trời sang thu được tác giả Hữu Thỉnh cảm nhận thật tinh tế qua khổ 2 của bài thơ “Sang thu”.***

- Cái bỡ ngỡ ban đầu tan biến đi nhường chỗ cho sự rung cảm mãnh liệt trước mùa thu. Nếu như ở khổ 1, bài sang thu của Hữu Thỉnh, tín hiệu thu sang mới chỉ là những gì vô hình, mờ ảo thì sang khổ 2, những dấu hiệu của mùa thu đã rõ nét và hữu hình hơn.

- Bức tranh sang thu được Hữu Thỉnh miêu tả ở tầm nhìn cao hơn, xa rộng hơn đó là **không gian bầu trời, dòng sông**.

***a) Quang cảnh thiên nhiên được tái hiện chân thực và sống động qua việc lựa chọn những hình ảnh đặc trưng:***

" Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hai câu thơ đầu có **cấu trúc đối “*sông dềnh dàng”, “chim vội vã*” tự nhiên, chặt chẽ** | đã diễn tả vẻ đẹp thiên nhiên và lòng người phút giao mùa. |
| Hình ảnh "dòng sông" được **nhân hóa qua từ láy** "dềnh dàng" : | * **Tả thực** một dòng sông tĩnh lặng, trong trẻo với dòng chảy êm đềm. * Con sông được nhân hóa như **đang được nghỉ ngơi sau một mùa hạ vất vả với bão giông.** * Hơn nữa, từ “dềnh dàng” còn **mang đầy tâm trạng của con người đang chậm lại, trễ nải như ngẫm ngợi nghĩ suy** về trải nghiệm về cuộc đời. |
| Từ "**được lúc"** | Diễn tả trạng thái **hết sức thong thả, khoan thai của dòng sông** lúc đầu thu khi mùa mưa lũ đi qua. |
| ở câu thơ tiếp theo, không gian được nhà thơ **bắc cầu từ mặt đất lên bầu trời**. | |
| Hình ảnh những chú "chim" được **nhân hóa qua từ láy "vội vã" :** | - **Tả thực** những cánh chim không nhởn nhơ , rong chơi ngoài cánh đồng nữa mà vội vã di cư về phương Nam để tránh rét.  - Những cánh chim được nhân hóa như **bắt đầu nhanh hơn, gấp gáp** hơn khi nhận ra những đợt gió heo may se lạnh đang ùa về. |
| từ **"bắt đầu**" | - Phải tinh tế lắm nhà thơ mới có thể cảm nhận được cái “vội vã” mới “bắt đầu” trong nhip cánh. **Vậy là khoảnh khắc giao mùa sang thu đã rõ rệt hơn.**  - Phải chăng đó cũng là sự “**vội vã”, hối hả, khẩn trương để hoàn thành bao công việc còn dang dở** khi con người bắt đầu bước sang mùa thu của cuộc đời. |
| Nghệ thuật **đối** được tác giả sử dụng một cách nhịp nhàng, tài tình qua hình ảnh " **dềnh dàng" >< "vội vã".** | - Làm **nổi bật hai động thái trái ngược của thiên nhiên** trong khoảnh khắc giao mùa.  🡪Làm nổi rõ **những xao động của tâm hồn con người** trước khoảnh khắc giao mùa. |

***b) Quang cảnh thiên nhiên tiếp tục tái hiện qua những sáng tạo vô cùng độc đáo, ấn tượng:***

Đất trời mùa thu như đang “rung mình” để thay áo mới. Cả bầu trời cũng như có sự thay đổi:

*" Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật **nhân hóa** hình ảnh đám mây qua **cụm từ có ý nghĩa tượng hình “ vắt nửa mình”** | - Gợi lên **không gian của một bầu trời cao rộng, trong trẻo** lúc thu về.  - Khiến cho **đám mây như có hình, có hồn và trở nên gần gũi, sinh động**. Cách sử dụng từ “mình” khiến cho câu thơ thêm ý vị, nhẹ nhàng, duyên dáng. Đám mây như dải lụa mềm mại, bồng bềnh vắt ngang bầu trời mùa thu.  - Hơn nữa, hình ảnh còn gợi **liên tưởng đến bước đi của thời gian, đám mây như một cây cầu đặc biệt để nối liền những ngày cuối hạ và đầu thu**. Dường như hạ chưa qua hẳn còn thu chưa thực sự tới.  - Đám mây như **một bản lề** khép lại bức tranh mùa hạ mở ra bức tranh mùa thu.  -> Cái tài hoa của nhà thơ là ở chỗ đã lấy **không gian để miêu tả thời gian, lấy cái hữu hình để miêu tả cái vô hình.**  - Mở rộng: Hai câu thơ giống như một bức tranh thu vĩnh hằng tạc bằng ngôn ngữ, góp phần làm phong phú hơn kho tàng những câu thơ mẫu mực về trời thu  “*tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*” hay “*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”.* |
| Hình ảnh "đám mây" còn mang **ý nghĩa thế sự** : | gợi **sự giao thời của đời sống** khi đất nước đang chuyển giao từ chiến tranh sang hòa bình. |
| Khoảnh khắc giao mùa được tái hiện rất tinh tế, sống động bằng những câu thơ giàu giá trị tạo hình. Và ẩn sâu khoảnh khắc đó còn là hình ảnh của đời sống lúc sang thu với biết bao biến chuyển.   * Qua cách cảm nhận ấy, ta thấy Hữu Thỉnh có một hồn thơ nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết, một trí tưởng tượng bay bổng, sâu sắc. | |

**Câu kết:** *Như vậy, ở khổ 2, hạ đã nhạt dần, thu đậm nét hơn, phép nhân hóa khiến cảnh vật và lòng người đang bước vào mùa thu và dường như còn quyến luyến mùa hạ.*

**3. Những suy ngẫm về đời người lúc chớm thu**

**CCĐ:** *Những biến chuyển của tạo vật và suy ngẫm của đời người lúc chớm thu đã được Hữu Thỉnh diễn tả thật tinh tế qua khổ thơ kết thúc bài “Sang thu*”:

*“Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

Nếu ở hai câu thơ đầu của bài thơ, dấu hiệu mùa thu đã tương đối rõ ràng trong không gian và thời gian, sang khổ cuối vẫn theo dòng cảm xúc ấy, tác giả bộc lộ suy ngẫm của mình về con người, về cuộc đời.

***a) Những biến chuyển của thiên nhiên:***

*" Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh "**nắng**" và "**mưa**" | là những **hiện tượng của thiên nhiên**, vận hành theo quy luật và có thể dự báo.  Tác giả đã nhìn ra từ cái nắng mưa hàng ngày một sự hụt vơi- dấu hiệu của sự chuyển mùa từ hạ sang thu. |
| Những **từ ngữ chỉ mức độ, ước lượng:** "vẫn còn" ,"bao nhiêu" , "vơi" , "bớt" | được **sắp xếp theo trình tự giảm dần**, cho thấy **dấu hiệu của mùa hạ đang nhạt dần** và những **dấu hiệu của mùa thu ngày một đậm nét hơn.**  + Nắng vẫn còn vàng tươi nhưng nắng thu đã trong và dịu hơn cái nắng chói chang, gay gắt của mùa hạ.  + Mưa cũng vẫn còn nhưng đã vơi nhiều so với những cơn mưa bong bóng kéo dài. “Vơi dần” không chỉ là ít mưa đi mà còn là mưa ít nước đi. |
| **Nghệ thuật đối** qua hình ảnh "vẫn còn" >< "vơi dần" ; "nắng" >< "mưa" | đã tái hiện **sự vận động trái chiều** của hai hiện tượng thiên nhiên. |
| * Tác giả đã làm **hiện hình bước chân của mùa thu** giữa đất trời. Hạ nhạt dần, thu đậm nét hơn * Phải chú ý, phải để lòng mình bắt nhịp với thiên nhiên mới cảm nhận được điều đó. | |

***b) Đối diện với mùa thu của đất trời, trong lòng nhà thơ dào dạt bao suy ngẫm về đời người lúc chớm thu qua những hình ảnh giàu sức gợi :***

" Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Hai câu thơ cuối vừa mang nghĩa thực vừa mang nghĩa ẩn dụ.** | |
| "sấm": | - Là một hiện tượng, **dấu hiệu cho những cơn mưa rào** mùa hạ. |
| Nghệ thuật **nhân hóa** “Hàng cây đứng tuổi” | Phải chăng là hàng cổ thụ đã bao mùa thay lá, đã đi qua bao cuộc chuyển mùa nên có thể điềm nhiên đứng trước những biến động. |
| - Hai câu thơ **tả thực về một hiện tượng**, đó là sang thu, tiếng sấm như nhỏ dần,không còn đủ sức làm lay động những hàng cây đã qua bao mùa thay lá.  🡪 Cảnh vật, thời tiết đã thay đổi. Tất cả vẫn còn nhiều dấu hiệu của mùa hè | |
| Hai câu cuối bài thơ không chỉ mang nghĩa thực mà còn **mang nghĩa ẩn dụ, gợi những suy nghĩ cho người đọc, người nghe.** | |
| “Sấm” | - Ẩn dụ cho **những biến động, bất thường**, **thử thách** trong cuộc đời của mỗi một con người. |
| “Hàng cây đứng tuổi” | - Là một ẩn dụ về **những con người từng trải**,chín chắn, điềm tĩnh. |
| Hình ảnh "sấm" đi liền với lối miêu tả "bớt bất ngờ" và "hàng cây đứng tuổi" đầy ý nghĩa. | * Phải chăng, mùa thu đời người là **sự khép lại những tháng ngày sôi nổi** với những bất thường của tuổi trẻ và **mở ra một mùa thu mới, một không gian mới,** yên tĩnh, trầm lắng, bình tâm, chín chắn…. trước những chấn động của cuộc đời. |
| * Đặt trong hoàn cảnh ra đời bài thơ, ta có thể hiểu “sấm” là những **khó khăn thử thách** mà dân tộc Việt Nam đã trải qua hai cuộc kháng chiến ác liệt chống Pháp và Mỹ. Hàng cây đứng tuổi là hình ảnh của đất nước dân tộc ta vững vàng vượt qua thử thách, vững vàng vượt lên phía trước. | |
| => Khổ thơ đã bộc lộ trọn vẹn những khoảnh khắc thiên nhiên và đời người sang thu, với những cảm nhận tinh tế và suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ. | |
| **Tính triêt lý của bài thơ:**  - Từ những cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước những biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa, nhà **thơ gửi gắm thông điệp về đời người và đất nước**:  **- Những người khi đã trải qua những thăng trầm trong cuộc đời** sẽ không còn cảm thấy bất ngờ trước những tai ương gặp phải trong cuộc sống nữa.  - Bên cạnh đó, “hàng cây đứng tuổi” ở đây phải chăng còn là hình ảnh của đất nước Việt Nam, **một đất nước trải qua nhiều mưa bom bão đạn khốc liệt của chiến tranh**, đã hi sinh biết bao xương máu. Đất nước ấy sẽ đững vững, không có gì có thể lay chuyển nổi bản lĩnh dân tộc.  🡪 Như vậy, từ những hình ảnh thiên nhiên, tác giả đã liên tưởng tới đất nước, con người với những ý nghĩ sâu xa biết bao. | |

**Câu kết:** Như vậy, khổ thơ cuối không chỉ tả cảnh sang thu mà đã chất chứa suy ngẫm của tác giả về đời người, về đất nước lúc sang thu.

**BÀI 6: VIẾNG LĂNG BÁC**

***Viễn Phương***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tên khai sinh là **Phan Thanh Viễn**, sinh năm 1928, quê ở tỉnh An Giang.  - Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông hoạt động ở Nam Bộ, là một trong những **cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mỹ cứu nước.**  **- Phong cách sáng tác:** Thơ Viễn Phương tập trung khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của nhân dân, đất nước trong công cuộc chiến đấu trường kì, gian khổ của dân tộc. Thơ ông mang cảm xúc sâu lắng, thiết tha; giọng thơ nhỏ nhẹ, trong sáng; ngôn ngữ đậm chất dân tộc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | **-** Bài thơ viết **tháng 4 năm 1976**, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, lăng chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành. Khi đó, tác giả cùng những đồng bào chiến sĩ ưu tú của miền Nam **ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ.**  **\* Xuất xứ:** Bài thơ in trong tập "**Như mây mùa xuân” (1978).** |
| ***Thể thơ*** | Thơ 8 chữ |
| ***Bố cục*** | 4 phần  - Khổ 1: Cảm xúc của tác giả khi đến lăng  - Khổ 2: Cảm xúc khi đứng trước lăng  - Khổ 3: Cảm xúc khi vào lăng, nhìn thấy di hài Bác.  - Khổ 4: Những tình cảm, cảm xúc trước lúc ra về. |
| ***Mạch cảm xúc*** | Mạch cảm xúc đi theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác, từ khi đứng trước lăng đến khi bước vào lăng và trở ra về.  **- Mở đầu** là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước.  **- Tiếp đó** là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh.  **- Cuối cùng** là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tấm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác |
| **Cảm hứng bao trùm** | Cảm hứng bao trùm bài thơlà **niềm xúc động thiêng liêng thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau** khi tác giả từ miền Nam ra viếng lăng Bác. **Cảm hứng ấy đã chi phối giọng điệu của bài thơ.** Đó là giọng thành kính, trang nghiêm phù hợp với không khí thiêng liêng ở lăng, nơi vị lãnh tụ yên nghỉ. Cùng với giọng suy tư, trầm lắng là nỗi đau xót lẫn niềm tự hào. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan đề bài thơ chỉ có 3 chữ **ngắn gọn, đơn giản.**  - Nhan đề bài thơ không chỉ là một **lời thông báo** về việc nhân vật trữ tình hay chính là tác giả ra Hà Nội, đến với lăng Bác để bày tỏ lòng mình, mà trong đó còn là **tình cảm sâu nặng**, là tấm lòng hướng về vị Cha già dân tộc của tác giả nói riêng, của những người dân miền Nam nói chung. Ở câu thơ đầu tiên, Viễn Phương lại **không dùng từ “viếng” như ở nhan đề mà lại là từ “thăm**” – hành động hỏi thăm, trò chuyện, gặp gỡ người còn sống. Kết hợp hai cách dùng từ này lại, ta có thể hiểu được rằng, **nhan đề bài thơ không chỉ chan chứa tình cảm biết ơn, trân trọng, kính cẩn** của người dân miền Nam với vị lãnh tụ của dân tộc, mà còn mang theo một **lời khẳng định chắc nịch** rằng: Dù Người đã đi xa, nhưng trong trái tim, trong lòng người dân miền Nam nói riêng, con dân Việt Nam nói chung, Người vẫn sống mãi, vẫn mãi luôn như ngày nào.  => **Nhan đề góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm**: **Ca ngợi** **hình ảnh lớn lao, vĩ đại của** Bác; đồng thời **thể hiện tấm lòng** **thành kính, xót thương, biết ơn vô hạn** của nhà thơ cũng như của nhân dân đối với vị lãnh tụ- người cha già kính yêu của dân tộc. |
| ***PTBĐ*** | Biểu cảm |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi hình ảnh lớn lao, vĩ đại của Bác, thể hiện thể hiện tấm lòng thành kính, xót thương, biết ơn vô hạn của nhà thơ cũng như của nhân dân đối với vị lãnh tụ- người cha già kính yêu của dân tộc. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Bài thơ có **giọng điệ**u trang trọng và tha thiết, nhiều **hình ảnh ẩn dụ** đẹp và gợi cảm, **ngôn ngữ** bình dị mà cô đúc. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Khổ 1: Cảm xúc ban đầu của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác**

Cảm xúc trước không gian, cảnh vật bên ngoài lăng đã được thể hiện thật chân thành, xúc động ở khổ 1 bài thơ “Viếng lăng Bác”

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác  
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát  
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam  
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Câu thơ đầu**: *“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”* | **giản dị như một lời thông báo** nhưng vẫn chứa đựng biết bao tình cảm thân thương |
| Cụm từ **“Ở miền Nam”** | **nhấn mạn**h chúng con vừa từ chiến trường xa xôi, sau bao mong nhớ, cách chia, nay mới có dịp ra thăm người. “**Miền Nam”** cũng gợi không gian xa cách nghìn trùng, đó là mảnh đất có vị trí đặc biệt trong tim Bác:  *Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà*  *Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha*  (Bác ơi – Tố Hữu) |
| Tác giả sử dụng đại từ nhân xưng "**Con - Bác":** | **vừa thể hiện tình cảm tôn kính, thiêng liêng vừa gợi sự gần gũi, ấm áp, thân thương như tình cảm ruột thịt**.  + Đó là lối nói, lối xưng hô quen thuộc của người miền Nam để gợi sự gần gũi, thân thiết.  + Gợi một liên tưởng đó là Viễn Phương như một đứa con xa nay mới được trở về bên vị cha già của dân tộc. |
| Nhà thơ đã dùng từ **“thăm” thay cho “viếng”.** Đây là **cách nói giảm nói tránh** | để **giảm bớt nỗi đau thương, mất má**t của những đứa con miền Nam xa xôi đồng thời **khẳng định Bác còn sống mãi** trong trái tim của nhà thơ và nhân dân. |
| **Ấn tượng đầu tiên** và **đậm nét** khi đứng trước cảnh vật bên ngoài lăng | là hình ảnh **hàng tre**. Có lẽ do nóng lòng, nhà thơ đến đây từ rất sớm và **trong làn sương** sớm đó, ông đã bắt gặp một hình ảnh rất đỗi thân thương của quê hương Việt Nam:  *“Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*  *Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam”* |
| **Cây tre hiện lên với những nét tả thực** | trong **vóc dáng, sắc màu**: thẳng hàng, xanh xanh |
| **Tre còn là hình ảnh ẩn dụ** | biểu tượng cho **sức sống bền bỉ, kiên cường** và những **phẩm chất tốt đẹp** của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Đó là sự giản dị, mộc mạc, thanh cao; là tinh thần đoàn kết, anh hùng, bất khuất, giàu đức hi sinh...**Thành ngữ “bão táp mưa sa”** ẩn dụ cho những khó khăn, gian khổ, đau thương mất mát mà con người và dân tộc Việt Nam phải trải qua  - Hàng tre ở đây phải chăng cũng chính là **hình ảnh cây cối,** mang dáng màu, đất nước từ bốn phương quần tụ về đây tỏa sắc hương dâng Bác. Hàng tre **đứng thẳng hàng** cũng như những người chiến sĩ đang đứng canh giấc ngủ cho Người. Cách miêu tả “đứng thẳng hàng” còn gợi liên tưởng đến những phẩm chất kiên cường, đoàn kết của người VN. Nếu như trong mưa gió của thiên nhiên, cây tre vẫn vươn lên thẳng hàng, xanh tốt thì trải qua bao gian lao, thử thách, dân tộc Việt Nam vẫn kiên cường chiến đấu và chiến thắng. |
| **Thán từ “ôi”** | đã biểu lộ **niềm xúc động** của tác giả trước hình ảnh hàng tre |
| => Như vậy, khổ thơ thứ nhất vừa thể hiện ấn tượng của tác giả về hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác, vừa mang bao sự xúc động, bồi hồi khi Viễn Phương được đặt chân ra “Viếng lăng Bác”. | |

**2. Khổ 2: Cảm xúc khi đứng trước lăng và chứng kiến dòng người vào lăng**

Cảm xúc của tác giả Viễn Phương khi đứng trước lăng Bác đã được thể hiện thật chân thành, xúc động ở khổ 2 của bài thơ “Viếng lăng Bác”

*"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

Đây là khổ thơ đặc biệt bởi nó được xây dựng với hai cặp câu và mỗi cặp câu đều có một hình ảnh thực sóng đôi với một hình ảnh ẩn dụ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **a. Ở cặp câu thứ nhất:**  “*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*  *Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*  Tác giả đã xây dựng một cặp hình ảnh sóng đôi vô cùng đặc sắc: **mặt trời tự nhiên - mặt trời trong lăng** | |
| **Mặt trời thứ nhất là hình ảnh thực.** | Đó là **mặt trời của tự nhiên, vĩnh cửu, bất tử, đem lại sự sống cho muôn loài.** Mặt trời của tự nhiên được nhân hóa với hai hành động “đi qua” và “thấy”. Nó thấy một mặt trời rất đỏ ở trong lăng. |
| **Mặt trời thứ hai là hình ảnh ẩn dụ** | **chỉ Bác Hồ** - Mặt trời của dân tộc. Nếu mặt trời của thiên nhiên bằng ánh sáng của mình đem lại sự sống cho muôn loài thì Bác, bằng ánh sáng của chân lí, cách mạng đã soi đường chỉ lối cho dân tộc, đem đến tương lai bình yên, hạnh phúc ấm no cho nhân dân Việt Nam.  - Dùng hình ảnh mặt trời để nói về Bác đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu, như trong bài “Sáng tháng năm”, nhà thơ Tố Hữu từng viết:  Người rực rỡ một mặt trời cách mạng  Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng  Tuy nhiên, cách viết **“*thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”* của Viễn Phương lại vô cùng độc đáo và sáng tạo**. Nó vừa gợi được **nhiệt huyết cách mạng**, vừa gợi trái tim tràn ngập **tình yêu thương** với nhân dân, với đất nước của Bác. |
| Từ “**ngày ngày”** | đứng ở đầu câu vừa diễn tả sự **liên tục bất biến** của tự nhiên vừa góp phần **bất tử hóa** hình ảnh Bác Hồ trong lòng mọi người.  🡪 Đặt hai mặt trời sóng đôi là một **sáng tạo của Viễn Phương**. Nó vừa **ngợi ca** sự vĩ đại, trường tồn của Bác, vừa **thể hiện tấm lòng** tôn kính, tự hào, biết ơn của nhân dân đối với Bác |
| **b. Ở cặp thứ hai:**  *“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*  *Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*.  Hòa cùng dòng người vào lăng Bác, Viễn Phương đã viết nên những **vần thơ đầy xúc động** | |
| Hình ảnh thực dòng người vào lăng viếng Bác đã được Viễn Phương diễn tả đặc biệt sáng tạo: **“dòng người đi trong thương nhớ”.** | Nỗi nhớ thương vốn chỉ có trong lòng người nhưng qua cách nói đây sáng tạo này nó như **bao trùm không gian, cảnh vật và kéo dài cho tới vô tận.** |
| Từ “**ngày ngày”** | đứng ở đầu câu diễn tả **dòng thời gian vô tận**, từ ngày này sang ngày khác, biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn, thành kính vào lăng viếng Bác |
| **Hình ảnh “tràng hoa**” có thể hiểu theo **nghĩa thực và nghĩa ẩn dụ** | **- Về nghĩa thực:** Tràng hoa là những bông hoa tươi thắm được kết thành vòng để những người con từ mọi miền về thăm dâng lên Bác, bày tỏ tấm lòng nhớ thương, yêu kính của mình.  **- Tràng hoa còn là một hình ảnh ẩn dụ độc đáo.** Dòng người vào lăng viếng Bác rồi trở ra tạo thành một vòng tròn gợi liên tưởng đến tràng hoa để viếng người đã mất còn tràng hoa được gắn với thành quả, vinh quang. Ý thơ thật sâu sắc. Dưới ánh sáng cách mạng của Bác, mỗi người dân Việt đều “*Rũ bùn đứng dậy sáng lòa*” (Nguyễn Đình Thi) và cuộc đời họ như nở hoa. Hôm nay chúng con tới đây với tất cả tấm lòng ngưỡng mộ, thành kính, biết ơn, kính dâng lên người hương sắc cuộc đời mình, dâng lên người những gì tốt đẹp nhất. |
| **Hình ảnh ẩn dụ “**bảy mươi chín mùa xuân” | là một hình ảnh thật đẹp và sáng tạo. Bác đã sống một cuộc đời đẹp như mùa xuân bởi người đã mang đến mùa xuân cho dân tộc, đất nước. Qua cách nói này, Viễn Phương còn muốn thể hiện tấm lòng thành kính của nhân dân đối với Bác. |
| => Như vậy, với nhịp thơ chậm, giọng thơ trầm, câu thơ trải dài 8-9 tiếng với những từ ngữ cấu trúc được lặp lại, vừa diễn tả không khí thiêng liêng trong lăng vừa gợi những bước đi chầm chậm của dòng người vào lăng viếng Bác với tất cả tấm lòng thành kính thiết tha. Đây là những vần thơ đẹp được viết nên từ sự thăng hoa cảm xúc, sự xúc động dạt dào của trái tim. | |

**3. Khổ 3: Cảm xúc khi vào trong lăng, đứng trước thi hài Bác**

Cảm xúc của tác giả Viễn Phương khi vào trong lăng, đứng trước di hài của Bác đã được thể hiện thật chân thành, xúc động ở khổ 3 của bài thơ “Viếng lăng Bác”.

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên  
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền  
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi  
Mà sao nghe nhói ở trong tim!*

Bao tình cảm ấp ủ, dồn nén bấy lâu, nay được gặp bóng dáng thương yêu của Người, trong lòng nhà thơ trào dâng bao cảm xúc mãnh liệt.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **a. Hai câu đầu:**  Hình ảnh Bác nằm trong lăng được diễn tả thật xúc động qua hai câu thơ:  *“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*  *Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”* | |
| Nhà thơ viết “Bác nằm trong giấc ngủ bình yên” là cách **nói giảm nói tránh** | để ngầm khẳng định **Bác vẫn đang sống cùng ta**. Người chỉ đang ngủ thôi, như nhà thơ Hai Như từng viết *“Suốt cuộc đời Bác có ngủ ngon đâu/ Nay Bác ngủ, chúng con canh giấc ngủ”* |
| **Giấc ngủ Bác thật đẹp,** ngủ giữa vầng trăng - một vầng trăng sáng dịu hiền. | **Câu thơ gợi nhiều liên tưởng sâu xa**.  - Ánh trăng gợi liên tưởng tới **ánh sáng dịu nhẹ thanh tĩnh ở trong lăng.**  - Đó còn là **ánh sáng của tình thương mến, nâng niu**. Giấc ngủ của Bác thật bình yên bởi người đang ngủ giữa tình yêu thương của toàn dân tộc.  - Vầng trăng sáng dịu hiền còn là một **ẩn dụ gợi vẻ đẹp tâm hồn thanh bạch, sáng trong của Người**. Cùng với hình ảnh Mặt trời, hình ảnh mặt trăng đã hoàn thiện chân dung Hồ Chí Minh vừa chói lòa, rực rỡ, vĩ đại vừa thanh cao, hiền hòa, giản dị  - Vầng trăng bên người trong giấc ngủ còn gợi ta nhớ đến **người bạn tri kỉ** trong những bài thơ tràn ngập ánh trăng của Người:  *+ Người ngắm trăng soi ngoải cửa sổ*  *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ* (Ngắm trăng)  + T*iếng suối trong như tiếng hát xa*  *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa* (Cảnh khuya) |
| **b. Hai câu tiếp:**  *Vẫn biết trời xanh là mãi mãi Mà sao nghe nhói ở trong tim!*  Tâm trạng xúc động của nhà thơ tiếp tục được biểu hiện ở hai câu thơ 3 và 4. | |
| - Cùng với hình ảnh mặt trời, vầng trăng, **hình ảnh ẩn dụ trời xanh** cũng là hình ảnh kì vĩ, lớn lao, bất tử của vũ trụ. | **- Về nghĩa thực:** Trời xanh chính là **hình ảnh của thiên nhiên**, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.  - **Về nghĩa ẩn dụ:** Trời xanh **ẩn dụ cho sự vĩnh cửu, trường tồn của Bác**. Bác vẫn còn “**mãi mãi”** với non sông, đất nước, còn mãi trong lòng nhân dân Việt Nam |
| Biện pháp **ẩn dụ chuyển đổi cảm giác** “nghe nhói” | biểu hiện **nỗi đau đột ngột, quặn thắt.** |
| **Cấu trúc đối lập** “vẫn biết” - “mà sao” kết hợp **câu cảm thán** | diễn tả **nỗi đau vô hạn và cảm xúc trào dâng** của một đứa con về muộn bên di hài cha.  - Dù lí trí khẳng định Bác còn mãi nhưng không thắng nổi tình cảm xót thương trước một thực tế mất mát. Trái tim vẫn đau nhói khi biết rằng Bác không còn nữa. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận đáy sâu tâm hồn mình, nỗi đau đớn tột cùng không nói thành lời.  - Nỗi đau này không chỉ Viễn Phương mà là nỗi đau của bao nhiêu người tiễn Bác năm xưa, nỗi đau của toàn dân tộc. |
| => Như vậy, bằng những biện pháp tu từ đặc sắc, cách biểu cảm trực tiếp, khổ 3 không chỉ khắc họa vẻ đẹp của Bác mà đó còn là tình yêu, nỗi đau và sự mất mát của toàn dân tộc trước sự ra đi của Người. Đây là cảm xúc của Viễn Phương, của những người con Nam Bộ nói riêng, và của toàn dân tộc nói chung. | |

**4. Khổ 4: Cảm xúc của nhà thơ khi rời xa lăng Bác**

Cảm xúc lưu luyến, bịn rịn của Viễn Phương đã được thể hiện thật chân thành xúc động ở khổ cuối bài thơ “Viếng lăng Bác”

*"Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này."*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Câu thơ mở đầu**:  *Mai về miền Nam thương trào nước mắt* | giống như **một lời giã biệt**, mà chứa đựng biết bao nuối tiếc, không muốn rời xa. Bởi lẽ, giờ phút chia tay đến, tác giả sắp phải trở về miền Nam. **Cảm xúc dồn nén bấy lâu nay vỡ òa thành dòng nước mắt**, sự xúc động, luyến tiếc, bịn rịn trào dâng mãnh liệt trong lòng nhà thơ – **thương trào nước mắt** |
| **Từ chỉ thời gian** “mai” đi liền với **từ chỉ địa danh** “miền Nam” | gợi **sự chia xa, gợi cả tấm lòng tình cảm** của những đứa con miền Nam. |
| **Điệp từ** “muốn làm” được nhắc lại 3 lần kết hợp với **liệt kê** “con chim, đóa hoa, cây tre” | thể hiện **ước nguyện đó thật chân thành, thật khát khao cháy bỏng, mãnh liệt.**  - **Tác giả muốn được hóa thân** thành con chim để cất tiếng hót làm vui lăng Bác; làm đóa hoa để đem lại sắc hương, tô điểm cho vườn hoa quanh lăng. Đặc biệt là ước nguyện "muốn làm cây tre trung hiếu" để nhập vào hàng tre bát ngát, toả bóng mát cho lăng.  - **Đằng sau những ước muốn cháy bỏng** đó chính là khát vọng được ở cạnh bên Người; là tấm lòng thành kính, biết ơn sâu sắc dành cho vị cha già của dân tộc |
| **Hình ảnh hàng tre** lặp lại ở khổ cuối | **tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng** **nhưng có sự phát triển về ý thơ**. Nếu ở khổ 1, từ hình ảnh tả thực hàng tre bên lăng Bác nhà thơ đã nâng lên thành hình ảnh tượng trưng cho cả dân tộc kiên cường bất khuất, đứng bên người thì ở khổ 4, hàng tre được nhân hóa cho tấm lòng kính yêu, trung hiếu vô hạn của Viễn Phương cũng như của cả dân tộc với Bác, nguyện mãi đi theo con đường của Bác, hoàn thiện vẻ đẹp của con người Việt Nam. |
| **Chủ thể trữ tình từ chỗ xưng “con” giờ ẩn đi trong câu thơ** | để diễn tả tình cảm dành cho Bác không chỉ của riêng ai mà là của cả dân tộc. Từ đó cảm xúc của tác giả mang ý nghĩa khái quát, rộng lớn. |
| => Như vậy, bằng việc sử dụng điệp ngữ, các hình ảnh thơ giàu ý nghĩa biểu tượng và nhịp thơ dồn dập khổ thơ đã diễn tả tình cảm quyến luyến và ước nguyện chân thành của Viễn Phương và những người con miền Nam, tuy xa mà lòng luôn hướng về Người | |

**BÀI 7: MÙA XUÂN NHO NHỎ**

***Thanh Hải***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tên khai sinh là **Phạm bá Ngoãn (1930-1980**) quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Ông hoạt động văn nghệ từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Thanh Hải ở lại quê hương hoạt động và là một trong những **cây bút có công xây dựng nền văn học Cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu**.  **- Phong cách sáng tác:** ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, cảm xúc chân thành, đằm thắm… |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - **Hoàn cảnh chung:** Năm 1980, đất nước lúc này đã hoàn toàn thống nhất, non sông thu về một mối, cả đất nước sục sôi khí thế xây dựng cuộc sống mới.  - **Hoàn cảnh riêng:** Bài thơ được viết vào tháng 11/1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, một tháng sau thì qua đời, thể hiện niềm yêu mến cuộc sống đất nước thiết tha và ước nguyện của tác giả. |
| ***Thể thơ*** | Thơ 5 chữ |
| ***Bố cục*** | Gồm 4 phần:  - Khổ 1: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời  - Khổ 2+3: Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước  - Khổ 4+5: Suy nghĩ và ước nguyện của tác giả trước mùa xuân đất nước.  - Khổ cuối: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế. |
| ***Mạch cảm xúc*** | **-** Mạch cảm xúc được **khơi nguồn, nảy nở** từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên,  - Từ đó **mở rộng ra** cảm xúc tự hào trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc **lắng đọng dần** vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hoà ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “*một mùa xuân nho nhỏ*”.  - Bài thơ **khép lại** với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | **-** “Mùa xuân nho nhỏ” là nhan đề **có cấu tạo 1 cụm DT, ngắn gọn, giàu ý nghĩa**  **- Phân tích:**  + Mùa xuân là mùa khởi đầu của một năm, biểu tượng cho những gì tinh tuý, đẹp đẽ nhất của sự sống  + Mùa xuân còn là một ẩn dụ chỉ tuổi trẻ, sức sống, những gì tinh túy, đẹp nhất trong cuộc đời mỗi con người.  + “Mùa xuân” là ý niệm thời gian vốn vô hình, trừu tượng lại được gắn với tính từ “nho nhỏ” 🡪 khiến mùa xuân trở nên cụ thể, hữu hình; giúp người đọc cảm nhận nhan đề như một ẩn dụ thể hiện nguyện ước rất khiêm nhường: được là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của thiên nhiên, đất nước, của cuộc đời chung và khát vọng sống chân thành, cao đẹp của nhà thơ.  + Nhan để thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng với cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng  🡺 **Nhan đề góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm**: khát vọng được công hiến hết mình để làm đẹp cho cuộc đời |
| ***PTBĐ*** | **Miêu tả, biểu cảm** |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ thể hiện niềm say mê trước mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đồng thời thể hiện khát vọng được công hiến hết mình để làm đẹp cho mùa xuân của đất nước của tác giả. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Bài thơ theo thể năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị gợi cảm, so sánh ẩn dụ và sáng tạo. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Khổ 1: Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên**

Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên đã được thể hiện rõ nét qua khổ 1 của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”

*"Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời "*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Ngay ở câu thơ đầu tiên, tác giả đã sử dụng **nghệ thuật đảo ngữ:** Đảo động từ "mọc" lên đầu câu thơ | - Để tô đậm **sức sống mạnh mẽ** đến bất ngờ của một bông hoa trên dòng sông xanh.  - **Gợi liên tưởng** về một bông hoa đang từ từ vươn lên trên mặt nước tràn đầy sức xuân và sắc xuân. |
| Bức tranh xuân xứ Huế được mở rộng ra với **hình ảnh chọn lọc và giàu sức gợi**: Dòng sông xanh, hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện. | - Đó là những **hình ảnh, tín hiệu đặc trưng của mùa xuân xứ Huế.**  - Những hình ảnh ấy gợi ra **không gian mênh mông sóng nước và một bầu trời cao rộng, trong veo, tràn ngập sắc xuân** |
| Bức tranh mùa xuân nổi bật với **hai màu sắc chủ đạo: xanh, tím biếc** | Đó là những **màu sắc đặc trưng của xứ Huế mộng mơ**, làm cho bức tranh thiên nhiên mùa xuân **hài hòa, tươi sáng.** |
| **Thán từ "ơi"** kết hợp cách nói “**chi...mà”** | gợi lên một **chất giọng ngọt ngào, thân thương, gần gũi, đậm chất Huế.** |
| Hình ảnh **"giọt long lanh rơi"** thật giàu sức gợi. | - Đó có thể là **giọt mưa mùa xuân, giọt sương buổi sớm** long lanh trong ánh sáng.  - Trong mối quan hệ với câu thơ trước, còn có thể hiểu là **giọt âm thanh**. Tiếng hót của con chim chiền chiện vang vọng nhưng không tan biến trong không gian mà đọng lại thành từng giọt trong vắt, "long lanh". Như một thứ quà tặng của thiên nhiên xứ Huế, thi nhân đã vội vàng đưa đôi bàn tay để hứng lấy. Tiếng chim từ chỗ được cảm nhận bằng thính giác chuyển thành thị giác rồi xúc giác. Đó chính là nghệ thuật **ẩn dụ chuyển đổi cảm giác** được Thanh Hải sử dụng một cách tài tình. |
| **Đại từ "tôi"** được điệp hai lần và đi liền với **hành động " hứng"** | cho thấy **thái độ trân trọng, nâng niu** của thi nhân trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Đồng thời, gợi sự **tận hưởng, chiếm lĩnh và giao hòa v**ới mùa xuân. |
| => Như vậy, bằng thể thơ năm chữ, có nhịp điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp và sáng tạo, khổ thơ đã thể hiện **được cảm xúc say sưa ngây ngất** của tác giả trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên đất trời. Đặt bài thơ vào hoàn cảnh riêng của tác giả lúc bấy giờ, người đọc mới thấy trân trọng biết nhường nào **tâm hồn lạc quan và khao khát yêu đời của tác giả.** | |

**2. Khổ 2+ 3:** **Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước**

Cảm xúc tự hào trước mùa xuân của đất nước, cách mạng được Thanh Hải thể hiện rõ nét qua khổ hai và ba bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” .

***a. Nhà thơ cảm nhận mùa xuân đất nước qua hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng": Biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của đất nước ta là chiến đấu ở tiền tuyến và lao động xây dựng hậu phương vững chắc.***

"*Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao…"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Hình ảnh “lộc”** là một sáng tạo nghệ thuật của tác giả. | - Về **nghĩa thực,** “lộc” là chồi non, cành non, cây non.  - Ở đây, “lộc” còn là hình ảnh **ẩn dụ** biểu tượng cho sức sống của mùa xuân. |
| Hình ảnh "**người cầm súng"** đi liền với hình ảnh" **lộc giắt đầy trên lưng"** | cho ta liên tưởng đến **những cành lá ngụy trang của người chiến sĩ** trên đường hành quân như đang nảy lên những chồi non xanh mơn mởn cùng các anh ra trận. Mùa xuân như về khắp mọi nơi, khắp mọi nẻo đường. |
| Hình ảnh **"người ra đồng**" đi liền với hình ảnh "**lộc trải dài nương mạ**" | cho người đọc thấy **những nương mạ non trải dài** hay chính là **sự phát triển của đất nước** **trong sản xuất.** |
| **Điệp từ "mùa xuân**" lặp lại hai lần | gợi **quang cảnh mùa xuân tươi đẹp** đang tràn ngập muôn nơi, làm lòng người thêm náo nức |
| Khổ thơ khép lại với những dòng thơ sử dụng **điệp ngữ** “tất cả” cùng **từ láy** “hối hả”, “xôn xao”. | - **“Hối hả”** là vội vã, liên tục không dừng lại, **“xôn xao**” khiến ta nghĩ tới những âm thanh liên tiếp vọng về, hòa lẫn với nhau xao động; đồng thời thể hiện được sự reo vui trong lòng tác giả.  - Hình ảnh thơ nhấn mạnh **không khí sôi nổi khẩn trương, hối hả, hăng say xây dựng, bảo vệ đất nước**. Hai câu thơ như một lời động viên thúc giục mọi người hãy nhanh chân bước vào khí thế hăng say đó. |
| => Như vậy, bằng thể thơ năm chữ, có nhịp điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, hình ảnh ẩn dụ đẹp và sáng tạo, khổ thơ đã thể hiện được cảm xúc say sưa ngây ngất của tác giả trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước. | |

***b. Trước mùa xuân của đất nước, nhà thơ đã bày tỏ niềm tự hào và niềm tin vào tương lai tươi sáng:***

*" Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Ở **câu thơ đầu**: “Đất nước bốn ngàn năm” | mùa xuân của đất nước được cảm nhận bằng chiều dài lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước |
| Phép **nhân hóa** cùng biện pháp **liệt kê** *đất nước vất vả*, *gian lao* | đã khắc họa sinh động, đầy cảm xúc về **hình ảnh đất nước**, dù đã trải qua bao đau thương mất mát nhưng vẫn luôn kiên cường bất khuất. Việc sử dụng BP nghệ thuật còn cho thấy **đất nước như một người mẹ tần tảo, vất vả**, qua bao gian lao thử thách vẫn kiêu hãnh, ngoan cường đi lên phía trước không chỉ bằng sức mạnh hôm nay mà còn của 4000 năm lịch sử. |
| Hình ảnh **so sánh** "đất nước như vì sao" gợi lên những liên tưởng và ý nghĩa thật sâu sắc. | - Hình ảnh so sánh ấy vừa **gợi đến nguồn sáng trường tồn** mãi với không gian, thời gian, vừa **gợi lên niềm tin** của tác giả về một tương lai tươi sáng, rộng mở của đất nước với khí thế mạnh mẽ không gì cản được. **Sử dụng “vì sao” thay vì chi tiết “mặt trời” n**hà thơ đã sáng tạo nên một hình ảnh đất nước rất khiêm nhường nhưng cũng vô cùng tráng lệ. “Sao” là hình ảnh rạng ngời trên lá cờ Tổ quốc, h/ả tiên phong của cách mạng Việt Nam.  - So sánh “đất nước” với “vì sao”, tác giả đã **ca ngợi, nhấn mạnh vẻ đẹp của mùa xuân quê hương**, thể hiện **sự trường tồn của đất nước** đồng thời thể hiện **tình cảm yêu mến** của tác giả đối với đất nước, cuộc đời. |
| Cùng với đó, **cấu trúc song hành "**đất nước bốn ngàn năm", "đất nước như vì sao" | đã thể hiện **niềm tin mãnh liệt** của tác giả vào hành trình phát triển, trường tồn vĩnh cửu của đất nước. |
| **Cụm từ "cứ đi lên phía trước"** | khép lại khổ thơ như một lời **khẳng định**, một sự thể hiện **ý chí, lòng quyết tâm, niềm tin sắt đá** của nhà thơ và của cả dân tộc về **tương lai tươi sáng**, tốt đẹp của quê hương, đất nước. |
| => Như vậy, bằng thể thơ năm chữ, có nhịp điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, hình ảnh đẹp và sáng tạo, khổ thơ đã thể hiện niềm yêu mến, tự hào, tin tưởng của nhà thơ vào tương lai của đất nước. | |

**3. Khổ 4, 5: Suy nghĩ và ước nguyện chân thành, tha thiết của tác giả trước mùa xuân đất nước.**

Suy nghĩ và ước nguyện chân thành, thiết tha được nhà thơ Thanh Hải thể hiện sâu sắc trong khổ thơ 4 và 5 của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”.

***a. Từ những cảm xúc vui mừng, say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời xứ Huế vào xuân, vào tương lai tươi sáng của đất nước, Thanh Hải đã có những lời ước nguyện thật thiết tha, cảm động:***

*" Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Điệp từ **"ta"** | được lặp đi lặp lại thể hiện **một ước nguyện chân thành, thiết tha.** |
| Động từ **“làm” - “nhập”** | ở vai trò vị ngữ **biểu lộ sự hoá thân đến diệu kỳ** - hoá thân để sống đẹp, sống có ích. |
| Các hình ảnh **liệt kê:** cành hoa, con chim, nốt trầm | đã xuất hiện ở đầu bài thơ, giờ lại được sử dụng để **thể hiện lẽ sống của mình**:  + Làm "**con chim hót**" giữa muôn ngàn tiếng chim vô tư cống hiến tiếng hót trong trẻo để đời thêm vui  + Làm "**một cành hoa"** giữa vườn hoa xuân rực rỡ vô tư cống hiến hương sắc cho đời thêm tươi đẹp  + Làm "**một nốt trầm**" trong bản hòa tấu muôn điệu không véo von ồn ào mà nền nhã vang âm làm xao xuyến, lay động lòng người, để lại nhiều dư âm  => Những hình ảnh thơ **giản dị, khiêm nhường, gần gũi mà thật đẹp** đẽ. Qua đó, tác giả đã thể hiện **ước muốn tha thiết, chân thành** của mình: muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào công cuộc đổi mới và đi lên của đất nước. |
| Cái “tôi” của thi nhân trong phần đầu bài thơ giờ chuyển hoá thành **cái “ta”.** | *Tôi* chỉ một người - cá nhân nhà thơ. Nhà thơ **xưng *tôi*** để thể hiện cảm xúc của mình, niềm say sưa ngây ngất của riêng mình trước vẻ đẹp của mx đất trời; **xưng *ta*** để thể hiện cảm xúc dạt dào của cái tôi trữ tình đang khát khao hòa nhập, dâng hiến vào cuộc đời chung rộng lớn. Có cả cái riêng và chung trong cái “ta” ấy. Dường như ước nguyện của mỗi cá nhân đã hòa với dòng chảy của muôn người. Với cách sử dụng đại từ này, nhà thơ đã khẳng định **mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cái riêng và cái chung.** |
| => Bốn câu thơ giản dị mà âm vang như một lời tâm tình, nhắn nhủ tha thiết: Hãy sống đẹp, sống có ích và cống hiến cho đời. Lẽ sống đẹp và tự nhiên ấy không chỉ của riêng Thanh Hải mà còn là của biết bao con người, giống như nhà thơ Tố Hữu cũng từng viết trong bài “Một khúc ca xuân”:  *Nếu là con chim, chiếc lá*  *Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*  *Lẽ nào vay mà không có trả*  *Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?* | |

***b. Từ khát vọng sống cao quý, tác giả đã nâng lên thành một lý tưởng sống cao cả:***

"*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc "*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Từ láy "**nho nhỏ"** | thể hiện ước muốn, khát vọng **khiêm tốn và giản dị** của nhà thơ. Đồng thời nó cũng gợi liên tưởng đến những gì **đẹp đẽ và tinh túy** nhất của cuộc đời con người để góp cho mùa xuân đất nước. |
| “**Mùa xuân nho nhỏ”** | là một **ẩn dụ đầy sáng tạo**, **biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp**. Mỗi người hãy làm một mùa xuân, hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh tuý của mình, dẫu có nhỏ bé để góp vào làm đẹp cho mùa xuân đất nước. |
| Tính từ **“lặng lẽ” kết hợp động từ “dâng”** | đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn, lối sống và nhân cách của tác giả. Mùa xuân của Thanh Hải **không hề ồn ào, khoa trương, náo nhiệt mà lặng lẽ hiến dâng.** Dâng cho đời là dâng một cách tự nguyện, không đòi hỏi sự đền đáp. Đó chính là lối sống đẹp đẽ, vô tư, trong sáng nhất mà con người cần hướng tới, giống như nhà thơ Tố Hữu cũng từng viết trong bài “Một khúc ca xuân”:  *Nếu là con chim, chiếc lá*  *Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*  *Lẽ nào vay mà không có trả*  *Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình?* |
| **Điệp cấu trúc** “dù là” kết hợp hai hình ảnh **hoán dụ có tính chất tương phản** đặc sắc *tuổi hai mươi* và *khi tóc bạc* | là **sự âm thầm cống hiến** bất kể khi còn trẻ, mái tóc còn xanh hay lúc đã già. Đó là l**ời hứa, lời tự nhủ với lương tâm** sẽ phải kiên trì, thử thách với thời gian, tuổi già, bệnh tật để mãi mãi làm một mùa xuân nho nhỏ trong mùa xuân lớn của quê hương đất nước. |
| => Giữa mùa thu của cuộc đời mình, nhà thơ vẫn nghĩ đến một mùa xuân bất diệt của cuộc đời rộng lớn, vẫn lặng lẽ hiến dâng, vẫn tha thiết được sống đẹp, sống có ích. Lẽ sống đẹp đẽ và cao thượng ấy thật đáng để chúng ta suy ngẫm và trân trọng. | |

***4. Khổ 6: Lời ca ngợi quê hương đất nước quan làn điệu dân ca xứ Huế***

Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

*" Mùa xuân - ta xin hát*

*Câu Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế. "*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Câu thơ “**Mùa xuân – ta xin hát”** | diễn tả **niềm khao khát, bồi hồi, xúc động** của nhà thơ đối với quê hương |
| "**Câu Nam ai"** | là khúc nhạc buồn thương, da diết để gợi con đường đầy **hy sinh, gian khổ mà đất nước đã đi qua.** |
| **" Câu Nam bình"** | là khúc nhạc êm ái, dịu ngọt để gợi mùa xuân **hiện tại với cuộc sống thanh bình, no ấm.** |
| **Nước non ngàn dặm mình - Nước non ngàn dặm tình** còn ngân nga mãi mãi. | Đó là ngàn dặm mình, ngàn dặm tình của đất nước và của xứ Huế thân thương. **Lời ca vang vọng như mở ra cái tình của con người nhỏ bé trong cái ngàn dặm rộng lớn, mênh mang** |
| "**Nhịp phách tiền"** | là điệu nhạc rộn ràng để khép lại bài thơ, đó là **giai điệu của cuộc sống mới, sức sống mới** của dân tộc.  => Nhà thơ không chỉ ca ngợi đất nước mà ông còn hát về chính quê hương, chính xứ Huế thân thương. Câu ca nghe như một lời từ biệt đề hòa vào vĩnh viễn, để lại dư vị sâu lắng. Thanh Hải không chỉ gửi gắm những ước nguyện mà trong ông còn có hình ảnh quê hương, đất nước. Phải yêu đời, lạc quan lắm thì mới có thể hát lên trong hoàn cảnh nhà thơ lúc đó. |
| => Tình yêu đời, yêu cuộc sống trỗi dậy thật mãnh liệt, trở thành khúc hát tâm tình trong những dòng thơ cuối. Khúc hát đó thật cảm động, cao quý và đáng trân trọng biết bao. | |

**\* Đánh giá:** Với việc sử dụng thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch của cảm xúc; ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi. Tác giả đã tái hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước. Qua đó bày tỏ lẽ sống cao đẹp, là sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cho đất nước.

**BÀI 8: NÓI VỚI CON**

***Y Phương***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Y Phương tên khai sinh là **Hứa Vĩnh Sước**, **dân tộc Tày**, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh **Cao Bằng**.  - Y Phương nhập ngũ năm 1968, phục vụ trong quân đội đến năm 1981 chuyển về công tác tại Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Cao Bằng. Từ năm 1993, ông là chủ tịch Hội văn học nghệ thuật Cao Bằng.  - Cảm hứng chủ đạo trong thơ Y Phương là gia đình, quê hương, đất nước.  - **Phong cách sáng tác: *Ngôn ngữ thơ giản dị, hồn nhiên, in đậm lối tư duy của người vùng cao; hình ảnh phong phú, mang giá trị biểu tượng…*** |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ được sang tác năm **1980,** **năm năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.** Đó là giai đoạn mà đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân cả nước nói chung và đồng bào miền núi nói riêng còn rất nhiều khó khăn, vất vả.  - Y Phương tâm sự: *“Đó là thời điểm đất nước ta gặp vô vàn khó khăn… Bài thơ là lời tâm sự của tôi với đứa con gái đầu long. Tâm sự với con còn là tâm sự với chính mình. Nguyên do thì nhiều nhưng lý do lớn nhất để bài thơ ra đời chính là lúc tôi dường như không thể biết lấy gì để vịn, để tin. Cả xã hội lúc bấy giờ đang hối hả, gấp gáp kiếm tìm tiền bạc. Muốn sống đàng hoàng như một con người, tôi nghĩ phải bám vào văn hóa. Phải tin và những giá trị tích cực, vĩnh cửu của văn hóa. Chính vì thế, qua bài thơ ấy, tôi muốn nói rằng chúng ta phải vượt qua sự ngặt nghèo, đói khổ ổ bằng văn hóa”.* Từ hiện thực khó khăn ấy, nhà thơ đã viết nên bài thơ này. **Bài thơ như một lời tâm sự của nhà thơ với chính mình để động viên mình, đồng thời còn để nhắc nhở cho các thế hệ mai sau.** |
| ***Xuất xứ*** | - Bài thơ được in trong tập **“Thơ Việt Nam” (1945 - 1975).** |
| ***Thể loại*** | Thơ tự do |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**:  - Mượn lời nói với con, Y Phương **gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người**, **bộc lộ niềm tự hào** về sức sống bền bỉ của quê hương mình.  - Bài thơ **đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương**, từ **những kỷ niệm** gần gũi, thiết tha mà **nâng lên thành lẽ sống**. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.  \* **Bố cục**: 2 phần:  - Đoạn 1: (Từ “Chân phải… trên đời”): **người cha nói với con về tình cảm cội nguồn.**  - Đoạn 2: (phần còn lại): **Người cha nói về truyền thống quê hương và dặn dò con trên đường đời.** |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan đề ngắn gọn, hàm xúc, giàu ý nghĩa  - Nhan đề bài thơ là "Nói với con" nhưng cũng là chính lời nói của nhà thơ **nhắc nhở** thế hệ con cháu và cả chính bản thân mình **phải biết rõ cội nguồn**, từ đó **giữ gìn truyền thống của quê hương sống xứng đáng** là những con người **nhỏ mà không bé** (nhỏ dáng hình nhưng không nhỏ ý chí) Nhan đề bài thơ khái quát được ý nghĩa của toàn bài thơ, tức là bài thơ đi từ tình cảm gia đình rồi mở ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha để nâng lên lẽ sống.  - Cảm xúc chủ đề của bài thơ được bộc lộ, từ tình cảm gia đình rồi mở ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha để nâng lên lẽ sống. |
| ***Chủ đề*** | Lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng, ước mong thế hệ mai sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, quê hương là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam suốt bao đời nay. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Giọng điệu trìu mến tha thiết, thể hiện qua lời tâm sự của cha với con, của thế hệ đi trước với thế hệ mai sau.  - Thể thơ tự do làm cho cảm xúc cụ thể, rõ ràng.  - Nhịp điệu lúc nhẹ nhàng bay bổng, khi khúc chiết rành rột, lúc mạnh mẽ âm vang -> lời khuyên của cha thấm sâu vào con.  - Ngôn ngữ cụ thể mà giàu khái quát, bao hàm nhiều ý nghĩa, hình ảnh thơ độc đáo. |

**B. PHÂN TÍCH CHI TIẾT**

**1. Những cội nguồn sinh dưỡng của con**

***a) Trong những lời tâm tình , tác giả nói với con về những cội nguồn sinh dưỡng, trước hết là gia đình:***

*" Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Ngay từ 4 câu đầu, bằng những **hình ảnh gần gũi, cụ thể:** (4 câu) | Tác giả gợi ra **không khí gia đình đầm ấm**, con thơ quấn quýt cha mẹ bằng tiếng nói bi bô, tiếng cười trong trẻo |
| **Điệp từ “bước tới”,** Cấu trúc **đối xứng**: "chân phải", "chân trái", "một bước", "hai bước" | - Cho thấy hình ảnh con thơ đang bước những bước chập chững đầu đời về phía cha mẹ trong niềm hân hoan, hạnh phúc  - Mỗi bước con đi luôn có sự dõi theo, chăm chút, đón chờ, động viên, khích lệ của cha mẹ |
| Thủ pháp liệt kê qua hình ảnh " tới cha","tới mẹ": | - Tái hiện hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, lúc thì sà vào lòng mẹ, khi lại níu lấy tay cha.  - Gợi lên ánh mắt như đang dõi theo và vòng tay dang rộng đón đợi của cha mẹ. |
| **NT ẩn dụ “chạm tiếng nói”- “tới tiếng cười”** | Là cách liên tưởng mộc mạc mà gợi cảm về niềm vui, niềm hạnh phúc của 1 gia đình nhỏ bé |
| ***Cha mẹ mãi nhớ….***  ***Đẹp nhất trên đời.*** | 2 câu thơ như **đánh dấu khởi nguồn cho 1 gia đình và cũng chính là cội nguồn của hạnh phúc**. Cha mẹ nhớ về kỷ niệm cho sự khởi đầu của một gia đình bởi đó là minh chứng cho tình yêu và **con chính là kết tinh của tình yêu ấy** |
| **Nhịp thơ 2/3 với cấu trúc đối xứng** | tạo nên âm điệu, **không khí tươi vui và gợi đến một mái ấm gia đình quấn quýt, ngập tràn hạnh** **phúc**. |

🡺 Bằng lời thơ giản dị như một lời tâm tình thủ thỉ, Y Phương đã nói với con, **gia đình chính là cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con**. Vì thế, trên hành trình vạn dặm của cuộc đời, con không được phép quên.

***b) Cùng với gia đình, thì quê hương chính là mạch nguồn không thể thiếu, nuôi dưỡng con khôn lớn và trưởng thành:***

" Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Quê hương được giới thiệu qua lối nói hình ảnh của người vùng cao - ***"người đồng mình".*** | Cách gọi độc đáo về những người con quê hương lại đi liền với hô ngữ "con ơi" khiến lời của cha với con thật trìu mến, thân thương. |
| Hình ảnh đậm đà màu sắc dân tộc: *"Đan lờ cài nan hoa", "Vách nhà ken câu hát"* | - **Tả thực cuộc sống lao động cần cù, tươi vui và lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng**, gia đình của " người đồng mình", khiến cho những vách nhà như được ken dầy trong những câu hát si, hát lượn; **gợi một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của người miền cao** |
| *các động từ miêu tả động tác lao động “đan”, “cài”, “ken”* | - gợi **đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tài hoa và giàu sáng tạo** của "người đồng mình", đã khiến cho những nan nứa, nan tre đơn sơ, thô mộc trở thành "nan hoa". |
| ***Cuộc sống lao động tràn đầy niềm vui ấy được đặt trong cả quê hương thơ mộng, nghĩa tình*** | |
| - Thủ pháp **nhân hóa**: *"Rừng cho hoa", "Con đường cho những tấm lòng" hết hợp điệp từ “cho”* | - tả thực vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương đã hào phóng ban tặng con người  - “con đường” không chỉ gợi liên tưởng đến những con đường quen thuộc trở về nhà, về bản mà còn gợi đến tấm lòng, tình cảm của "người đồng mình" với gia đình, quê hương, xứ sở. |
| ***🡺 Như vậy, gia đình là cội nguồn sinh thành và dưỡng dục con, còn quê hương bằng nếp sống văn hóa, truyền thống lao động đã nuôi dưỡng và che chở cho con thêm khôn lớn, trưởng thành.*** | |

🡺 Đoạn thơ là lời dặn dò, nhắn nhủ tâm tình của người cha về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con: gia đình, quê hương chính là những nền tảng cơ bản để tiếp bước cho con khôn lớn, trưởng thành. Bởi vậy,con phải luôn sống bằng tất cả tình yêu và niềm tự hào.

**2. Những phẩm chất cao quý của người đồng mình và mong ước của cha**

**a) Những phẩm chất cao quý của người đồng mình**

***Trong lời tâm tình về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con, người cha đã khéo léo "đan" ,"cài" những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:***

*"Người đồng mình thương lắm con ơi!*

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chí lớn"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **Điệp ngữ** "người đồng mình" được nhắc lại **3 lần**, kết hợp các **động từ "thương", “yêu”** đi liền với **từ chỉ mức độ** "lắm" | Đây là lối nói hình ảnh của người vùng cao: để **gợi lên sự gần gũi, thân thương như trong một gia đình**.  ***=> Cha muốn khắc sâu vào lòng con hình ảnh con người quê hương, truyền cho con tình cảm đối với những con người quê nhân hậu, đáng mến ấy.*** |
| ***Những phẩm chất của “người đồng mình” cứ hiện dần qua tâm tình của người cha:***  **\* Trước hết là phẩm chất THỦY CHUNG với nơi chôn rau, cắt rốn, gắn bó thiết tha với quê hương** | |
| Hệ thống từ ngữ giàu sức gợi qua hai **tính từ** "cao", "xa" kết hợp **điệp ngữ** “không chê” | - Gợi liên tưởng đến những dãy núi cao, trùng điệp là **nơi cư trú** của đồng bào vùng cao đầy khó khăn.  - Những tính từ này được **sắp xếp theo trình tự tăng tiến**, gợi những **khó khăn như chồng chất khó khăn** để thử thách ý chí con người.  - Cuộc sống quê hương tuy cong nhọc nhằn, vất vả, nhưng con người quê hương vẫn luôn gắn bó thiết tha…  🡺 Hệ thống **hình ảnh mang tư duy của người miền núi**, khi tác giả lấy cái cao của trời, của núi để đo nỗi buồn, lấy xa của đất để ví ý chí của con người. |
| **\*Bên cạnh đó, họ còn là những con người có phẩm chất giàu Ý CHÍ, NGHỊ LỰC, tâm hồn khoáng đạt, mạnh mẽ** | |
| **Điệp từ** *"sống"* được lặp đi lặp lại liên tiếp | đã tô đậm được **mong ước mãnh liệt** của cha dành cho con: hãy luôn thích nghi, **luôn sống đẹp như phẩm chất, khí phách, tâm hồn người dân quê hươn**g. |
| Hình ảnh **ẩn dụ và phép liệt kê**"*đá gập ghềnh" và "thung nghèo đói":* | - Gợi **không gian sống** **hiểm trở**, khó làm ăn, canh tác.  - Gợi đến **cuộc sống nhiều vất vả, gian khó** và đói nghèo.  Từ đó, người cha **mong muốn** ở con: hãy **biết yêu thương, gắn bó, trân trọng quê hương mình.** |
| **Phép so sánh, liệt kê:** "Sống như sông như suối" | + Gợi về **cuộc sống bình dị, hồn nhiên, gắn bó với thiên nhiên.**  + Gợi lối sống trong sáng , phóng khoáng, dào dạt tình cảm như sông, như suối.  - Từ đó, người cha **mong muốn ở con: một tâm hồn trong sáng, phóng khoáng như thiên nhiên**. |
| **Thành ngữ** *“lên thác xuống ghềnh”* cùng với lời **khẳng định** *“không lo cực nhọc”* | - Cha muốn con thấy rõ: dù cuộc sống quê hương tuy còn nhọc nhằn, vất vả, nhưng con người quê hương vẫn luôn gắn bó thiết tha…  🡺 ***Câu thơ đượm chút ngậm ngùi, xót xa để diễn tả thực tại đời sống còn nhiều những khó khăn, thiếu thốn của đồng bào vùng cao. Đồng thời, cũng đầy tự hào trước ý chí, nghị lực vươn lên của họ.*** |
| 🡺 Đoạn thơ là lời khuyên của cha, khuyên con hãy tiếp nối cái tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra. Hãy tiếp nối cả ý chí can đảm, lòng kiên cường của người đồng mình.  ***\* Ngoài ra, Y Phương còn tiếp tục nói với con về TINH THẦN TỰ TÔN VÀ Ý THỨC BẢO TỒN vẻ đẹp truyền thống, nguồn cội của người vùng cao:***  *" Người đồng mình thô sơ da thịt*  *Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*  *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*  *Còn quê hương thì làm phong tục"* | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật **tương phản:**  "thô sơ da thịt" >< "chẳng mấy ai nhỏ bé" | - Hình ảnh "thô sơ da thịt" đã **tả thực vóc dáng, hình hài mộc mạc, thô sơ của "người đồng mình".**  - Cụm từ "chẳng mấy ai nhỏ bé"gợi **ý chí, nghị lực phi thường,** vượt lên hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn của "người đồng mình".  🡺 Nghệ thuật tương phản đã làm **tôn lên "tầm vóc" ,"vóc dáng" của "người đồng mình**": họ có thể còn "thô sơ da thịt" nhưng họ không hề yếu đuối. |
| Hình ảnh "Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương/ Còn quê hương thì làm phong tục" **vừa mang ý nghĩa tả thực , vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc**: | - **Tả thực quá trình dựng nhà, dựng bản** của người vùng cao, được kê trên những tảng đá lớn để tránh mối mọt.  - **Ẩn dụ cho tinh thần tự lực cánh sinh**, họ đã dựng xây và nâng tầm quê hương.  🡺 Trong quá trình dựng làng, dựng bản , dựng xây quê hương ấy, **chính họ đã làm nên phong tục, bản sắc riêng cho cộng đồng.** Câu thơ tràn đầy niềm tự hào về những phẩm chất cao quý của người đồng mình. |
| 🡺 Chính những con người như thế, bằng sự lao động cần cù, nhẫn nại hàng ngày đã làm nên quê hương với những truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp. Từ đó, Y Phương **nhắn nhủ, răn dạy con phải biết tự hào, biết kế thừa, phát huy những vẻ đẹp của con người quê hương và luôn tự tin vững bước trên đường đời.** | |

**b) Từ việc nói với con về những PHẨM CHẤT đáng quý của “người đồng mình” , người cha còn bộc lộ mong muốn của mình đối với con thông qua lời dặn dò vừa ân cần, trìu mến vừa nghiêm khắc của người cha:**

*" Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con"*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| ***" Con ơi tuy thô sơ da thịt”***  **Hình ảnh thơ được lặp lại** "thô sơ da thịt" | - như là lời **khẳng định** để khắc sâu trong tâm trí con, rằng: con cũng là người đồng mình, cũng mang hình hài, vóc dáng nhỏ bé.  - Lời gọi, lời dặn dò trìu mến của cha với con lại 1 lần nữa **nhắc lại điểm xuất phát, cội rễ con người quê hương.** **“Tuy”** nghĩa là hàm chứa sự tự tôn, dù cho người miền mình còn mộc mạc, thô sơ đấy, nhưng trái lại, **những phẩm chất đáng tự hào luôn là hành trang con phải mang theo** khi bước lên đường. |
| Hai tiếng *"lên đường"* | cho thấy người con đã khôn lớn, trưởng thành, có thể tự tin, vững bước trên đường đời. |
| Nhưng con *"không bao giờ nhỏ bé được”* | Dù con đường phía trước còn nhiều chông gai, con phải **kiên cường, bản lĩnh, tự tin để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời**, bởi trong tim con ẩn chứa những phẩm chất rất đỗi tự hào của “người đồng mình”. |
| Hai tiếng "nghe con" | nghe thật **thiết tha, ân cần, xúc động, ẩn chứa biết bao yêu thương và niềm tin sâu sắc** của người cha gửi gắm nơi con  🡺 2 tiếng ấy **khép lại bài thơ, để lại dư âm nhẹ nhàng mà âm vang, xao xuyến** khôn nguôi. |
| ***🡺 Với giọng điệu thiết tha, tâm tình, trìu mến,người cha đã gửi gắm cho con những bài học quý giá, để trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời con mãi mãi khắc ghi.*** | |

**CHUYÊN ĐỀ 3 : TRUYỆN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tác phẩm** | **Tác giả** | **Năm sáng tác** | **Nội dung** | **Nghệ thuật.** |
| **1** | **Làng**  *Là tp xuất sắc thể hiện thành công hình ảnh người nông dân thời kì đầu CM.* | **Kim Lân (***1920 - 2007)*  *Nhà văn am hiểu về cs nông thôn và người dân MBắc. Thường viết về đề tài người nông dân.* | **1948**. *Thời kì đầu - KC chống Pháp.* | Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng quê sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân. | - Tác giả thành công trong việc xây dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật. |
| **2** | **Lặng lẽ Sa Pa**  *Truyện ngắn hiện đại rút từ tập “Giữa trong xanh” xuất bản năm 1972.* | **Nguyễn Thành Long**  **(***1925 – 1991).*  *Cây bút văn xuôi đáng chú ý chuyên viết truyện ngắn và ký – mang vẻ đẹp thơ mộng, trong trẻo.* | **1970**  *Là kết quả chuyến đi thực tế lên Lào Cai của t/g.* | Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông hoạ sĩ, cô kĩ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại trạm khí tượng trên núi cao Sa Pa. Qua đó, truyện ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước. | - Truyện đã xây dựng đựoc tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận. |
| **3** | **Chiếc lược ngà**  *Là đoạn trích, phần giữa của truyện ngắn cùng tên.* | **Nguyễn Quang Sáng -** *Sinh 1932*  *Nhà văn tham gia 2 cuộc k/c chống Pháp và Mỹ. Hầu như chỉ viết về cs và con người Nam Bộ.* | **1966**  *K/c chống Mỹ-khi tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.* | Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con: Ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó, truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh. | - Tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí.  -Truyện đã thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu. |
| **4** | **Những ngôi sao xa xôi**  *Là tp đầu tay của LMK.* | **Lê Minh Khuê**  *- Sinh 1940, thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kc chống Mỹ, gia nhập thanh niên xung phong. Là cây bút chuyên viết truyện ngắn, bắt đầu viết văn từ năm 1970* | **1971**  *K/c chống Mỹ đang diễn ra ác liệt - trọng điểm là tuyến đường Trường Sơn.* | Cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái thanh niên xung phong trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ. | Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật. |

**BÀI 1: LÀNG**

**- Kim Lân -**

**A/ KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Kim Lân tên khai sinh là **Nguyễn Văn Tài**, (1920-2007), quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.  - Là nhà văn có sở trường về truyện ngắn. Ông am hiểu sâu sắc và gắn bó với nông thôn và người nông dân. Truyện của ông hầu như chỉ viết về sinh hoạt nông thôn và cảnh ngộ của người nông dân  - ***Phong cách nghệ thuật:*** Kim Lân có một lối viết tự nhiên, chậm rãi, nhẹ nhàng, hóm hỉnh và giàu cảm xúc; cách miêu tả rất gần gũi, chân thực. Đặc biệt ông có biệt tài phân tích tâm lí nhân vật. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - “Làng” được viết vào năm 1948, **giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp**. Lúc này gia đình Kim Lân cũng đi tản cư theo lời kêu gọi của chính phủ. |
| ***Xuất xứ*** | Đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. |
| ***Thể loại*** | **Truyện ngắn** |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan đề **ngắn gọn, giàu ý nghĩa**, được cấu tạo bởi **một tiếng** duy nhất “Làng”.  - Đó là **tiếng gọi thân thương, gần gũi** với bất kì người nông dân nào. Nhan đề ấy chỉ ra đối tượng mà tình cảm trong văn bản hướng đến.  - Nhan đề này mang **ý nghĩa khái quát cao**, không viết về một làng quê cụ thể mà hướng tới nhiều làng quê khác trên khắp đất nước.  - Cách đặt nhan đề này **góp phần nâng cao giá trị tư tưởng, chủ đề của tác phẩm**: ca ngợi tình yêu quê hương đất nước và nhiệt tình tham gia kháng chiến chống Pháp của người nông dân Việt Nam |
| ***Bố cục***  3 phần | - Đoạn 1: Từ đầu…đến… “ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!”: **Ông Hai trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.**  - Đoạn 2: Tiếp…đến…” cũng vợi được đi đôi phần”: **Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc.**  - Đoạn 3: Còn lại: **Tâm trạng của ông Hai khi tin làng mình theo giặc được cải chính.** |
| ***Tóm tắt*** | Câu chuyện kể về ông Hai Thu, người làng Chợ Dầu. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, theo lời kêu gọi của cụ Hồ Chí Minh, toàn dân tham gia kháng chiến, kể cả hình thức tản cư. Do hoàn cảnh neo đơn, ông Hai đã cùng vợ con lên tản cư ở Bắc Ninh dù rất muốn ở lại làng chiến đấu. Ở nơi tản cư, tối nào ông cũng sang nhà bác Thứ bên cạnh để khoe về làng mình rằng làng ông có nhà cửa san sát, đường thôn ngõ xóm sạch sẽ. Ông khoe cái phòng thông tin, cái chòi phát thanh và phong trào kháng chiến của làng, khi kể về làng ông say mê, háo hức lạ thường. Ở đây, ngày nào ông cũng ra phòng thông tin để nghe tin tức kháng chiến, ông vui mừng trước những chiến thắng của quân dân ta. Nhưng rồi một hôm, ở quán nước nọ, ông nghe được câu chuyện của một bà dưới xuôi lên tản cư nói rằng làng Dầu của ông theo giặc. Ông vô cùng đau khổ, xấu hổ, cúi gầm mặt đi thẳng về nhà, suốt ngày chẳng dám đi đâu, chẳng dám nói chuyện với ai, chỉ nơm nớp lo mụ chủ nhà đuổi đi. Buồn khổ quá, ông tâm sự với đứa con út cho khuây khoả. Ông chớm có ý định về làng để xác minh sự thật nhưng lại tự mình phản đối vì nghĩ về làng, làng là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ bởi làng ông đã theo Tây mất rồi. Thế rồi một hôm có ông chủ tịch dưới xã lên chơi cải chính tin làng ông theo giặc. Ông lão sung sướng mùa tay đi khoe khắp làng rằng nhà ông đã bị đốt nhẵn. Tối hôm ấy, ông lại sang nhà bác Thứ kể về làng mình. |
| ***Tình huống truyện*** | **\* TH 1: Ông Hai yêu mến, tự hào về ngôi làng của mình thì đột nhiên nghe được tin từ những người dưới xuôi lên cho biết rằng làng Chợ Dầu đã theo Tây.**  Tác dụng:  - Tình huống bất ngờ, đẩy câu chuyện lên cao trào, tạo nút thắt cho truyện, đồng thời góp phần thể hiện chủ đề tác phẩm.  - Đây cũng là tình huống gay cấn, tạo bước ngoặt tâm lí cho nhân vật để dẫn tới cuộc xung đột nội tâm, nhằm bộc lộ một cách rõ nét tình yêu nước mãnh liệt của ông Hai. Đồng thời, cũng cho thấy tình yêu nước đã chi phối và thống nhất mọi tình cảm khác trong con người Việt Nam thời kháng chiến.  **\* TH 2: Ông Hai đang đau khổ, bế tắc vì làng mình theo Tây thì bỗng nhiên được nghe tin đồn làng theo giặc được cải chính**  Tác dụng:  - Cởi nút cho câu chuyện, giải tỏa bế tắc trong lòng ông Hai, đồng thời góp phần thể hiện chủ đề tác phẩm.  - Để nhân vật ông Hai chạy đi khắp nơi khoe cái tin nhà mình bị Tây đốt, cơ nghiệp cả đời mình gây dựng bị thiêu rụi trong ngọn lửa hung tàn của giặc, như vậy khiến ta cảm nhận được tình yêu làng trong mỗi người dân cũng như ở nhân vật Ông Hai.  🡺 Như vậy, xây dựng tình huống truyện độc đáo, Kim Lân đã khẳng định được chủ đề của truyện, truyện đã diễn tả một cách chân thực, sâu sắc và cảm động, **tình yêu làng hòa quện với tình yêu nước và tinh thần kháng chiến** của người nông dân – đây là nét chuyển biến mới trong đời sống tinh thần của người nông dân Việt Nam thời kì đầu kháng chiến. |
| ***Ngôi kể*** | - Truyện được kể theo ngôi **thứ ba.**  - Tác dụng: Giúp cho nhân vật ông Hai được đánh giá một cách **khách quan, tự nhiên.** Tình yêu làng, yêu nước của ông cũng hiện lên khách quan chứ không phải chủ quan của người kể. |
| ***Điểm nhìn trần thuật*** | - Ông Hai  - Tác dụng: Giúp miêu tả **nội tâm nhân vật ông Hai thêm chân thực, sâu sắc**, thể hiện sự đấu tranh nội tâm, nỗi đau đớn của ông khi nghe tin làng mình theo giặc. |
| ***Chủ đề*** | Truyện nói về tình yêu Làng của ông Hai Thu khi phải xa làng đi tản cư, qua đó **ca ngợi tình yêu quê hương đất nước và nhiệt tình tham gia kháng chiến chống Pháp của người nông dân Việt Nam** |
| ***Giá trị nội dung*** | **Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân** phải dời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong truyện “***Làng***”. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Tác giả đã thành công trong việc xây **dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật** và qua **ngôn ngữ nhân vật** đậm chất nông dân, hòa nhập giữa lời kể của tác giả và lời nói của nhân vật. |

**B/ KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

|  |  |
| --- | --- |
| **CCĐ: Ông Hai yêu làng, yêu nước và có tinh thần kháng chiến**  **được nhà văn Kim Lân thể hiện sâu sắc trong tác phẩm “Làng”.** | |
| **1. Trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc (Ở nơi tản cư)** | - Ông **buồn vô cùng khi phải xa quê hương** nên đã thay đổi tâm tính, lúc nào cũng **bực bội, cáu kỉnh , ít nói, ít cười, ….**  - Ông đau đáu **nhớ về cái làng** của mình da diết, lúc nào cũng nghĩ về nó. Ông **khoe** nó đẹp và có tinh thần kháng chiến. Khi **nói về làng, ông vui náo nức đến lạ thường**, hai con mắt sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển hoạt động.   * Tình cảm yêu làng của ông là **tình cảm mang tính truyền thống của người dân Việt**: gắn bó sâu nặng, tự hào và kiêu hãnh về nơi mình sinh ra và lớn lên.   - Phải đi tản cư nhưng ông rất muốn ở lại cùng anh em đào hào đắp ụ, tham gia KC.   * Điều này cho thấy ông là người nông dân **giác ngộ CM**, yêu nước, yêu kháng chiến, lúc này ở ông Hai tình yêu làng hòa quyện với tình yêu nước.   - Ở nơi tản cư: ông vẫn luôn **quan tâm đến tình hình chiến sự** và trước những tin chiến thắng của quân ta. Ruột gan ông cứ náo cả lên.   * Đó chính là **tình cảm mộc mạc, chân thành** của lão nông yêu nước, vui buồn trước vận mệnh của dân tộc. |
| **2. Khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc** | |
| **a. Lúc mới nghe cái tin** | - Ông Hai **sững sờ** *“Cổ ông Hai nghẹ ắng lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được”.*  - Khi trấn tĩnh được phần nào, ông còn **cố chưa tin** cái tin ấy mà hỏi lại rằng *“Liệu có thật không hở bác. Hay là chỉ lại…”*  - Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ vừa ở dưới xuôi lên làm ông không thể không tin. Vì quá xấu hổ, ông Hai chẹp miệng, cười nhạt, vờ vờ lảng đi chỗ khác rồi đi thẳng.   * Niềm tự hào về làng bị sụp đổ tan tành. |
| **b. Trên đường về nhà** | - Tâm trí ông Hai chỉ còn có **cái tin dữ ấy xâm chiếm**, nó thành một **nỗi ám ảnh day dứt**. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông *“cúi gằm mặt xuống mà đi”* 🡪 **xấu hổ, nhục nhã** |
| **c. Về đến nhà** | - Ông nằm vật ra giường, rồi **tủi thân, đau đớn, thương mình, thương con**. Khi nhìn đàn con, nước mắt ông lão cứ dào ra *“Chúng cũng là trẻ con làng Việt Gian đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu*”. Rồi ông rít lên, hàng loạt những câu hỏi suy nghĩ trong đầu thông qua các lời độc thoại nội tâm hết sức sâu sắc đầy chua xót.  - Càng yêu làng bao nhiêu ông càng **căm giận bọn Việt gian ở làng** bấy nhiêu, ông nắm chặt hai tay rít lên *“Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.*  - Niềm tin bị phản bội, những **mối nghi ngờ bùng lên và giằng xé trong ông**: *" ông kiểm điểm từng người trong óc".*  - Mãi tới khuya, ông Hai vẫn nằm rũ trên giường, **trằn trọc không sao ngủ được**, còn gắt lên khi bà Hai có ý hỏi về chuyện của làng.   * Bao nhiêu điều tự hào về quê hương như sụp đổ trong tâm hồn người nông dân rất mực yêu quê hương ấy. Ông **cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước** theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy. |
| **d.Những ngày sau đó** | - Ông chẳng dám đi đến đâu, chỉ ru rú ở xó nhà, nghe ngóng binh tình thế nào. Hễ thấy một đám ông tụm lại, hễ nghe những từ Tây, Việt Gian, cam nhông, ông lại nghĩ người ta đang nhớ tới chuyện ấy rồi.  - Ông lủi vào góc nhà, nín thin thít, hành động cho thấy **từ nỗi tủi nhục đã chuyển thành sự sợ hãi, ám ảnh.**   * Tình yêu làng của ông Hai thật cảm động, bản thân ông không phải Việt gian bán nước, nhưng ông lại thấy tủi nhục, xấu hổ, ám ảnh, đau đớn. Chính bởi vì đối với ông cái làng ấy đã trở thành máu thịt, ông đã coi làng với mình như một, danh dự của làng cũng là danh dự của mình. |
| **e. Khi mụ chủ nhà có ý đuổi đi** | **- Đây là tình huống khiến mâu thuẫn trong nội tâm ông Hai được đẩy lên đỉnh điểm và đặt ông giữa hai lựa chọn:**  + Đi nơi khác, nhưng ông phân vân: Đi đâu bây giờ, khắp nơi người ta đều không chứa những người Việt Gian bán nước  + Về làng: ý nghĩ đó thoáng qua, lập tức ông gạt đi ngay bởi về làng lúc này là từ bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ   * Điều này đã thể hiện tâm trạng **đau đớn, bế tắc** của ông Hai. (sự bế tăc này cũng bộc lộ tình yêu làng, yêu nước, ông khó chọn lựa, không thể chọn lựa một trong hai bởi trong ông tình yêu làng, yêu nước đã hòa làm một)   + Cuối cùng, ông quyết định *“Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mât rồi thì phải thù”*   * Với quyết định này, nhà văn Kim Lân đã khẳng định từ tình yêu làng đến tình yêu nước là một quá trình phát triển hết sức tự nhiên chân thực mà **tình yêu nước đã rộng lớn, bao trùm, chi phối mọi thứ tình cảm khác** trong nhân vật Ông Hai. |
| **g. Khi tâm sự cùng đứa con út** | - Ông nói với con nhưng cũng chính là lời **tự nhủ với mình, tự giãi bày nỗi lòng mình**, ta thấy rõ ở ông Hai:   * Tình yêu sâu nặng với cái làng Chợ Dầu. Ông cũng muốn đứa con nhỏ khắc ghi *“Nhà ta ở làng Chợ Dậu”,* nơi mà nó sinh ra và thuộc về. * Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là cụ Hồ: *“Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm”.* * Niềm tin tưởng vào sự công bằng của cách mạng với những người có tấm lòng kháng chiến như ông: *“Cụ Hồ trên đầu, trên cổ bố soi xét cho bố con ông”*. * Tấm lòng tin tưởng, trung thành ấy bền vững tới mức *“Chết thì chết có bao giờ dám sai đơn”.*   - Tiếp theo, đoạn văn đối thoại nhưng lại thiên về độc thoại, ông nói với con như để ngỏ lòng mình, vơi bớt những nỗi buồn dằn vặt. Những điều ông nói với con chỉ xoay quanh hai điều: làng-nước. Lời ông nói với con trẻ cũng là những lời gan ruột. Tìm được tiếng nói đồng cảm, nước mắt ông chảy ròng ròng. Nỗi đau của ông thật đáng trân trọng.   * Lời nói với con trai vừa để giãi bày, vừa để minh oan cho mình, qua đó ta thấy ông Hai **nhớ làng, yêu làng tha thiết và một lòng một dạ sắt son theo cách mạng, theo cụ Hồ**. Tâm sự với con, ông cũng muốn truyền cho con, cho thế hệ sau tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, nhân bản nhất của con người: Tình yêu làng và yêu nước. |
| **3. Khi tin đồn làng Chợ Dầu theo giặc được cải chính.** | - Ông Hai thay đổi khác hẳn, ông như vừa **được hồi sinh**: “*Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui rạng rỡ, mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ hấp háy*”. “*Ông gọi bọn trẻ lại, vội vã chia quà cho chúng như chia sẻ niềm vui”*  - Ông lại sang bên gian bác Thứ, ông còn **chạy đi khắp nơi khoe cái tin** “*Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ, đốt nhẵn*” và cải chính cái tin làng Chợ Dầu Việt Gian theo giặc.  - Tối đó, ông lại sang bên bác Thứ **kể chuyện làng mình chống giặc**, ông kể tường tận, chi tiết, tỉ mỉ như chính ông vừa tham gia trận đánh đó vậy.  - Kim Lân thật thú vị khi để nhân vật của mình **hành động một cách vô lí**: sung sướng khoe nhà bị Tây đốt. Bởi lẽ, đó là minh chứng hùng hồn nhất để khẳng định tình yêu nước, cũng là minh chứng khẳng định bản thân mình, làng mình không việt gian theo giặc, mà đã dũng cảm chống lại quân thù dù phải chịu bao tổn thất. Đoạn văn đã cho thấy vì quê hương, đất nước, người dân sẵn sàng hi sinh, cống hiến tất cả. Ngọn lửa hung tàn đã thiêu rụi làng ông, nhà ông nhưng lại hồi sinh trong ông một ngọn lửa khác, ngọn lửa của tình yêu, niềm tự hào về làng, một chi tiết thật cảm động, sâu sắc.   * Bằng NT khắc họa tâm lí nhân vật qua phần kết truyện, Kim Lân đã khẳng định nét chuyển biến mới trong đời sống nhân vật ông Hai nói riêng, và trong người nông dân Việt Nam nói chung thời kì đầu kháng chiến: **yêu làng, yêu nước, có tinh thần cách mạng,** và đặc biệt họ đã hòa quyện những tình yêu đó, biết gắn vận mệnh của mình với vận mệnh toàn dân tộc. |
| CKL: Như vậy, bằng chính nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo, miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc và qua ngôn ngữ đậm chất nông dân, những lời độc thoại và độc thoại nội tâm nhà văn đã khắc học thành công những vẻ đẹp của nhân vật ông Hai, đó chính là hình tượng tiêu biểu cho vẻ đẹp của người nông dân thời kì đầu kháng chiến. | |

**BÀI 2: LẶNG LẼ SAPA**

**-Nguyễn Thành Long-**

**A/ KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | -Nguyễn Thành Long (1925-1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kháng chiến chống Pháp, là cây bút chuyên về truyện ngắn và ký.  - Là một trong những cây bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi cách mạng nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.  - Tác phẩm của ông tập trung vào hai đề tài lớn: cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân liên khu 5 và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.  ***- Phong cách sáng tác:*** Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long nhẹ nhàng, tình cảm, thường pha chút chất kí; ngôn ngữ trong sáng, giàu chất thơ và luôn xây dựng được những nhân vật mang tính hình tượng. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Truyện ngắn được viết năm 1970, đây là thời kì miền Bắc tiến lên xây dựng XHCN. Nó còn là kết quả của **chuyến đi thực tế lên Lào Cai** của tác giả. |
| ***Xuất xứ*** | Truyện trích từ tập **“Giữa trong xanh” in năm 1972.** |
| ***Thể loại*** | **Truyện ngắn** |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan đề “Lặng lẽ Sapa” là một nhan đề **giàu chất thơ và nhiều ý nghĩa**  **- Tính từ “lặng lẽ” được đảo lên trước danh từ Sapa:**  + Nó **nhấn mạnh vẻ thơ mộng, yên tĩnh của thị trấn Sapa**, nơi mà nhắc tới người ta thường nghĩ tới chuyện nghỉ ngơi, thư giãn.  + Tính từ “lặng lẽ” còn để chỉ tới công việc của mỗi người nơi đây, họ đang **âm thầm, lặng lẽ, miệt mài, cống hiến** tuổi trẻ và sức lao động cho quê hương, đất nước.  =>Tuy nhiên, điều tác giả khám phá ra là Sapa lặng lẽ mà không hề lặng lẽ chút nào. Bởi ở đó, **đằng sau vẻ yên tĩnh là tinh thần hăng say, khẩn trương lao động** của những con người giàu lòng nhiệt huyết, cống hiến cho quê hương, đất nước. Công việc của họ có âm thầm, lặng lẽ nhưng lại có ý nghĩa lớn lao. Nhân đề dã gợi ra ý nghĩa triết lí sâu sắc ấy.  **-** Nhan đề đã góp phần thể hiện chủ đề tác phẩm: **ca ngợi những con người lao động bình thường mà cao cả**, tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng một mình trên đình núi cao. nghĩ như vậy cho đất nước.” |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu...*cô độc nhất thế gian*): **Anh thanh niên qua lời kể của bác lái xe.**  - Phần 2 (tiếp...*có vật gì như thế*): **Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên, bác hoạ sĩ và cô kỹ sư.**  - Phần 3 (còn lại): **Cuộc chia tay giữa ba nhân vật.** |
| ***Tóm tắt*** | Xe tới chân đỉnh Yên Sơn, bác lái xe dừng lại, giới thiệu với ông hoạ sĩ già và cô kỹ sư trẻ một anh thanh niên làm công tác khí tượng và vật lý địa cầu sống một mình trên núi. Trong cuộc gặp gỡ 30 phút ngắn ngủi, anh thanh niên kể về công việc của mình, công việc đơn giản nhưng gian khổ và cô đơn. Anh đã bộc lộ những suy nghĩ đúng đắn về công việc và cuộc đời. Khi ong hoạ sĩ định vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác mà anh cho là đáng vẽ hơn như ông kỹ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét. Những điều khám phá được ở anh thanh niên làm cho người khách vô cùng xúc động. Khi họ trở về, anh còn tặng cô gái một bó hoa và tặng bác già một làn trứng ăn đường. |
| ***Tình huống truyện*** | - Tình huống đơn giản, nhẹ nhàng mà sâu sắc của truyện “Lặng lẽ Sapa” là **cuộc gặp gỡ tình cờ** của anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn với bác lái xe, ông họa sĩ và cô kĩ sư.  **\* Tác dụng:**  -Tình huống này là cơ hội thuận tiện để tác giả **khắc họa bức chân dung nhân vật chính một cách tự nhiên, hợp lí, chân thực.**  - Tuy nhiên nó cũng là một thử thách cho ngòi bút của tác giả, bởi phải làm nổi bật phẩm chất của nhân vật chính chỉ gói trọn trong một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi khoảng 30’, cái khó làm **bộc lộ cái tài của Thành Long** khi đã thành công với nhân vật này.  - Tình huống đã góp phần **thể hiện chủ đề của tác phẩm**, ca ngợi người lao động bình thường đang ngày đêm âm thầm cống hiến tuổi trẻ, sức lực cho quê hương, đất nước. |
| ***Ngôi kể*** | -Truyện được kể ở **ngôi thứ 3**  - Tác dụng: Câu chuyện trở nên **khách quan, các nhân vật được hiện lên sinh động** từ ngoại hình, lời nói đến suy nghĩ. |
| ***Điểm nhìn trần thuật*** | - **Điểm nhìn của ông họa sĩ.**  **-** Tác dụng: tạo điều kiện **nổi bật chất trữ tình,** đặc biệt làm **nổi bật anh thanh niên** thông qua quan sát và suy nghĩ của ông - một người làm nghệ thuật và nhiều từng trải. |
| ***Chủ đề*** | Thông qua cuộc gặp gỡ giữa bốn nhân vật, ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ, bác lái xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn giữa núi rừng Lào Cai, tác giả **ca ngợi những con người lao động bình thường âm thầm lặng lẽ cống hiến công sức của mình cho công cuộc xây dựng XHCN và thống nhất đất nước.** |
| ***Giá trị nội dung*** | Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khắc hoạ thành công hình ảnh những người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa những công việc thầm lặng. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Truyện đặc biệt thành công ở tình huống truyện đơn giản, tự nhiên, chất thơ trong trẻo, nhẹ nhàng, cảm nhận thiên nhiên và khắc họa tâm lí nhân vật tinh tế, có sự kết hợp giữa tự sự, miêu tả, biểu cảm và bình luận. |

**B/ ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Nhân vật anh thanh niên được nhà văn Nguyễn Thành Long khắc họa rõ nét trong tác phẩm “Lặng lẽ SaPa”.** | |
| **Hoàn cảnh sống và công việc** | - Anh sống **một mình** trên **đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m**, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, thèm người, nhớ người.   * một **hoàn cảnh thật đặc biệt.**   - Nhân vật chính trong truyện **làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu**. Công việc của anh là: *“đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu*”.   * Công việc **ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao** (nửa đêm đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc đã quy định). |
| **Những nét đẹp trong công việc, cách sống và trong tính cách** | |
| ***a. Trong công việc, anh thanh niên là một người yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm cao*** | - Một người yêu nghề, dám chấp nhận hi sinh:  + **Chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt:** trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.  + **Coi công việc như một người bạn**: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?...Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất".  + **Tìm thấy những ý nghĩa trong công việc**: "báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu".  + **Tự hào và hạnh phúc** bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng.  - Có **tinh thần trách nhiệm cao** trong công việc:  + Làm việc một mình trên đỉnh núi cao, không có ai dám sát xong anh vẫn **luôn tự giác, tận tụy**: Mỗi ngày đều bốn lần đi "ốp" để báo về nhà, không ngần ngại những đêm mưa tuyết,...  + Tác phong **làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng giờ giấc** và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút.  + Anh luôn **hoàn thành xuất sắc công việc** của mình.   * Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.   - Qua mục đích công việc, ta thấy anh là người có lí tưởng sống cao đẹp:  + Anh thường tự hỏi: “Mình sinh ra là gì? Mình đẻ ở đâu? Mình vì ai mà làm việc?”. Câu hỏi như ngầm định hướng suy nghĩ: Mình sinh ra là người Việt Nam, sinh ra ở mảnh đất SaPa này, mình vì mọi người, vì nhân dân mà làm việc. Lí tưởng sống của anh chính là: mình làm việc vì mọi người, vì quê hương đất nước.  🡺Anh thanh niên là người yêu công việc, có lí tưởng sống và có nghị lực vượt khó khiến ta thêm yêu, thêm quí trọng và anh chính là đại diện tiêu biểu cho lớp thanh niên mới:  *“Đâu cần thanh niên có*  *Đâu khó có thanh niên”* |
| **b) Nếp sống đẹp** | - Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống của mình bằng việc **trồng đủ các loài hoa** rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở; **nuôi gà, nuôi ong** để làm giàu nguồn lương thực cho mình.  - Anh còn luôn tự trau dồi bản thân bằng cách **đọc sách**, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.  - Không chỉ sắp xếp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học, mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật **gọn gàng, ngăn nắp** : Một căn nhà ba gian sạch sẽ khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ.   * Tinh thần lạc quan đã làm điểm tựa vững bền giúp anh chủ động vượt lên hoàn cảnh còn nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần và tìm được niềm vui , ý nghĩa của cuộc sống. |
| **c) Trong tính cách** | |
| **- Anh là một con người chân thành, cởi mở và hiếu khách** | + **Đối với bác lái xe**: anh chu đáo nhớ cả việc vợ bác mới ốm dậy để gửi củ tam thất làm quà bồi bổ sức khỏe  + **Với những người bạn mới** quen như ông họa sĩ, và cô kĩ sư: anh vui mừng đến luống cuống mời họ vào nhà, trò chuyện cởi mở, chân thành, bó hoa mới cắt, làn trứng làm quà 🡪 tình cảm chân thành, hồn nhiên cảm động.  + Là người sống giàu tình cảm, anh khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người, anh **“thèm người**”, đã có lúc anh băn khoăn tự hỏi đó có phải là sự nhớ nhung luyến tiếc chốn phồn hoa đô hội? Anh dùng một phép thử để khẳng định đó là nỗi khao khát tình người đúng như Tố Hữu nói  “*Có gì đẹp trên đời hơn thế*  *Người với người sống để yêu nhau”*   * Nỗi thèm người của anh thật giàu tính nhân văn, thật đáng trân trọng. |
| **- Anh còn là một người khiêm tốn** | - Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho **những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác.**  - Khi ông họa sĩ xin ký họa chân dung, anh từ chối, e ngại: *"Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đánh cho bác vẽ hơn".* |
| **CKL:** Như vậy, bằng cách xây dựng tình huống truyện đơn giản, tự nhiên, chất thơ trong trẻo, nhẹ nhàng, cảm nhận thiên nhiên và khắc họa tâm lí nhân vật tinh tế, nhà văn đã làm nổi bật vẻ đẹp của anh thanh niên, đại diện cho vẻ đẹp của những con người lao động trong thời kì mới xây dựng XHCN. | |
| **2. Nhân vật ông họa sĩ** | |
| **a. Vai trò** | Truyện kể ngôi thứ 3, nhưng **điểm nhìn trần thuật chủ yếu từ ông họa sĩ.** Chính những suy nghĩ của ông họa sĩ đã góp phần **làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của anh thanh niên** và đồng thời**, chiều sâu tư tưởng của truyện** được thực hiện. |
| **b. Đặc điểm** | - Một người nghệ sĩ chân chính:  + Ông coi ngòi bút như một quả tim nữa của mình và **suốt đời ông mải miết đi tìm cái đẹp đưa nó vào trong trang vẽ:**  + Ngay từ phút đầu gặp gỡ bằng trái tim nhạy cảm, bằng sự từng trải nghệ thuật và bằng khao khát nghệ thuật, khao khát cái đi tìm cái đẹp trong cuộc đời. Ông đã **nhận ra vẻ đẹp từ tâm hồn anh thanh niên và ông thật sự cảm thấy bối rối, thấy “nhọc” sức để thể hiện** hết được vẻ đẹp của anh thanh niên trong trang vẽ.  + Từ ông ta thấy mục **đích chân chính của người làm nghệ thuật đó là tìm ra cái đẹp tiềm ẩn trong cuộc sống và ca ngợi vẻ đẹp của cuộc sống.** Ý nghĩa của nghệ thuật là làm cho cuộc đời này đẹp hơn. |
| **3. Nhân vật cô kĩ sư** | |
| **a. Vai trò** | Những tình cảm, những suy nghĩ, tấm lòng biết ơn mà cô dành cho anh thanh nhiên đã **góp phần tô đậm hơn vẻ đẹp bức chân dung nhân vật chính và làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của tác phẩm.** |
| **b. Đặc điểm** | - Cô là kĩ sư trẻ **mới ra trường, hăng hái xung phong lên Lào Cai nhận công tác**, vừa mới bước qua cuộc đời sinh viên chật hẹp, dám từ bỏ chốn phồn hoa đô hội và một mối tình đơn điệu, tẻ nhạt.  - Cô đang bước vào một cuộc sống mới gian truân, vất vả nhưng thật cao đẹp đáng tự hào. Gặp anh thanh niên, 1 người yêu đời, yêu công việc, có lí tưởng sống đẹp. Phong cách, lối sống của anh đã tỏa sáng, truyền cho cô một sức mạnh, niềm tin để cô thêm vững bước về con đường mình đã chọn. Cô biết ơn anh không chỉ vì bó hoa đẹp anh đã tặng mà còn bởi anh đã thắp lên trong cô những tình cảm lớn lao, đẹp đẽ, tình yêu cuộc sống, yêu lao động, yêu con người.  🡪 Nhân vật cô kĩ sư **đẹp như bó hoa** cô cầm trên tay |
| **4. Nhân vật bác lái xe** | |
| **a. Vai trò** | Bác là người trực tiếp **giúp nhân vật chính xuất hiện.** |
| **b. Đặc điểm** | - Bác lái xe là người **tốt bụng, vui tính, cởi mở** như 1 người dẫn truyện khó quên.  - Qua lời giới thiệu của bác, câu chuyện của anh thanh niên dần được hé mở. Bằng những lời kể của mình, bác **khơi gợi sự tò mò của ông họa sĩ và cô kĩ sư về anh thanh niên.** |
| **5. Các nhân vật phụ khác** | |
| **a. Vai trò** | - Góp phần **làm nổi bật nhân vật chính**  - Góp phần **làm sáng tỏ tư tưởng, chủ đề của tác phẩm** |
| **b. Đặc điểm** | - **Ông kĩ sư vườn rau** dưới Sa Pa, ngồi rình cách ong lấy mật rồi tự tay thụ phấn cho hàng vạn cây su hào để hạt giống làm ra tốt hơn, su hào miền Bắc to ngọt hơn...  - **Anh kĩ sư nghiên cứu bản đồ sét**, “đã 11 năm không 1 ngày xa cơ quan”, luôn trong “tư thế sẵn sàng, suốt ngày chờ sét” để lập bản đồ tìm ra tài nguyên trong lòng đất.  - **Anh bạn trên trạm đỉnh Phan xi păng 3142 m**...  🡪Những con người lao động **say mê, cống hiến thầm lặng** cho quê hương, đất nước. |
| **5. Tại sao các nhân vật trong truyện không được gọi tên cụ thể** | Trong Lặng lẽ Sa Pa, tất cả các nhân vật đều không được đặt tên cụ thể, họ được **gọi theo lửa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, mang tính chung, tính đại diện**. Đó là một dụng ý của Nguyễn Thành Long, bởi vì:  + Các nhân vật anh thanh niên, cô kĩ sư, ông họa sĩ, ..... là **những con người bình thường, bình dị trong cuộc sống** mà mỗi chúng ta đều có thể bắt gặp họ ở bất cứ đâu trên đất nước này  + Vẻ đẹp của họ là **vẻ đẹp thầm lặng, không ồn ào**. Họ là những hình ảnh tiêu biểu cho mọi thế hệ, mọi ngành nghề của con người Việt Nam trong thời kì ấy.  + Cách đặt tên nhân vật trong tác phẩm là 1 sáng tạo nghệ thuật đặc sắc giàu ý nghĩa **góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm**: tác giả không định viết về 1 con người cụ thể nào. Điều ông gửi gắm ở đây là hình ảnh những con người lao động ở khắp các lĩnh vực trên mọi miền đất nước. Họ đã và đang thầm lặng cống hiến sức lực tài năng, tuổi trẻ của mình cho công cuộc xây dựng đất nc. Bác lái xe, ông hoạ sĩ, cô kĩ sư, anh thanh niên,... những con người ta chỉ biết đến qua tuổi tác, công việc. Họ đều là những con ng sống có lí tưởng, hoài bão lớn lao: biết sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình. |
| **HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU CHO VẺ ĐẸP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG THỜI KÌ XÂY DỰNG CNXH** | |
| **6. Chất trữ tình là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn và góp vào thành công của truyện ngắn "*Lặng lẽ Sa Pa"*** | |
| **a) Chất trữ tình toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đầy thơ mộng của Sapa** | - Sa Pa bắt đầu với những chặng đào. Và với những đàn bò lang cổ có đeo chuông ở các đồng cỏ trong thung lũng hai bên đường.  - Đó là nơi núi cao, thác đổ trắng xoá, với mây, nắng, sương đều rất lạ.  - Nắng bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng.  - Cây hoa tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.  - Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.   * Bằng vài nét chấm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, so sánh, tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình, mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước. * Cảnh thiên nhiên hiện lên đẹp như những bức tranh, đẹp đến hai lần - cái đẹp tự nhiên của nó và cái đẹp qua tâm hồn người nghệ sỹ, hoạ sỹ. * Thiên nhiên đẹp làm nền tôn thêm vẻ đẹp con người nơi đây. Những đỉnh Yên Sơn, Phan - xi - păng cao vòi vọi gợi nghĩ tới những con người ở tầm cao của sự cống hiến và hy sinh. *Cái hừng hực* của nắng, của gió gợi đến nhiệt huyết hừng hực cháy của con người lao động nơi đây. Thiên nhiên thơ mộng, trong sáng như tâm hồn những con người ở Sa Pa trong sáng, mộng mơ. |
| **b) Chất trữ tình hiện lên từ nhân vật** | - Những con người tưởng như bình dị nhưng càng đọc, càng hiểu, càng thấy thế giới nội tâm của họ thật sâu sắc và cao đẹp. Mặc dù họ bước vào trang văn từ đời sống hiện thực nhưng dưới ngòi bút của nhà văn họ hiện lên thật đẹp. Câu chuyện và chân dung của họ thật nên thơ. Một anh thanh niên 27 tuổi sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn 2600m quanh năm mây mù, sống một đời sống giản đơn nhưng thật thi vị với thú vui trồng hoa, nuôi gà, đọc sách. Đẹp hơn nữa chính là tình yêu và niềm hạnh phúc anh dành cho công việc khí tượng kiêm vật lý địa cầu (phân tích thêm các nhân vật khác) |
| **b) Chất trữ tình hiện lên từ cốt truyện** | - 1 cuộc gặp gỡ tình cờ mà đầy dư vị, cảm xúc ngọt ngào trong lòng mỗi người. Từ vẻ đẹp đáng mến, chân thật, đáng khâm phục của người thanh niên, từ những tình cảm trong trẻo nảy nở trong lòng cô kĩ sư, ông họa sĩ, từ tình bạn thân mật giữa anh thanh niên và bác lái xe, từ chủ đề của rtuyện ca ngợi vẻ đẹp của những con người lao động bình dị, vẻ đẹp cuộc đời  Lặng lẽ Sapa là một truyện ngắn hay, đậm chất thơ, một thông điệp kín đáo mà sâu sắc rất tiêu biểu trong phong cách Nguyễn Thành Long. |

**BÀI 3: CHIẾC LƯỢC NGÀ**

**- Nguyễn Quang Sáng-**

**A/ KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Quang Sáng, quê Chợ Mới, An Giang  - Là chiến sĩ, là nhà văn suốt 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, bắt đầu sáng tác năm 1954.  - ***Phong cách sáng tác:*** Các sáng tác của ông thường là về cuộc sống và con người Nam Bộ. Truyện ông thường có cốt truyện và lựa chọn các tình huống hết sức đặc sắc và giàu kịch tính. Truyện ngắn của ông thường rất giản dị vừa hiện đại và có âm hưởng. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Truyện được sáng tác năm **1966, thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt. Lúc này tác giả đang tham gia chiến đấu ở chiến trường Nam bộ.** |
| ***Xuất xứ*** | Tác phẩm được in trong tập truyện cùng tên sau.  Văn bản được trích từ **phần giữa của truyện “Chiếc lược ngà”.** |
| ***Thể loại*** | **Truyện ngắn** |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | **-** Nhan đề “Chiếc lược ngà” là nhan đề **độc đáo, mang ý nghĩa biểu tượng.**  - Nghĩa thực: Đối với bé Thu: Chiếc lược ngà là **món quà, là kỉ vật mà ông Sáu** dồn vào đó tất cả tình yêu thương sự mong nhớ dành cho bé Thu. Chiếc lược còn **giúp ông Sáu giải tỏa phần nào nỗi lòng ân hận vì mình đã trót đánh con.**  - Nghĩa biểu tượng: Chiếc lược như **sợi dây tâm linh nối liền tình cha con ông Sáu**. Ông Sáu đã nằm lại chiến trường, nhưng chiếc lược - kỉ vật cuối cùng, biểu tượng cho tình yêu ông dành cho con đã được trao tận tay cho bé Thu. Chiếc lược còn là **nhân chứng đầy đau thương, mất mát của chiến tranh**, đồng thời cũng là nhân chứng **khẳng định về sự trường tồn bất diệt của những tình cảm** nhân văn trong con người.   * Qua hình tượng chiếc lược ngà, truyện khẳng định: **tình phụ tử đơn sơ, mộc mạc mà thiêng liêng bất diệt, nhất là trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh**. Đó là lí do “Chiếc lược ngà” được đặt tên cho tác phẩm và sau này đặt tên cho tập truyện. |
| ***Bố cục***  2 phần | - Phần 1 (từ đầu...*tụt xuống*): Tình cảm của anh Sáu và bé Thu trong ba ngày anh được nghỉ phép.  - Phần 2 (còn lại): Ở khu căn cứ, anh Sáu làm chiếc lược ngà tặng con. |
| ***Tóm tắt*** | Truyện kể về gia đình bé Thu, cha của bé là anh Sáu đi kháng chiến xa nhà. Cho đến tận năm bé 8 tuổi, anh mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu không nhận cha vì vết thẹo trên mặt làm cho cha không giống trong bức hình chụp chung với má của bé. Chính vì thế, em đối xử với cha như người xa lạ, luôn né tránh cha. Cho đến khi bé Thu nhận ra cha thì cũng đến lúc anh Sáu phải lên đường. Tại căn cứ, anh Sáu dồn hết công sức làm cho con gái mình một chiếc lược bằng ngà voi. Nhưng đáng tiếc, trong một trận càn, anh đã hi sinh, trước lúc nhắm mắt, anh vẫn kịp trao cây lược ngà cho người bạn chiến đấu để gửi cho con gái. |
| ***Tình huống truyện*** | **- Truyện có hai tình huống:**  + TH 1: Hai cha con gặp nhau sau 8 năm xa cách nhưng thật trớ trêu, bé Thu nhất định không chịu nhận ba. Đến lúc em nhận ba và biểu lộ tình cảm thắm thiết với ba mình thì là lúc ông Sáu phải trở lại chiến trường. Đây là tình huống cơ bản của truyện. **Tình huống này bộc lộ tình cảm sâu sắc của bé Thu với ba.**  + TH 2: Ở khu căn cứ, xa con, ông Sáu dồn cả tình yêu thương và sự mong nhớ đứa con vào tiệc làm một cây lược bằng ngà voi để tặng cho con gái. Nhưng thật trớ trêu, khi chưa kịp trao tận tay món quà ấy cho con thì ông Sáu đã hi sinh. **Tình huống này bộc lộ tình cảm yêu thương tha thiết của người cha với con gái.**  => Qua hai tình huống truyện, tác phẩm thể hiện tình phụ tử sâu sắc, mãnh liệt, bất tử, vượt qua mọi thử thách của chiến tranh. |
| ***Ngôi kể và điểm nhìn trần thuật*** | - Truyện được kể ở ngôi thứ nhất, người kể xưng tôi. Đó là bác Ba, bạn thân của ông Sáu, người chứng kiến câu chuyện từ đầu tới cuối. Điểm nhìn trần thuật cũng xuất phát từ điểm nìn của bác Ba.  **- Tác dụng:**  + Làm câu chuyện trở nên **chân thực, đáng tin cậy**  + Người kể có thể **dễ dàng tái hiện cảm xúc, diễn biến tâm lí của nhân vật** chính cũng như của những người xung quanh.  + Người kể có thể **tùy ý xen vào những suy nghĩ những bình luận** về tình phụ tử cao đẹp. |
| ***Chủ đề*** | Diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu. Từ đó khẳng **định tình phụ tử đơn sơ, mộc mạc mà thiêng liêng bất diệt, nhất là trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh**. |
| ***Giá trị nội dung*** | Truyện đã thể hiện tình cha con cảm động, sâu nặng và bất tử trong hoàn cảnh éo le của chiến trông |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo, sự am hiểu tâm lí nhân vật, nhất là bé Thu, cách lựa chọn ngôi kể thích hợp. |

**B/ KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**



|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tình cảm sâu nặng của ông Sáu dành cho bé Thu được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện rõ nét trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”.** | |
| **a) Lúc ở chiến khu, trong 8 năm xa cách** | - Ông Sáu nhớ thương con vô cùng, tất cả tình **yêu thương chất chứa**, ông chỉ được ngắm con qua bức ảnh.  - Ông luôn **khao khát được gặp con**, rất nhiều lần ông giục vợ đưa con lên thăm mình nhưng điều kiện chiến tranh không cho phép.  🡪Khi về phép, cái tình người cha cứ **nôn nao** trong lòng ông. |
| **b) Ở bến xuồng** | - khi xuồng chưa cập bến, nhìn thấy đứa bé gần độ tuổi đang chơi trên bờ, linh tính mách bảo đó là con gái, ông vội vàng nhún chân nhảy thót lên kêu to *“Thu! con”* . **Thái độ và hành động vội vã, hấp tấp đủ thấy ông mong mỏi giây phút này đến nhường nào.**  - Ông khom người đưa tay đón chờ con, vết sẹo dài trên má lại đỏ ửng lên giần giật, ông run run cất tiếng gọi con: *“Ba đây con! Ba đây con!”.* **Điều ấy chứng tỏ ông đang vô cùng xúc động.**  - Vậy mà ông đành đứng sững lại nhìn con bé (con bé hoảng hốt từ chối ông). Ông đứng đó bất ngờ, hụt hẫng, nỗi đau khiến mặt ông sầm lại trông thật đáng thương, hai tay buông xuống như bị gãy. Rõ ràng tâm trạng đau khổ hiện lên, càng cho thấy **nỗi lòng của một người cha yêu con nhưng lại không được con chấp nhận.** |
| **c) Trong ba ngày phép** | - Ông Sáu **tìm mọi cách để xích lại gần con**; nhưng càng vỗ về, yêu thương, nó càng xa lánh, lẩn tránh.  - Ông **khao khát được con gọi một tiếng “ba”.** Thậm chí đã dồn nó vào thế bí nhưng nó kiên quyết không gọi. Sự ương ngạnh, cứng đầu của con bé khiến ông chỉ biết cười trừ, đó là nụ cười của sự khổ tâm, thất vọng.  - Trong bữa ăn, ông Sáu gắp cái trứng cá to vàng vào chén cho con. Nhưng thật bất ngờ, bé Thu đã hất cái trứng cá ra mâm. Ông Sáu như bị dội một gáo nước lạnh. Nỗi đau đớn, thất vọng đã chuyển thành cơn giận, ông Sáu vung tay đánh con gái.   * **Tình yêu con chất chứa đã không được con đáp lại khiến ông Sáu hụt hẫng đau khổ đến tột cùng.** |
| **d) Trong giờ phút chia tay** | - Trong giờ phút không ngời tới, **bất ngờ được đón nhận tình yêu thương của con, được con gọi tiếng “ba” đầy thương nhớ**, ông Sáu không thể nén được **xúc động.** **Những giọt nước mắt của hạnh phúc** lăn dài trên đôi má của một người cha, một người lính thật đáng trân trọng.  - Đễ dỗ dành con, ông **hứa sẽ mua cho con một cây lược.** |
| **e) Những ngày ở khu căn cứ** | - Ông luôn **thương nhớ** con và **ân hận vì mình đã lỡ đánh con**.  - Ông dồn tất cả tình thương yêu vào việc **làm cho con một cây lược ngà** như đã hứa  + Khi tìm được một khúc ngà: *“mặt ông hớn hở như một đứa trẻ được nhận quà”*  + Ông thận trọng, tỉ mỉ cưa từng chiếc răng lược *“như một người thợ bạc”.*  **🡪 Hình ảnh so sánh đó đã thể hiện tình yêu thương sâu sắc ông Sáu dành cho con.**  + Ông còn gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét chữ: *“Yêu nhớ tặng Thu, con của ba”*  + Mỗi khi nhớ con, ông Sáu lấy chiếc lược ra ngắm nghía rồi lại mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt.   * **Phải chăng tình yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân khéo léo, tài ba. Chiếc lược ngà ấy dù chưa chải được mái tóc của con thế nhưng đã gỡ rối được phần nào tâm trạng của người cha .** |
| **g) Trước lúc hi sinh** | - Trong một trận càn của địch, ông Sáu đã bị thương và hi sinh khi chưa kịp trao cây lược cho con gái.  - Trong những giờ phút cuối cùng, không còn sức để trăng trối lại điều gì, ông **dồn chút hơi thở cuối cùng móc cây lược đưa cho bác Ba với một cái nhìn thiết tha gửi gắm.**  - Chỉ khi nhận được lời hứa *“Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu”* của bác Ba, ông Sáu mới yên tâm nhắm mắt đi xuôi.   * Cái chết của ông Sáu như một lời khẳng định: Bom đạn chiến tranh có thể tàn phá của cải, vật chất, có thể cướp đi sinh mạng con người, nhưng **không thể nào làm mất đi tình phụ tử thiêng liêng.** |
| **CKL:** Như vậy, bằng cách sử dụng nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế cùng lối kể chuyện tự nhiên, tác phẩm đã làm nổi bật tình cảm của ông Sáu dành cho con, đó chính là tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. | |
| **2. Tình cảm của bé Thu dành cho ông Sáu được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện rõ nét trong tác phẩm “Chiếc lược ngà”.** | |
| **a) Khi gặp ông Sáu ở bến xuồng.** | -Nghe gọi tên mình, Thu *“Giật mình, tròn mắt nhìn”.* Nó ngơ ngác, lạ lùng, mặt tái đi vụt bỏ chạy và kêu thét lên “má, má”   * Cô bé **không dễ dàng chấp nhận** một người lạ với khuôn mặt đáng sợ lại gọi mình là con và phản ứng mạnh mẽ. |
| **b) Trong ba ngày ông Sáu nghỉ phép** | - Ông càng lại gần vỗ về, quan tâm, bé Thu càng **xa lánh.**  - Sự bướng bỉnh của Thu khiến cô bé **kiên quyết không chịu gọi một tiếng “ba”** kể cả khi bị dồn vào thế bí.  - Cái ương bướng, gan lì được bộc lộ mạnh nhất khi thu hất tung cái trứng cá mà ông Sáu gắp cho nó và ngay cả khi bị đánh nó cũng không khóc mà chỉ lẳng lặng giận dỗi bỏ sang bên bà ngoại.  🡪 Ngọn lửa nồng nàn của tình cha con bị sự xa lánh, ương ngạnh của đứa con dội gáo nước lạnh. Tuy nhiên, thái độ ương bướng quyết liệt lại là biểu hiện tuyệt vời của tình yêu cha của một cô bé cá tính. Trong nhận thức của Thu, em chỉ có một người cha duy nhất, người cha trong bức hình với má; bao nhiêu tình yêu thương mong nhớ, em dành tất cả cho người cha đó. Vì vậy, em nhất định không chịu để một ai thay thế người ba duy nhất trong trái tim em, nhất định không chịu nhận ông Sáu là cha.   * Chi tiết này đã thể hiện sự am hiểu sâu sắc tâm lí trẻ thơ của Nguyễn Quang Sáng. |
| **c. Khi sắp phải chia tay ba** | - Được bà ngoại giải thích vì sao ông Sáu khác với tấm ảnh - do bom đạn, chiến trông, do giặc Mỹ tàn ác mà ông Sáu bị thương và có vết sẹo **🡪Lòng yêu thương ba của Thu nhân lên gấp bội.**  - Đêm đó, nó nghĩ ngợi, buồn rầu thở dài, trằn trọc không ngủ  **🡪 Yêu ba, bé Thu càng kính trọng ba** bởi vì ba đã vất vả, gian khổ và có lẽ còn có cả sự **ân hận** vì mình đã đối xử không tốt với ba  - Trong giây phút chia tay, bé Thu đứng ở một góc *với “Vẻ mặt sầm lại buồn rầu”, “Đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”* => đằng sau đôi mắt xôn xao ấy là sự xáo trộn của biết bao tình cảm: **yêu thương, tự hào về ba và cả sự ân hận, nuối tiếc.**  - Trong giây phút cuối cùng, khi cả ông Sáu và mọi người đều không ngờ tới, thì bé Thu **cất tiếng gọi “ba”,** tiếng gọi như “xé” vỡ òa từ sâu thẳm tâm hồn bé bỏng của nó. Đó là tiếng gọi ba thân thương, tiếng gọi ba mà nó khao khát suốt 8 năm ròng. Thế rồi nó vừa kêu vừa chạy xô tới, dang hai tay ôm chặt lấy bao nó, rồi sợ hai tay không đủ để giữ ba, nó **câu chặt cả hai chân rồi hôn lên má, lên cổ, hôn cả vết sẹo trên mặt ba. Bé Thu òa khóc**, khóc vì thương ba, khóc vì ân hận mình đã không phải với ba, khóc vì sẽ phải chia tay ba mà không biết khi nào sẽ được gặp lại.   * Tác giả thật tinh tế khi diễn tả liên tiếp những hành động gấp gáp của bé Thu. Nó thể hiện **tình yêu cha mãnh liệt chất chứa như những lớp sóng tình cảm nay trào dâng, vỡ òa.** |
| **CKL:** Như vậy, bằng cách sử dụng nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế cùng lối kể chuyện tự nhiên, tác phẩm đã làm nổi bật tình cảm của bé Thu dành cho ba, đó chính là tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. | |
| **3. Cuộc chia tay đầy xúc động giữa ông Sáu và bé Thu được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện rõ nét trong tác phẩm “Chiếc lược ngà”.** | |
| **-** Lúc ra đi, chân ông Sáu ngập ngừng không muốn bước. Ông muốn ôm con, hôn con nhưng sợ nó lại giãy lên, bỏ chạy nên ông chỉ dám đứng nhìn nó với ánh mắt buồn rầu và khẽ tạm biệt: *“Thôi! Ba đi nghe con!”.* **Ánh mắt ông Sáu như chất chứa biết bao tình cảm yêu thương muốn dành cho con.**  - Tình cha con bất ngờ trỗi dậy trong lòng bé Thu. Nó kêu thét lên: ***“Ba”.*** Tiếng kêu như xé của nó phá tan sự im lặng, như xé cả ruột gan mọi người. Đó cũng là tiếng “ba” mà ông Sáu chờ đợi suốt tám năm ròng. Ông Sáu cứ tưởng mình sẽ chẳng bao giờ dược nghe tiếng gọi thiêng liêng ấy từ con. Với bé Thu, tiếng “ba” ấy như vỡ ra từ đáy lòng nó, tiếng “ba” mà nó dồn nén suốt bao năm nay.  - Tác giả đã sử dụng **một loạt các từ ngữ miêu tả hành động để diễn tả sự cuống quýt của bé Thu. Bé Thu đã chạy xô tới, nhảy thót lên, ôm chặt lấy ba, hôn ba cùng khắp và đặc biệt là hôn cả vết thẹo dài trên má ba.**  - Trước tình cảm của con gái, **ông Sáu vội quay đi giấu những giọt nước mắt** của niềm hạnh phúc và nỗi xót xa khi sắp phải xa con lần nữa.  - Chứng kiến cảnh chia tay đầy xúc động đó, **mọi người không cầm được nước mắt. Bác Ba cảm thấy khó thở** như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình | |
| **CKL:** Như vậy, bằng cách sử dụng nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế cùng lối kể chuyện tự nhiên, tác phẩm đã khắc họa xúc động cuộc chia tay đầy nước mắt của ông Sáu và bé Thu, qua đó thể hiện sâu sắc tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. | |

**BÀI 4: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

***Lê Minh Khuê***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Lê Minh Khuê, sinh năm 1949, quê Tĩnh Gia – Thanh Hoá  - Là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.  - Thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70.  - Sở trường: Viết về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả kinh tế, đặc sắc (đặc biệt là nhân vật nữ).  - Tác phẩm chính: Cao điểm màu hạ (1978); Đoàn kết (1980); Bi kịch nhỏ (1993); Một mình qua đường (tập truyện – 2006).  ***- Phong cách sáng tác:*** Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Truyện viết **năm 1971**, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt. Tác giả khi đó là thanh niên xung phong trên tuyến được Trường Sơn. |
| ***Thể loại*** | **Truyện ngắn** |
| ***Ý nghĩa nhan đề:*** | **- Nhan đề gợi vẻ đẹp lãng mạn, thơ mộng, mang nét đặc trưng của văn học thời kì kháng chiến chống Mĩ**  - Vừa mang nghĩa thực, vừa mang nghĩa tượng trưng:  **+ Nghĩa thực:** Những ngôi sao là hình ảnh đẹp, tự hào trên mũ trên vai người chiến sĩ; ngôi sao còn là nguồn sáng lấp lánh trên bầu trời đêm; ngôi sao trên bầu trời thành phố xuất hiện trong những cảm xúc hồn nhiên, mơ mộng của Phương Định.  **+ Nghĩa ẩn dụ:** Nhan đề còn gợi ước mơ, khát vọng về cuộc sống hòa bình. Đồng thời những ngôi sao xa xôi với ánh sáng khiêm nhường, khuất lập trong bạt ngàn núi rừng ở Trường Sơn, không phải lúc nào cũng dễ nhận ra nhưng nó có sức mê hoặc lòng người. Những ngôi sao ấy chính là biểu tượng cho phẩm chất cách mạng: dũng cảm, gan dạ, có tình đồng đội sâu sắc, đồng thời cũng là biểu tượng cho vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, mơ mộng của 3 cô gái trẻ cũng như những người thanh niên xung phong khác  **- Nhan đề góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm:** Ca ngợi cuộc sống, chiến đấu của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ. |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu cho đến “ngôi sao trên mũ”): Phương Định kể về cuộc sống của mình cùng các đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường của cô.  - Phần 2 (tiếp đến “chị Thao bảo”): Nho bị thương trong một lần phá bom, Phương Định cùng chị Thao lo lắng và chăm sóc.  - Phần 3 (phần còn lại): Sau giờ phút hiểm nguy, hai chị em ngồi hát, niềm vui trước cơn mưa đá đột ngột. |
| ***Tóm tắt*** | - “***Những ngôi sao xa xôi***” là câu chuyện kể về ba nữ thanh niên xung phong: Phương Định, Nho, Thao - tổ trưởng, làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường ở một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bom.  - Công việc của họ hết sức nguy hiểm. Đặc biệt, họ phải bình tĩnh đối mặt với thần chết trong mỗi lần phá bom - công việc diễn ra từ ba đến năm lần mỗi ngày.  - Họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Cuộc sống của ba cô gái dù là khắc nghiệt và nguy hiểm nhưng vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản thơ mộng và đặc biệt họ gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội dù mỗi người cá tính.  - Phương Định - nhân vật kể chuyện và cũng là nhân v ật chính là một cô gái giàu cảm xúc, hay mơ mộng, hồn nhiên và luôn nhớ về những kỷ niệm với gia đình và thành phố của mình. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã hết lòng lo lắng chăm sóc. Một cơn mưa đá bất chợt đến trên điểm cao khiến các cô hết sức vui thích. |
| **Ngôi kể và điểm nhìn trần thuật** | - Truyện kể về **ngôi thứ nhất**, người kể là Phương Định, nhân vật chính trong tác phẩm đồng thời cũng là điểm nhìn của tác phẩm.  **- Tác dụng**: Thuận lợi trong việc biểu hiện thế giới tâm hồn cảm xúc; suy nghĩ của nhân vật, đồng thời phù hợp với nội dung tác phẩm tăng tính chân thực, tạo độ tin cậy cho câu chuyện. |
| ***Tình huống truyện*** | - **Tình huống truyện:** Một lần phá bom nổ chậm, Nho bị sức ép, Thao và Phương Định rất lo lắng và chăm rất tận tình. Bất ngờ có một trận mưa đá đổ xuống trên cao điểm khiến họ vui tươi trở lại.  **- Tác dụng:** Hiện rõ cuộc sống sinh hoạt, chiến đấu hàng ngày trên cao điểm vô cùng ác liệt, hiểm nguy, có thể hy sinh bất cứ lúc nào, nhưng tâm hồn 3 TNXP vẫn vui tươi, kiên cường. |
| ***Chủ đề*** | Ca ngợi cuộc sống, chiến đấu của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ. |
| ***Giá trị nội dung*** | Truyện “***Những ngôi sao xa xôi***” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật.  + Chọn ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, trẻ trung đầy nữ tính, giàu tính khẩu ngữ.  + Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, chân thực, đời thường (tâm trạng dễ vui, dễ buồn, hay mơ mộng, hoài niệm của tuổi mới lớn; cảm giác sắc nhọn mỗi lần bên trái bom….); đặt nhân vật trong những tình huống đặc biệt, khám phá, phát hiện và miêu tả nhân vật qua những hành động, suy nghĩ,... |

**B/ KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**



|  |  |
| --- | --- |
| **1. Vẻ đẹp của nhân vật Phương Định được nhà văn Lê Minh Khuê thể hiện rõ nét trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”.** | |
| **a) Vẻ đẹp hình thức** | + Qua lời tự giới thiệu thì Phương Định là **một cô gái khá** có ngoại hình khá với *“hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn, đôi mắt dài màu nâu nâu, hay nheo lại như chói nắng”.*  + Các anh lái xe thường bảo*: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm”.* Và chính Phương Định cũng thích ngắm mình trong gương.   * Vẻ đẹp của Phương Định là **vẻ đẹp kiêu sa của những cô gái Hà Nội** |
| **b) Vẻ đẹp tâm hồn:** | |
| **- Vẻ đẹp của sự kín đáo, ít biểu lộ tình cảm trước đám đông:** | + Khi có các anh lính pháo thủ lái xe hay những anh bộ đội đi qua thì các cô gái khác xúm lại để đối đáp với một anh lính nói giỏi nào đó.  + Phương Định **không săn sóc, vồn vã** mà đứng ra xa, khoanh tay trước ngực, mắt nhìn nơi khác  + Cô chỉ điệu thế thôi chứ thực ra cô **yêu quý và ngưỡng mộ nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ**. Với cô, họ là những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất. |
| **- Nhạy cảm, hồn nhiên, mơ mộng** | + Ở chiến trường quen với đạn bom, nguy hiểm nhưng Phương Định vẫn giữ được sự **hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai.**  + Cô **thích hát**, thích những bài hát thể hiện sự phong phú trong đời sống tâm hồn: thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng, thích Ca-Chiu-sa của Hồng quân Liên Xô... Tiếng hát của cô làm vơi đi nỗi nhớ quê hương, gia đình; làm dịu đi cái khốc liệt, dữ dội của chiến trường; tiếng hát cho tâm hồn thăng hoa, cất cánh, vượt lên những đau thương, mất mát, gian khổ, hi sinh.  + Một cơn mưa đá thoáng qua trên cao điểm làm thức dậy trong cô biết bao **kỉ niệm về thành phố thân yêu**: Cô nhớ về mẹ, về ngôi nhà, về con phố thân quen, về những ngôi sao trên bầu trời thành phố, về lũ trẻ, về bà bán xôi có cái mủng trên đầu... Đó là kỉ niệm trong kí ức của một thành phố bình yên đối lập với chiến trường đạn bom ác liệt. Cơn mưa đá chợt đến chợt đi không chỉ làm dịu mát tâm hồn Phương Định mà còn xua đi cái nóng bỏng ác liệt của chiến trường đạn bom, gửi gắm khát khao về một thành phố yên bình. |
| **- Tình đồng đội:** | **- Luôn lo lắng và thấu hiểu đồng dội của mình:**  + Nho và chị Thao đi trinh sát chưa về, cô bồn chồn lo lắng.  + Nho bị thương, Phương Định cùng chị Thao đã băng bó, hết lòng chăm sóc. Cô hiểu rõ tâm trạng của chị Thao mặc dù chị cố giấu bằng cách bảo cô hát.  + Dành tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ cho tất cả các chiến sĩ mà cô gặp hằng đêm trên cao điểm.  + Ngay cả anh đại đội trưởng chỉ tiếp xúc qua điện đài mà cô cũng biết rõ anh từ cách ăn nói đến những đặc điểm riêng. |
| **- Dũng cảm, gan dạ, không sợ hi sinh** | + Từng có một cuộc sống hồn nhiên bên mẹ, bên gia đình nhưng theo tiếng gọi của lòng yêu nước, cô xung phong vào chiến trường, sẵn sàng đối mặt với hiểm nguy, thậm chí là cái chết.  + Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, hiểm nguy, chính cuộc sống và chiến đấu đó đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, gan dạ không sợ hi sinh và tinh thần trách nhiệm rất cao trong công việc. Vẻ đẹp này được khắc họa qua diễn biến tâm lí Phương Định trong một lần phá bom. Trong khi phá bom, Phương Định có nghĩ tới cái chết nhưng chỉ là một ý nghĩ mờ nhạt, thoáng qua, tất cả nhường chỗ cho sự tập trung “Liệu mìn có nổ, bom có nổ không, nếu không thì làm cách nào châm mìn”.. |
| **CKL:** Như vậy, bằng cách xây dựng tình huống truyện độc đáo kết hợp nghệ thuật miêu tả tâm lí tinh tế, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp của Phương Định, đại diện tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ. | |
| **2. Diễn biến tâm lí của Phương Định trong một lần phá bom đã được nhà văn Lê Minh Khuê thể hiện rõ nét trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”.** | |
| **Nhiệm vụ** | - Với nhiệm vụ **trinh sát mặt đường, phá** bom là công việc mà Phương Định và đồng đội của mình phải đối mặt hàng ngày. Nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách với thần kinh bởi cô phải đối mặt với thần chết trong từng giây, từng phút. |
| **Không khí bên ngoài** | - Cái **căng thẳng** nó đến ngay từ không khí bên ngoài *“vắng lặng đến phát sợ, cây cối lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung. ..”*. Những câu văn ngắn như diễn tả sự hồi hộp căng thẳng trong tâm lí nhân vật. |
| **Tâm lí và hành động của Phương Định** | - Trong những giây phút căng thẳng như vậy, Phương Định lại có **cảm giác có ánh mát dõi theo của các anh cao xạ.** Lòng dũng cảm được kích thích bởi lòng tự trọng. Như được tiếp thêm sức mạnh, cô không đi khom mà đi thẳng người đến gần quả bom và bắt đầu thực hiện một cách mau lẹ từng động tác phá bom chuẩn xác. Đoạn văn miêu tả khiến ta hình dung mọi giác quan của nhân vật như sắc nhọn hơn để tập trung cho công việc. “Tôi dùng xẻng nhỏ...nung nóng”  - Trong khi phá bom, Phương Định có **nghĩ tới cái chết** nhưng chỉ là một **ý nghĩ mờ nhạt, thoáng qua** tất cả nhường chỗ cho sự **tập trung: *“Liệu mìn có nổ, bom có nổ không, nếu không thì làm cách nào châm mình”.*** Và sau đó là những giây phút hồi hộp chờ tiếng bom nổ  🡪 Thuật lại diễn biến tâm lí nhân vật trong một lần phá bom, tác giả sử dụng một loạt các câu trần thuật ngắn với nhiều động từ, tính từ giàu sức gợi để khắc họa sự căng thẳng của không khí của công việc cũng như sự căng thẳng hồi hộp trong tâm lí nhân vật. Phải chăng chính công việc khó khăn, nguy hiểm này đã tôi luyện để những cô gái Hà Nội mộng mơ, nhạy cảm như Phương Định đã trở thành những nữ anh hùng dụng cảm, gan dạ với tinh thần “Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh” |
| **CKL: Như vậy, v**ới ngòi bút miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật, Lê Minh Khuê đã làm hiện lên vẻ đẹp của nhân vật Phương Định, đó cũng là vẻ đẹp tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ. | |
| **3. Vẻ đẹp của 3 nhân vật nữ thanh niên xung phong được nhà văn Lê Minh Khuê thể hiện rõ nét trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”.** | |
| **a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu:** | **- Không gian mặt đường:**  + Ở **trên một cao điểm**, giữa một vùng trọng điểm bắn phá của máy bay Mĩ trên tuyến đường Trường Sơn. Con đường dẫn lên cao điểm bị đánh lở loét, mà đất đỏ trắng lẫn lộn, hai bên đường không có lá xanh..  🡪 Phép liệt kê cùng những câu văn ngắn, câu đặc biệt đã tái hiện một không gian đầy nguy hiểm, nơi không có sự sống, cái chết luôn rình rập bởi đó là nơi tập trung nhiều nhất bom đạn bắn phá của quân thù.  ***+*** Công việc: Công việc của họ là trinh sát mặt đường:  + Chạy trên cao điểm giữa ban ngày  + Quan sát địch ném bom  + Đo khối lượng đất đá cần phải san lấp ở những hố bom.  + Phá những quả bom chưa nổ.  🡪 **Công việc vô cùng mạo hiểm**, luôn cận kề cái chết, căng thẳng thần kinh “đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần, thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu...”. Công việc này luôn đòi hỏi tinh thần dũng cảm và sự bình tĩnh cao độ  **- Không gian hang đá**: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, các cô gái về nơi ở của mình. Đó là một cái hang đá **dưới chân cao điểm**. Không gian trong hang mát lạnh, im ắng. Trong hang, các cô gái có thể uống nước suối pha đường, nghe nhạc từ cái đài bán dẫn, làm đẹp, ca hát... Đó là một không gian **bình yên, tươi trẻ thể hiện được sự lãng mạn, lạc quan của các cô gái.**   * Như vậy, hoàn cảnh sống, chiến đấu của các cô gái đều rất nguy hiểm, cận kề với cái chết nhưng chính ở nơi này, chính sự nguy hiểm này là điều kiện để vẻ đẹp của các cô được tỏa sáng. |
| **b. Vẻ đẹp của các cô gái thanh niên xung phong:** | |
| **\* Vẻ đẹp chung:** | **- Ở họ đều có phẩm chất chung của những chiến sĩ anh hùng**  **+Lòng yêu nước:** Họ là những nữ thanh niên xung phong tình nguyện từ bỏ cuộc sống êm đềm bên gia đình để đến một nơi vô cùng gian khổ, thậm chí phải đối mặt với tử thần hằng ngày. Chỉ có tiếng gọi của tình yêu tổ quốc mới đủ sức mạnh để làm nên điều đó.  **+Tinh thần trách nhiệm cao cùng với lòng dũng cảm không sợ hi sinh**: Họ sẵn sàng nhận nhiệm vụ mà không cần sự trợ giúp. Khi đại đội trưởng yêu cầu và khi phân công nhiệm vụ cho nhau, họ luôn giành phần khó về mình. Khi làm nhiệm vụ họ đều cương quyết, táo bạo không hề tránh né, không để khóa khăn nguy hiểm hay thậm chí là thần chết làm lùi bước  + **Ở họ có** **tình đồng đội gắn bó**: Ba người sống với nhau như tình chị em ruột thịt. Khi Nho bị thương, chị Thao và Phương Định hết lòng chăm sóc. Không chỉ vậy, họ còn luôn quan tâm, yêu thương, thấu hiểu tất cả những người đồng chí, đồng đội xung quanh mình.  **- Ở họ còn có những nét đẹp chung của những cô gái trẻ**  **+ Hồn nhiên, mơ mộng, dễ xúc cảm, nhiều mơ ước**  **+ Thích làm đẹp** cho mình và cho cuộc sống ngay cả trong hoàn cảnh ác liệt của chiến tranh  **+ Lạc quan:** Họ thích hát, đây là nét dẹp chung của cả một thế hệ, một thời kì “Tiếng hát át tiếng bom”. Chính tiếng hát đã mang lại cho họ tinh thần lạc quan ý chí dũng cảm để vượt qua nhiều nguy hiểm nơi chiến trường. |
| **\* Vẻ đẹp riêng:** | |
| **Chị Thao** | - **Đội trưởng và cũng là chị cả, người chín chắn, nhiều tuổi nhất**. Do vậy, ít nhiều cũng từng trải hơn Phương Định và Nho. Ở nhân vật này có **những nét tính cách tưởng chừng như đối lập:**  + Rất thích chép bài hát nhưng lại không thể hát trôi chảy bất kì bài hát nào  + Trong công việc, chị rất dũng cảm, quyết đoán, táo bạo, thường nhận khó vè mình nhưng lại sợ máu, sợ vắt.  + Lời nói, hành động có vẻ cứng nhắc nhưng đó là cố tình để che giấu cảm xúc bên trong của một người con gái dễ xúc động và đặc biệt chị rất thích làm dáng: lông mày tỉa nhỏ như cái tăm, áo lót cái nào cũng thêu chỉ màu.   * Ở chị Thao có sự kết hợp giữa cái nhút nhát mềm yếu thích làm điệu của một người con gái trẻ, và cái bản lĩnh, quyết đoán của một người chiến sĩ nơi lửa đạn. |
| **Nho** | - Là **em út** trong tổ trinh sát, **hồn nhiên, trẻ trung**, thậm chí tính nết có phần trẻ con, thích ăn kẹo, thích làm nũng.  - **Dáng vẻ bé nhỏ, nhẹ nhàng**, Nho có sở thích sau mỗi lần đi trinh sát về lại ra suối tắm khiến Phương Định liên tưởng cô như một que kem trắng mát mẻ.  - Ẩn đằng sau vẻ trẻ con đó là một nữ thanh niên xung phong **rất dũng cảm và kiên định, sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ**, không hề rên la khi bị thương, còn biết trấn an để đồng đội không phải lo lắng cho mình. |
| **Phương Định** | - Phương Định là nhân **vật chính, người kể chuyện, cũng đồng thời là nhân vật để lại ấn tượng nhất** trong ba cô gái nữ thanh niên xung phong.  + Là một cô gái Hà Nội, với một tuổi thơ hồn nhiên, vô tư và đầm ấm bên mẹ, bên gia đình.  + Cô tự nhận mình là một cô gái khá: hai bím tóc dày và cái cổ cao, đôi mắt có hồn.  + Tính cách: Bên cạnh tinh thần dũng cảm trách nhiệm cao trong công việc (Được khắc họa chi tiết qua một lần phá bom) và có tinh thần đồng đội cao là sự hồn nhiên, mộng mơ, là những giây phút dành cho khát khao mơ ước trong những hoài niệm về gia đình, về một thời thơ trẻ. |
| **CKL:** Như vậy, những ngôi sao xa xôi – vẻ đẹp lấp lánh tưởng như rất xa nhưng lại rất gần, phải chăng đó chính là vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái trẻ hòa trong vẻ đẹp phẩm chất của những anh hùng, của những con người bằng xương, bằng thịt tuổi mười tám đôi mươi.  *“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*  *Mà lòng phơi phới dậy tương lai”* | |